

PHỔ THÔNG

Tạp-chi Văn-hóa ra ngày 1 và 15.

42

Giản-dịch : NGUYỄN-VỸ

- Một đời người THIẾU SƠN
Bộ óc con người BRUCE BLIVEN
Chuối ngọc trai (truyện ngắn) HOÀNG THẮNG
* Văn sĩ thi sĩ tiền chiến NGUYỄN-VỸ
Lúa đóm lớp lóa TỬ TRÂM LỆ
Nhắc lại chuyện tháp Chàm NGUYỄN TRIỆU
Một hình bóng (truyện ngắn) TRỌNG TÁU
* Những cuộc tình duyên say mê cay đắng
GEORGE SAND và CHOPIN TÂN-PHONG
* Những áng thơ hay : Đêm Liên hoan
của HOÀNG CẨM NGUYỄN THU MINH
Tao đàn nhĩ thập bát tử THÁI VĂN KIỂM
Ai giết Tạ Thu Thâu ? NGÔ THÀNH LONG
và VÕ BẢ HẢI
* Minh sử DIỆU HUYỀN
* Những người đàn bà lừng danh
trên thế giới : DÁT KỲ TÂN PHONG
Trả lời Ô. Bưu Kế ; Minh oan Hồng Bảo . . . NGUYỄN QUANG
Cuộc đời của các nhà tỷ phú trên thế giới
Charles Duclos, vua xô số TRỌNG TÁU
Non nước nên thơ : núi Thiên Ân PHỔ PHONG
* Thơ : Tạ từ KIM DIỆP
Bàn trôi trên sông Hương BẢO LƯU HẢI
Buổi chiều cuối cùng LỆ THƯƠNG

TRUYỆN DÀI

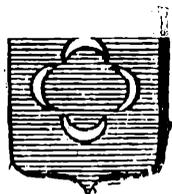
- * Cô gái điên truyện dài của TỬ-VU
Bản dịch của VI HUYỀN ĐẮC
(Xem mục-lục đầy đủ ở trang 4-5)

PHỔ THÔNG TRUNG THU

- * Khoa-học trả lời cho Thi-sĩ :
 " Ai nhuộm lá Thu vàng ? »... *B.S. Hoàng-mộng-Lương*
- * DƯƠNG - QUÝ - PHI. *Tân - Phong*
- * Thu và lòng tôi (Hồi-ký ở Paris). *Huỳnh-khắc-Dụng*
- * Dưới ánh trăng thu : Ca - vũ - nhạc
 Hạ-uy-Di *Nguyễn-quang-Hùng*
- * Chuyện vui Trung - Thu *Vương-hồng-Sến*
- * Mùa Thu trong Thi-ca Nhật *Nguyễn-Vỹ*
- * Nhà Bác-học mơ Trăng
 (Truyện trào phúng) *Trọng Tấn*
- * Một đời người *Thiếu - Sơn*
- * Hằng Nga tiếp vua Đường Minh-Hoàng *Vi-huyền-Đắc*
- * Minh ơi ! Tại sao Rằm sáng trăng ? *Điện-Huyền*
- * Người Đẹp cung trăng (tân Liễu trai) . . . *Mặc-Thu*
- * Tình duyên trong ngục-thất một mùa Thu :
 Thi-sĩ Chénier với cô tù nhân trẻ đẹp . *Tân-Phong*
- * Thơ Thu của *Hý-Khương, Vũ-tiến-Giang, Tuần-Lý, Tì-trám-Lệ, Trần-tuấn-Kiệt* v.v...
- * Và nhiều bài rất giá-trị.
 - Bất đầu dăng :
 Một truyện dài tình cảm của thời đại :
- MỒ-HÔI NƯỚC MẮT.** của *Nguyễn-Vỹ*
 - Và một truyện dài danh tiếng của ngoại quốc :
- THE MOTHER** của Bà **PEARL BUCK**
(giải thưởng Nobel) do *Hoàng-Thắng lược dịch*
 và rút ngắn trong 4 kỳ hết.

Số 43
1-10-60
sẽ có
những bài :

Số Phổ Thông Trung Thu,
thêm trang, vẫn bán 10\$



« NAM THU HÒA KHÚC », chỉ đề tặng các bạn yêu THƠ mùa THU

Danh sách 100 tác giả của 100 bài thơ trong NAM THU HÒA KHÚC

Á-nam Trần Tuấn Khải	Phạm nam Xuyên	Võ huyền Trân
Ứng Bình Thúc gia Thị	Biển ngũ Nhy	Hy Vũ
An đình Trần Kinh	Thường Lạc	Mai Hồng
Tuần Lý	Thanh Trưóc	Mai Châu
Bà Tường Phố	Huyền Vân	Sou Hải
Đông Hồ	Vy Nhân	Hoàng mộng Liên
Mộng Tuyết	Long Giang	Huy Hồng
Bùi đình San	Bà Hồng Thiên	Hoài Nhân
Thái văn Kiếm	Triệu hoài Quốc	Mạc kinh Thi
Vương Hồng Sển	Cường Vũ	Phan phụng Văn
Bàng Bá Lân	Lãng Ba	Sơ Nam
Mặc Thu	Võ hữu Thời	Viên Đăng
Nguồn ngu Í	Mộng Hồ	Tống Nguyên
Thuần Đức	Quả phụ Ngưu Giang	Thanh lam Từ
Mộng Hoa	Tăng Quốc Hiếu	Bạch Vân nữ sĩ
Liên Đường	Hà thanh Tú	Minh Hiến
Cao Thiếu Lang	Mai lệ Giang	Nhật Minh
Hồng Vũ	Tử hương Hồ đình Lạc	Trương tử Lang
Thường Tiệp	Hồng Yên	Phan nhựt Minh
Bà Thanh Liên	Trần quân Bảo	Trứ hình Công
Cô Chiêm Hoàng	Minh Văn	Thanh viết Thanh
Minh Tài	Phùng công Danh T.T.	Minh Quốc
Lệ Thủy	Bùi trân Châu	Hoàng Uyển
Thanh Hương	Thủy vân Tâm	Lê quốc Trinh
Tôn nữ Hỷ Khương	Phạm văn Sứ	Lê văn Tất
Vân Khanh	Đặng Đức Côn	Linh Phong
Minh Kha	Kim Chi	Việt Hoài
Yên Hà Khách	Ngọc Phan	Ái Lan
Hải Lương	Ngô Diêu	Bạch Tuyết
Phạm Lương	Nguyễn Thiệu	Huyền Vi
Phương Tàn	Vũ huyền Dư	Tịnh Minh
Vân hạc Châu Lang	Phan Tố Nữ	Lê công Cát
Trần Việt Kỳ	Ngọc Tiêu	Phan lưu Dương
Đạm Nguyễn	Kính Chi	Tống Sơ
Trọng Tấn và Diệu Huyền		

« Nam Thu Hòa Khúc » không bán ra thị trường



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HOÀ VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HOÀ ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 42 — 15-9-1960

1.— Những sai-lầm trong các sách Văn-học	is	
do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản .	Nguyễn Vỹ	6 — 9
2.— Ai giết Tạ thu Thâu.	Ngô thành Long	10 — 15
3.— Chuỗi ngọc trai (truyện ngắn) . . .	Hoàng Thăng	16 — 19
4.— Buổi chiều cuối cùng (thơ)	Đỗ thị Lệ Thương	20
5.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	21 — 27
6.— Bộ óc con người (khoa học)	Trúc Lâm	28 — 32
7.— Tạ Từ (thơ)	Kim Điệp	33
8.— Nhà tử phủ đỏ đen : Charles Duclos . . .	Trọng Tấu	34 — 38
9.— Văn sĩ thi sĩ liền liền	Nguyễn-Vỹ	39 — 44
10.— Trả lời Ông Biểu Kế : Minh oan		
Hồng Bảo	Nguyễn Quang	45 — 54
11.— Lửa đóm lập lòe (văn vật học)	Từ Trầm Lệ	55 — 60

12.— Những cuộc tình duyên say sưa	Tôn Phong	61 — 63
13.— Những áng thơ hay	Nguyễn Thu Minh	66 — 72
14.— Tao đàn nhị thập bát tú	Thái Văn Kiềm	73 — 77
15.— Đền trôi trên sông Hương (thơ)	Đào Lưu Hải	78
16.— Một hình bóng (truyện ngắn)	Trọng Tấu	79 — 85
17.— Nhắc lại chuyện Tháp Chàm	Nguyễn Triệu	86 — 88
18.— Non nước nền thơ : Núi Thiên Ấn :	Phò Phong	89 — 91
19.— Những người đàn bà lòng danh	Tôn Phong	92 — 97
20.— Minh ơi !	Diệu Huyền	98 — 104
21.— Cô gái diên	Vi Huyền Đắc	105 — 109
22.— Những ngày hoang dại của Nhất Lễ	Xuân Linh	110 — 113
23.— Một màu xanh (thơ)	Tôn Nữ Hỷ Khương	114
24.— Sách báo mới	P. T.	115
25.— Thư bạn đọc	P. T.	116 — 118
26.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	119 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tôn Phong, Bà Tèo, Tạp chí PHỒ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)
 ✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG, và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Những sai lầm
trong các sách Văn-học

do Bộ Q.G.G.D. xuất-bản

C HỨNG tôi thiết tha mong rằng ông Bộ-Trưởng Giáo dục rộng lượng thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi phải đưa ra vấn đề này, vì chúng tôi thấy rằng nếu cứ làm thình mãi, và « để mặc » như mấy lâu nay, thì sự sai lầm còn tiếp tục không biết đến bao giờ mới chấm dứt. Chúng tôi chỉ lo ngại cho cả một thế hệ học sinh và sinh viên hấp thụ một văn hóa lệch lạc của nước nhà, và tất cả chúng ta, trí-thức, văn-nhân, sử-gia, đều phải chịu trách nhiệm nặng nề với Lịch-sử văn hóa của dân-tộc.

Chúng tôi đã chỉ rõ những sai lầm lớn lao về những bài thơ gán bậy bạ cho NGUYỄN KHUYẾN, trong đó có một bài đã đưa ra làm đề-Thi cho T.H.Đ.N.C. khóa vừa rồi, và một bài cuối thế kỷ XVIII mà gán cho Thế kỷ XIII, cách xa đến 500 năm. Hiện nay, theo một số sách luận đề và giảng văn và chúng tôi được biết, còn nhiều bài để lộn tên tác giả, hoặc xuyên tạc cả nguyên văn.

Như bài thơ « *Khúc Thi Bềnh* » mà tất cả các sách — dựa theo quyển « *Quốc văn Trích Diễm* » của Dương quang Hàm, tái bản năm 1958 ở Sài Gòn, — đều để tên tác giả là vua TỰ ĐỨC. Bài thơ như sau đây :

Ở Thị Bằng ơi, đã mất rồi !
 Ở tình, ở nghĩa, ở duyên ơi !
 Mưa hè, nắng chói, oanh ăn nói,
 Sớm ngô, trưa sán, liễn đứng ngồi.
 Đập cổ kính ra, tìm lấy bóng,
 Xếp tàn y lại, để dành hơi !
 Mọi tình muốn dứt, càng thêm bận,
 Mãi mãi theo hoài, cứ chẳng thôi !

Tác phẩm của vua Dục-Tôn (Tự-Đức) có mấy quyển, hiện còn đủ ở Thư viện Huế, chứ không thể mất mát đi đâu được. Chúng tôi ước mong có ai tìm được bài thơ trên kia trong các bản thảo tác phẩm của nhà Vua ấy ! Chúng tôi ước mong tha thiết, vì chúng tôi đã cố công tìm mãi, không có !

Huống chỉ đọc bài thơ thấy rõ ràng không thể nào là của vua Tự-Đức được vì hai lý-do :

1) Một vị Hoàng đế rất bệ vệ, giữ gìn gương mẫu, chịu một giáo dục luân lý gât gao của một bà Mẹ nghiêm khắc như bà Từ-Dũ, không bao giờ mê một nàng cung phi mà thốt ra những lời lẽ rất « lãng mạn » : « ở tình, ở nghĩa, ở duyên ơi ! ». Tôi đã hỏi nhiều người ở Huế, hoặc là Hoàng phái, trong đó có Thi sĩ THANH TỊNH lúc anh làm trong « Société des Amis du Vieux Huế », thì TRONG ĐÁM CUNG PHI CỦA VUA TỰ ĐỨC KHÔNG CÓ AI TÊN LÀ THỊ BẰNG CẢ, và vua Tự-Đức cũng không có « tình nghĩa » khấn khít với một nàng phi nào cả.

2) Vả lại, một nàng quý phi ở trong cung điện nhà vua thì sao lại « Mưa hè, nắng chói », sao lại « sớm ngô, trưa sán » Hè, chói, ngô, chỉ là ở nhà tranh vách đất của bọn dân đen chúng ta thôi chứ, làm gì có trong cung-điện nhà Vua ?

Vậy mà ông Dương quang Hàm cũng gắng gượng chú thích hai câu ấy như sau đây :

Mưa hè, nắng chói, oanh ăn nói,
 Sớm ngô, trưa sán, liễn đứng ngồi.

« Hai câu này tả chí dảng điện của nàng khi còn sống ăn nói khéo léo như chim oanh, đứng ngồi mềm mại như cây liễn ». Vậy thì còn hè,

— Dạ, thưa ông, kỳ này tôi đang Nhật đề khảo sát những hạt ngọc trai nhân tạo của người Nhật.

— Ồ, nếu vậy thì ông tha hồ mà mua nhé vì giá nó rất rẻ mà lại đẹp nôm như thật vậy.

Anh Vân nhíu mày :

— Nhưng thưa ông, ngọc trai giả thì có giá trị gì, thưa ông ?

— Nếu vậy tôi mời ông đoán thử chuỗi hạt trai của nhà tôi đang đeo đây là giả hay thật và giá là bao ? Vừa nói ông ta vừa chỉ vào chuỗi hạt trai lóng lánh cuốn vòng quanh cổ một bà rất đẹp, tuổi chừng ba mươi và có đôi mắt rất tình tứ.

Mọi người đều khen ngợi là một chuỗi hạt trai rất đẹp, ánh sáng phản chiếu lóng lánh.

— Chà ! Một chuỗi hạt trai thiệt quý giá, rất có thể là vô giá nhất là nó lại được ngự-trị trên chiếc cổ trắng ngần của bà, Anh Vân trả lời một cách rất là vừa lòng phái đẹp, lại hơi cúi đầu về phía bà ta một cách rất « điệu ».

Ông khách lạ vội cười ròn rã ngụ ý chế nhạo Vân trong khi một bà vợ ông ta chợt tái đi để rồi lại đỏ bừng lên như ngượng ngượng.

— Thôi thôi ông bạn vàng

của tôi ơi, ông đừng nói dóc nữa. Chuỗi đó chỉ là chuỗi hạt trai giả mà thôi.

Mọi người ồ lên ngạc nhiên pha thích thú.

Ông ta nói tiếp :

— Vâng thưa ông bạn và tất cả các ông bà ở đây nữa, tất cả nhận xét nhầm hết rồi, vì chính đó là chuỗi ngọc trai nhân tạo và chỉ đáng có ba ngàn thôi.

Khi tôi mới đi xa về, vì tôi quên không mua quà cho nhà tôi, nên nhà tôi có lấy ba ngàn đồng để đi mua chuỗi hạt trai này. Chính tôi cũng không ngờ của giả mà nôm lại như thật vậy.

Anh Vân gân cổ cãi; hàng râu đen rúm lại :

— Vô lý, vô lý, đời tôi, tôi chưa hề nhầm lẫn bao giờ cả. Tôi đánh cá với ông đây là chuỗi ngọc trai thiệt, nếu giả tôi xin mất với ông một số tiền gấp ba lần giá tiền chuỗi ngọc trai mà ông đã nói.

Ông khách cũng vội nói luôn như sợ Anh Vân đổi ý :

— Xin vâng, xin vâng, tôi bằng lòng cá với ông.

Mặt đỏ gay, Anh Vân trả lời :

— Tôi rất bằng lòng nhưng đề đến sáng mai vì hiện giờ

đồ dùng để thử tôi cắt ở đáy vali. Mai tôi sẽ thử và tôi nhất định nói rằng đó là chuỗi ngọc trai thật.

Sau đó Anh Vân bỏ đi ra ngoài boong tàu. Tôi cũng vội ra boong để gặp anh. Tôi cố hỏi lại câu chuyện vừa qua và e ngại anh sẽ mất tới chín ngàn bạc nhưng anh nhất định cãi là anh sẽ thắng dù rằng tôi đã viện lý lẽ là chính bà vợ ông ta đã tự đi mua về. Anh Vân không trả lời chỉ lấy tay chỉ vào mắt rồi dụi mắt lại để nỗi hân lên bộ râu râu sẫm đen.

Sáng hôm sau, trong phòng trà đã chật ních những người. Ai ai cũng mong ngóng Anh Vân tới. Khi tôi và Anh Vân, tay sách máy thử tới, thì trong phòng ồn ào hân lên.

Ông khách lạ vồn vã mời Anh Vân và tôi đến ngồi nơi bàn của ông. Tôi nhận thấy đôi mắt của bà vợ trẻ ông ta thâm quầng như tổ cáo đêm rồi bà không ngủ được.

Sau khi mời nhau uống chén nước, ông khách lạ mời Anh Vân thử luôn. Ông quay sang phía người vợ ngồi dục bà ta tháo chuỗi ngọc ra.

Thấy bà lúng túng mãi không

tháo được, Anh Vân vội đứng lên lại gần để tháo giúp. Chợt anh nhìn thấy mặt bà ta tái hẳn đi, và người run bần lên như sợ hãi một việc gì.

Anh chợt hiểu nguyên do tại sao chiều hôm trước bà ta cố ý ngăn chõng bỏ qua cuộc thách thử này mặc dầu ông chõng khăng khăng không chịu.

Anh Vân nheo mắt nghĩ ngợi, rúm môi lại nhìn lại chuỗi hạt trai lần nữa nơi cổ người thiếu phụ rồi cũng chẳng cầm tới mấy thử, anh đồng dặc tuyên bố là anh thua cuộc, chịu mất chín ngàn đồng vì đó chỉ là chuỗi hạt trai giả mà thôi.

Mọi người cười ồ hân lên và đồng cho anh từ trước tới nay chỉ toàn nói xạo. Nhiều người huyết sáo nhạo báng trong khi ông khách lạ cười ròn rã, khoái chí. Ông ta vui vẻ mời tất cả ngồi uống rượu.

— Mời các bạn cứ việc uống cho say, tiền đã có ông bạn tài giỏi của tôi đây trả hết.

Biên vội tẩm ngân phiếu chín ngàn đồng, trao cho người thắng cuộc. Anh Vân đứng dậy rào cẳng bước nhanh ra ngoài phòng nhưng anh cũng kịp nhận được

ái nhìn biết ơn của người thiếu phụ đẹp.



Chỉ còn qua một đêm là tới đất Nhật, chúng tôi thao thức không ngủ được, chỉ mong chóng sáng để được nhìn thấy xứ của Hoa Anh Đào.

Đêm dài đến đâu rồi trời cũng sáng. Anh Vân trở dậy sớm đi tắm, còn tôi thì thu xếp quần áo trong tủ vào vali.

Chợt có tiếng gõ cửa khe khẽ. Tôi ngược nhìn ra cửa thì chợt nhìn thấy một chiếc phong bì lớn từ từ chui vào phòng dưới cánh cửa. Rồi có tiếng giày bước nhẹ, xa dần, nơi cuối dãy hành lang.

Cầm lên xem tôi thấy đề tên ANH VÂN, nét chữ duyên

dáng, mềm mại của một người đàn bà đã viết.

Khi Anh Vân tắm xong, tôi vội trao chiếc phong bì đó cho anh. Không ngần ngại anh xé vội rồi rút ruột. Đó là số tiền chín ngàn đồng và tấm giấy nhỏ ghi hàng chữ « thành thật cảm ơn ông ».

Đút tiền vào túi, và trước cơn mắt ngạc nhiên của tôi, Anh Vân chậm chạp rút thuốc lá, châm mồi lửa, hút một hơi dài. Từ từ nhả khói, từng vòng tròn một, cái nọ nối tiếp cái kia, xuyên qua nhau rồi tản mạn lên trần phòng, mắt mơ màng nhìn theo khói thuốc rồi chợt anh nhìn thẳng vào mắt tôi, anh nói :

— Tôi thề với anh, nếu tôi có lấy vợ, nhất là vợ đẹp, không bao giờ tôi xa vợ tôi đến hai ngày.



* DANH NGÔN : Suy nghĩ và nói.

Cứ nói tất cả những gì anh suy nghĩ thết rồi anh không còn suy nghĩ những gì anh nói nữa.

(A force de dire tout ce qu'on pense, on finit par ne plus penser tout ce qu'on dit)

K.

BUỔI CHIỀU

CUỐI

CÙNG

Còn buổi chiều nay nữa đó anh
Thương nhau bằng vạn thuở kính thành
Chừ đây thu đã nhiều ly biệt
Anh với em còn rất mỏng manh

Lệ đồ nhiều trên bến nước này
Thuyền ai đi để nhớ thương đây
Niềm vui dần chết trong tay nắm
Không đủ làm vui giá lạnh đây

Mỗi lúc chiều lên, lúc nắng lên
Hồn em mang nặng mấy ưu phiền
Và lẫn lá rụng, lẫn hoa rụng
Anh cũng buồn sao ? Anh của em ?

Mây hươc là anh — kiếp hái hồ
Bến mùa — thỉnh thoảng ghé kính đồ
Còn em anh hỏi, là hoa lá
Đời chỉ tàn theo những đợt chèo

Gặp gỡ nhau rồi cách biệt nhau
Tình ta có mấy thuở vui đâu !
Mai này chắc hẳn anh muôn dặm
Ngày lại ngày em tiếp nhận sầu

Ôi buổi chiều vui đã cuối cùng
Tình ta còn để lại gì không ?
Gió về thu đã man man lạnh
Bến nước đầy sương khét mũi mừng

Tay nắm tay dài mãi luyến thương
Nói năng gì nữa buổi chita đường ?
Thu rơi từng cánh vàng đôi ngã
Tiếng thở dài lan rộng bốn phương

Chim bay về núi thăm mệnh mang
Lòng cũng như chim nhỏ lạc đàn
Hạt chút linh hồn tm lặng đê
Cùng nhau thông cảm nổi băng khuâng...

ĐỖ THỊ LÊ-THƯƠNG (Huế)

HỒI KÝ

Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI

XV

NHỮNG ĐỒ ĐỆ CỦA JEAN JAURÈS

(Tiếp theo P.T. số 41)

TÔI là một nhà văn mà thời-cuộc đã xô đẩy ra khỏi tháp ngà và đưa tôi vào một dòng chánh-trị khuynh-tả rõ-rệt. Chẳng những khuynh-tả mà lại còn có cơ sở quốc-tế. Thật là tất cả đều trái ngược với bản-tính của tôi. Nhưng lần lần tôi tìm hiểu chủ-nghĩa xã-hội và thứ nhất là tìm hiểu những nhà lãnh đạo xã-hội thì tôi thấy rằng lòng tôi cũng không đến nỗi bơ-vơ trống trải giữa những đồng-chí của tôi. Thứ nhất là tôi đã tìm hiểu được Jean Jaurès mà tất cả các đảng viên đều suy tôn là một vị Sứ-đồ và đều chịu ảnh-hưởng một cách sâu-đậm. Jean

Jaurès con nhà nghèo mà học giỏi. Từ tiểu học cho lên tới đại-học luôn luôn ông đứng đầu lớp. Thi vào trường Cao-đẳng Sur-pham ông đậu số 1. Nhưng ở đây ông đụng đầu với một bạn đồng học tương-xúng với ông là Henri Bergson. Jaurès với Bergson là hai ngôi sao sáng của nhà trường. Một người thì thông minh hoạt-bát, một người thì xúc-tích thâm-trầm. Họ luân phiên dành nhau chức khôi nguyên ở mỗi kỳ thi lên lớp. Rồi chính các bạn đồng-học cũng chia ra hai phe, một phe ủng-hộ Jaurès, một phe ủng hộ Bergson. Tới kỳ thi ra trường họ cá nhau một

bên thì nhứt định Jaurès dậu dàu một bên thì cả quyết Bergson về nhứt. Rốt cuộc lại không người nào về nhứt cả. Bergson về nhì. Jaurès về ba. Còn chức khôi-nguyên lại dành cho một người tới nay không còn ai nhắc tới tên tuổi nữa. Người đó tên là Lesbazeille.

Jaurès chỉ tha thiết được làm giáo sư và có tiền để giúp đỡ gia đình. Nhưng rồi ông cũng không thể sống mãi được đời sống phẳng lặng của một vị giáo sư. Định mạng đã lôi kéo ông ra làm chính trị và trở nên một lãnh tụ đầy uy-tín của đảng xã-hội Pháp hồi trước trận thế giới chiến-tranh lần thứ nhứt. Ông không chống lại với chủ-nghĩa của Marx nhưng ông chủ trương phải điều-hòa chiết trung tất cả những tư tưởng xã-hội của những bậc tiền bối, kể cả những nhà xã-hội duy tâm mà người ta hay gọi là không tưởng. Một người có vốn học nhân bản như Jaurès mà chủ-trương như thế thì lại càng thích hợp vì ông không thể nào phủ-nhận được những giá trị tinh thần của nhân loại. Ông đã từng đứng trên lập trường duy tâm mà diễn thuyết tranh biện với Paul Lafar-

gue là rề của Marx đứng trên lập trường duy vật. Vì tranh đấu cho hòa bình và công lý mà ông đã làm cho bọn tư bản thực dân giết ông. Ông bình vực cho Dreyfus bị bắt oan. Ông chống lại cuộc viễn chinh của Pháp ở Maroc. Hăng hái nhứt là những nỗ lực của ông để ngăn cản cuộc chiến tranh Pháp Đức mà ông biết rằng sẽ biến thành thế giới chiến tranh. Nhưng ông đã phải đương đầu với những bọn phản-động chủ chiến. Bọn này cũng có những kẻ cuồng tín và một trong những kẻ đó đã ám sát ông ngày 31 tháng 7 năm 1914. Jaurès cũng như một bức tường thành để ngăn cản chiến tranh. Trước thây ông có người đã nói : " Bây giờ chiến tranh có thể bước qua mình ông mà đi tới ".

✧

Hiều biết Jaurès tôi càng thấy thương - mến những đồ-đệ của ông là những đồng-chí xã-hội của tôi. Ở những chương trên tôi đã nói tới một vài đồng-chí hoạt-động trên những địa-hạt ngoài phạm-vi của đảng như những ông Courteneuve và Prétou. Nay tôi sẽ nói tới những đồng-chí hoạt-động trong nội-bộ

đảng, những chiến-sĩ đã phục-vụ cho đảng và làm cho nó phát-triển và có uy-tín ở Việt-Nam.

Trước hết tôi phải nói tới anh Valère, người tổng-thor-ký Chi-bộ Saigon đã kết-nạp tôi và đã đứng mũi chịu sào trong những cơn giông-tổ phũ-phàng, đầy gian-nan và nguy-hiêm. Anh gan-dạ tới chỗ li-lợm. Các bạn đã phê-bình anh : “ Trước gian-nguy mặt anh không biến sắc được vì da anh đen, không đen sì, nhưng đen ngăm và có duyên dáng dễ. Anh không buồn vì lời nói chơi đó vì biết rằng các bạn không có ý ngạo mình. Trái lại các bạn vẫn kính nể và có ý đề-cao anh.

Anh người xứ Martinique, có quốc tịch Pháp, làm tham sự Ngân-kho, sống giản dị, dễ dãi với mọi người, vui tính với anh em, nhưng trung thành với lý tưởng và cương quyết khi cần giữ vững lập trường.

Khốn nỗi là lúc đó lập trường của chi bộ Saigon là đối lập với chính sách của Cao ủy phủ nên anh đã phải đương đầu với nhiều đợt tấn công có thể nguy cho tánh mạng. Nguy nhất là cuộc tấn công vào nhà in in tờ Justice

và nhà riêng của anh, bắt anh đi mò tìm mà may phước có một đồng chí cứu được anh. Chuyện này đã nói ở chương trên, tôi nhắc lại là để chứng minh một lần nữa rằng sau những nguy hiểm anh Valère không chịu lui bước và anh đã một phần nào xứng-dáng với vị sứ-đồ Jean Jaurès.

Anh có những đồng chí cũng li-lợm như anh là các anh Lassailly và Padovani. Lassailly làm thợ máy ở Hãng xe điện, người to lớn dĩnh dàng, tiếng nói oang oang, không hay thảo-luận về chánh-trị nhưng hễ gặp chuyện vừa lòng thì vỗ đùi, xoa tay cười ha ha, mà gặp việc nào trái tai gai mắt thì la lối chửi thề, nhiều khi cung tay đòi đánh. Anh là điển hình cho người công nhân Pháp, người cán bộ cơ sở của giới thợ thuyền, coi như lỗ măng ngang tàng nhưng rất ngay thẳng và tận tụy. Anh về Pháp năm 1946 rồi không trở qua nữa.

Anh Padovani, người xứ Corse nên hay nói và hay la. Anh cũng đã ký tên trong bản kiến-ghị của nhóm người Pháp đòi độc-lập cho Việt-Nam hồi tháng Hai năm 1946. Cũng về nghỉ trong năm đó. Trước khi về anh có nói chuyện với tôi rất lâu, định

MỘT ĐỜI NGƯỜI

nình gần bỏ nhiều điều tâm-sự và hứa chắc rằng anh sẽ tiếp-tục hoạt-động ở Pháp để tranh-đấu cho chánh nghĩa độc lập của Việt nam.

Năm 1954 tôi trở về lại gặp lại anh ở Saigon và làm việc cho chánh-phủ cụ Ngô. Anh vẫn cười nói bô-bô và bảo rằng nhiệm vụ người chiến-sĩ xã-hội chưa hết vì còn những bất công xã-hội cần phải san - bằng, còn lý - tưởng xã-hội cần phải thực-hiện.

Nước Việt Nam đã hoàn toàn độc-lập cố-nhiên đang xã-hội Pháp không còn được hoạt-động ở Việt-Nam nữa. Nhóm xã hội thu nhỏ lại gọi là học-hội Jaurès (Cercle Jaurès). Đó là một việc làm hợp lý nhưng anh Padovani nhất định đòi cho được trở lại bề-thế năm xưa và đòi xin tái lập Chi-Bộ SFIO ở Saigon. Ý muốn của anh không thể nào thực hiện được nhưng cũng đủ cho ta thấy rằng anh bướng-bỉnh và không tưởng tới bực nào. Tuy nhiên anh rất tận tâm và không bỏ rơi các bạn trong những lúc khốn cùng. Anh đã can-thiệp với chánh-phủ Cộng-Hòa xin trả tự do lại cho tôi trước ngày anh về Pháp lần chót vào năm 1956. Sự can-thiệp của anh không có

kết quả nhưng tôi vẫn nhớ mãi tấm lòng tốt của anh.



Chi Bộ Saigon nhờ có đảng-viên Việt-Nam vô cùng ngày càng phát-triển. Chúng tôi thành lập thêm nhiều chi-bộ và tổ-chức thành Liên-đoàn Nam-Việt (Fédération du Sud — Việt-nam) Trụ-sở ở Vassoigne bị chủ-phố dời lại. Chúng tôi mượn được một căn phố ở đường hẻm Farinolle để thay-thế. Trong lúc này, anh Valère đưa đến cho chúng tôi một đùng chí mới ở Pháp quá mà anh giới thiệu là Maurice Hervochon. Hervochon tuổi chưa đầy 30. Mặt sáng rỡ nhưng nói cười có mực-thước, anh Hervochon mau chiếm được cảm tình của anh em. Trong những cuộc thảo-luận, anh tỏ ra có tư-tưởng tiến-bộ, nhưng chủ-trương ôn-hòa và có thái-độ bình-tĩnh, được ít lâu anh Valère cho hay rằng anh có nghị-định phải dời đi Vũng-Tàu và đề-nghị cử anh Hervochon lên thay thế làm Tổng-thư-ký Liên-đoàn và có người khác làm thư-ký chi Bộ Saigon. Tôi được đề-cử làm Tổng Thư-ký Liên-chi Việt-nam và phó Tổng Thư-ký Liên đoàn Nam-Việt.

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Từ đây anh Valère xa chúng tôi, thỉnh thoảng mới dạo về Saigon và giúp chúng tôi những ý kiến sáng suốt trong nhiều vấn đề khó khăn.

Người ở bên chúng tôi bây giờ là anh Tổng thư ký mới, anh Hervochon. Anh này càng ngày càng tỏ ra xứng đáng với lòng tin nhiệm của anh em.

Anh Hervochon với đoàn thể thanh niên xã hội từ hồi nhỏ nên chủ nghĩa xã hội đã thấm nhập vào xương tủy của anh. Từ lối cư xử với anh em tới cách điều khiển một hội nghị cho chí đến cuộc vui sống trong gia đình anh đều có một tác-phong đặc biệt xã hội là ôn hòa, dân chủ, bình đẳng và đoàn kết. Anh thuộc về hạng xã hội trí-thức : vui không xuông xả, giận có mực thước, nhưng lòng từ ái của anh thì vô hạn vô biên.

Một đồng chí Việt - Nam bị theo dõi, anh liền cho dọn một căn phòng tại nhà anh cho anh trú ẩn được chị Hervochon giúp đỡ và chăm sóc tận tình.

Anh làm biên tập viên sở Báo-diện nên tôi càng gần anh, hiểu anh và thương anh hơn nữa.

Liên đoàn xã hội đặt dưới quyền lãnh đạo của anh đã bắt

đầu bước qua giai đoạn mới, tuy còn đối lập nhưng đã được nhà cầm quyền Pháp nể vì, thường có những cuộc tiếp xúc với Cao ủy phủ và các chánh phủ « quốc gia » của Bảo-Đại.

Anh không từ khước những cuộc tiếp xúc đó vì cho rằng « chánh sách có mặt » (politique de présence) có thể có bổ ích cho cả hai bên. Nhưng anh tha thiết mong cho sớm chấm dứt cuộc huynh đệ tương tàn nên anh bảo chúng tôi phải bắt liên lạc với kháng chiến vì thực tế thì chỉ có thể nói chuyện với những kẻ cầm súng mới mong đem lại hòa bình. Quan điểm của anh được toàn thể anh em chấp thuận. Và người tán thành nhiệt liệt nhất là lão đồng chí Louis Caput.



Louis Caput là một giáo sư đã làm việc lâu năm ở Bắc Việt. Ông lãnh đạo chi bộ Hà-nội dưới chế độ thực dân trong mười mấy năm trường. Ông là cây gai trước mắt nhà cầm quyền Pháp nhưng cũng là cây cầu đề nối liền hai dân tộc. Trong hàng ngũ kháng chiến có rất nhiều người quen biết ông, trước kia đã là đồng chí, là bạn thân hoặc là đồ đệ của ông.

Hồi Pháp mất chủ quyền ở Bắc

Việt ông là một sứ-giã bán chánh thức có uy tín đối với Chánh-quyền Cách - Mạng. Hồi đàm phán đề ký-kết Hiệp-ước Sơ-bộ ông là người trung-gian đề dung-hòa quan-diêm của đôi bên. Hồi súng nổ ở Hà-nội, ông đã cứu sống được cả ngàn người Pháp mắc kẹt trong vùng kiểm-soát của đối phương. Ông phục-vụ hòa-bình, bền gan như Mạc - Tử-nhiệt thành như Jaurès.

Ông đã nếm nhiều thất bại chua cay mà không bao giờ óng nản-chí ngã lòng.

Sau Hiệp-dịnh sơ bộ, ông đã vô thăm chúng tôi và tiếp xúc với Chi Bộ Saigon. Sau khi khỏi lửa đã mịt mù dưới trời Bắc-Việt ông được lệnh dời về Nha Trang rồi dời lên Đà-lạt. Người ta muốn đày ông ở những nơi xa cách Saigon đề ông khỏi can thiệp vào những công việc người ta muốn làm. Người ta muốn tái chiến thuộc địa bằng biện pháp quân sự. Ông muốn giải phóng dân tộc và tái tạo hòa bình. Người ta muốn đặt ra những chánh phủ bù nhìn để chia rẽ. Ông chủ trương phải nói chuyện với đối phương và ngưng bắn. Ông được Liên-đoàn Xã-hội Nam Việt ủng hộ và có uy tín

lớn với đảng bộ ở Paris.

Ở Đà-lạt ông thường xuống nhóm họp với chúng tôi và mỗi khi Liên-chí Việt Nam có ý kiến xung đột với một vài đồng chí Pháp thì luôn luôn ông về phe với chúng tôi:

Cũng có khi tiệc tùng nhậu nhẹt ông cao hứng thuật cho chúng tôi nghe nhiều chuyện tranh đấu của ông.

Cũng có khi ông đập bàn, diêm-mặt và mắng nhiếc những đồng chí Pháo muốn trở cờ theo Bảo-Đại, bán rẻ lương-tâm, từ bỏ lý-tưởng đề kéo dài cuộc lưu-huyết ở Đông-Dương. Những lúc đó người ông như đúc bằng gang thép và lời nói của ông như chặt sắt, chém đinh.

Cuối năm 1954 tôi gặp con ông cũng tên là Louis Caput làm ở Phái-đoàn văn-hóa Pháp và cũng là một chiến sĩ Xã-hội như cha.

Chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều về ông.

Thình lình anh Caput báo tin cho tôi biết rằng ông đau và chẳng bao lâu thì được tin ông chết. Cái chết của ông cũng đẹp đẽ vô cùng. Ông tuổi già, sức yếu, mà vẫn không chịu nghỉ-ngoi. Ông hết dự hội-ngộ này

MỘT ĐỜI NGƯỜI

tới hội-ngự khác. Việt-Kiều mở tiệc liên-hoan mừng hòa-bình trở lại, gọi giấy mời ông. Ông đương nằm trên giường bệnh mà cũng ráng tới dự. Về nhà ông té xỉu mấy lần rồi chết luôn.

Suốt đời ông đã tận tụy với lý tưởng Xã-Hội, đã phục vụ

cho hòa bình cho tới phút cuối cùng của ông.

Ông là một đồ đệ trung thành của Jean Jaurès. Cùng với Valère và Hervochon, ông đã chiếm một địa vị đặc biệt trong tâm hồn của tôi.

(Còn nữa)



★ DANH NGÔN : Dại và khôn

Một người ngốc mà muốn làm thầy khôn, cũng khiến cho người ta ngạc nhiên như một con bò kéo cày mà muốn chạy như con ngựa.

(Un imbécile qui veut essayer de faire l'intelligent étonne et scandalise comme un boeuf de labour au galop).

GEORGES BRASSENS

★ CÓ GAI

Một đêm tối trời, một con nhím con ở sở Thú sỏ chuông đi dạo chơi với con nhím mẹ. Một lúc lạc đường, nó sợ hoảng, bò đi kiếm con nhím mẹ. Nó đụng một bụi gai xương - rỗng, nó mừng quýnh :

— *Má, phải không má ?*

B. T.

★ HỌC TOÁN

Trong lớp mẫu giáo, cô giáo dạy về toán cộng, biểu trò Phương (5 tuổi) :

— *Phương, thí-dụ em có 5 hòn bi, và em lấy thêm của em Mỹ 5 hòn bi nữa...*

Trò Mỹ vội vàng la to :

— *Thưa Cô, em không cho đâu ạ.*

B. T.

Khoa-học phổ-thông

BỘ ÓC CON NGƯỜI

★ Giáo sư BRUCE BLIVEN

Những phát minh mới nhất trên lãnh vực khoa học như nguyên tử lực vệ-tinh nhân-tạo, chứng tỏ khả năng của bộ óc con người thật vô tận. Chúng tôi tra cứu theo tài liệu mới nhất của giáo sư Bruce Bliven, trình bày ra một số phát minh mới lạ, về bộ óc con người, để chúng ta thấy rõ mà tận dụng mọi khả-năng của bộ óc trong sự ích lợi cho cá nhân và cộng đồng.

★

BỘ ÓC con người thật là một trong những kỳ quan của vũ-trụ. Đó là một bộ máy cực kỳ tinh vi, đặc dụng trong rất nhiều việc mà nói chung, chính ta là chủ, ta không tưởng tượng hết được. Sau đây là một số đặc tính :

1. — Trí óc không bao giờ mệt mỏi và bị quá sức

Thường có người hay nói đến sự mệt mỏi của trí óc, và tưởng tượng rằng việc tập trung tư tưởng lâu dài sẽ làm cho óc mệt mỏi. Hiện nay các nhà Bác học cho đó là điều không thể có. Hoạt động của óc không có những cử động như các bắp thịt : chỉ có những phản ứng điện hóa tựa như bên trong một bình ắc-quy.

Nếu ta thấy nặng đầu sau nhiều giờ làm việc bằng óc, sự mệt mỏi đó thực ra chỉ ở mắt, ở các só thịt, nơi cổ và lưng. Bản chất bộ óc có thể hoạt động mãi mãi. Một thiếu phụ thí nghiệm như sau : Bà làm một hơi những bài tính nhân 4 số, thật mau ; hết bài này đến bài khác suốt trong 12 tiếng đồng hồ, bà ta thấy trong thời gian đó chỉ có giảm sút một ít về năng xuất thôi. Cuối cùng chỉ vì cơ thể mệt mỏi và vì đói mà thiếu phụ ấy phải nghỉ. Điều mà ta quen gọi là mệt mỏi trí óc, thường chỉ là sự buồn chán. Tỉ như ta đọc một tác phẩm khó, ta cảm thấy lưỡng-lự ý muốn dừng lại và sự thèm khát tiếp tục. Theo một nhà tâm lý học trú danh : cái điều ta cảm thấy đó, không phải là sự mệt mỏi trí óc mà là sự đấng trí và vì ta thiếu khả năng chiến thắng những ý nghĩ muốn được giải trí.

II.—Khả năng chất chứa của bộ óc là vô tận

Các só não che chở tư tưởng, trí nhớ và tất cả hoạt động của lương-trí con người, chứa đựng quan hệ nhất độ 10 đến 12 tỷ những tế bào ly ty bao bọc bằng một lớp sợi kỳ cực nhỏ, dính liền

với nhau và do đó chuyển qua lại tin tức bằng những luồng điện. Tư tưởng và trí nhớ đều tùy thuộc sự lưu chuyển những luồng điện đó. Những kẻ thiên tài thường chỉ dùng đến chừng một phần rất ít trong cái kho trí tuệ quý báu của họ và một người bình thường cũng chỉ dùng chừng 10 đến 12 phần khả năng của bộ óc mà thôi.

Hiện nay, người ta vẫn chưa biết rõ ràng, bằng cách nào bộ óc ghi lại những điều thuộc trí nhớ. Một số bác học cho rằng, mỗi một kỷ niệm được chứa đựng trong vài trăm đến vài ngàn tế bào dính liền với nhau thành từng vòng kính, bên trong luôn luôn có luồng điện chạy. Một số khác lại nghĩ rằng những điều ghi nhớ có thể như là in trên từng tế bào, hoặc gắn vào cái vòng tế bào như những cái gút từng khúc trên một sợi giây. Tuy vậy, người ta vẫn biết rằng trong thời gian từ 30 đến 60 phút liền sau khi tiếp thu một cảm giác trong đầu, cái cảm giác đó chỉ thoáng qua trong trí óc, mà chưa được ghi lại chắc chắn. Có lẽ vì đó mà nhiều người khi bị một vết thương ở óc, đâm quên mất tất cả những sự việc

xây ra trước đó 15 phút.

Mặc dù vậy những điều mà trí óc có thể ghi giữ lại được vượt xa tổng số những tế bào của não. Theo một nhà sinh-vật học nổi tiếng nghiên cứu về não thì óc của một người 70 tuổi có thể chứa đến 15 ngàn tỷ những điều ghi nhớ khác nhau. Bởi vậy trí nhớ là một kho chứa biết bao điều ngoài sức hiểu biết của ta. Rất tiếc là phần đông chúng ta không lợi dụng hết được cái kho tàng khổng lồ ; chất chứa không biết bao nhiêu là trí thức và kinh nghiệm !

III.— Thiên tài không quá quan trọng như người ta tưởng

Thần chất đề chứa một sự thông minh xuất chúng không phải như người ta thường nghĩ là một bộ óc « vĩ đại » mà chắc chắn là do ở cái màng bao bọc não có nhiều « nếp cuốn » (Circonvolutions) đồng thời với sự lưu thông đều-đặn khí-huyết làm cho não luôn luôn được đầy đủ máu, dưỡng khí, chất Glucose, và một số hóa chất quan-trọng khác.

L Những hình thể của óc đóng

một vai không quan hệ bằng sự sử-dụng trí óc. Số tế bào của óc được đặc dụng trong một người chuyên-cần sử dụng bộ óc hơn là trong những người có thiên tài nhất thế gian, và còn vượt hơn hẳn về trí nhớ. Một người có trí-óc tầm thường nhưng siêng năng và chăm chỉ sẽ hơn một người thông minh nhưng biếng nhác. Sự thật chứng tỏ rằng số những danh nhân không phải đều có một sự thông minh tuyệt đối thật đặc biệt đâu. Dĩ nhiên về phương diện đó (thông minh) thì họ ở trên mức trung bình song vẫn còn thua rất xa những bộ óc nhất là thông thái ? Điều mà họ có hơn xa thiên hạ là chí thú-thăng không ngừng của họ.

IV.— Tuổi tác không ngăn trở việc học tập

Một trong những ý tưởng sai lầm phổ biến nhất là nghĩ rằng bộ óc sẽ lùi lại trong việc học tập khi con người ta càng lớn tuổi. Điều đó chỉ đúng trong một từng mực rất nhỏ hẹp không mấy quan trọng trong thực tế.

Người nào ra đời cũng có một cái vốn tế bào về não. Số tế bào đó chỉ tiêu mất đôi khi vài chiếc,

không đáng kể lắm trừ trường hợp bị những bệnh nặng về óc.

Đĩ nhiên những người càng già thì thấy sức khoẻ càng giảm sút, ở một số người thỉnh thoảng sự thông minh cũng giảm sút.

Các nhà y học cho rằng hiện tượng trước cũng như hiện tượng sau đều do các tai nạn kế tiếp xảy ra cho các bộ phận khác nhau trong con người, tai nạn tuy lúc xảy ra không đáng kể nhưng

càng ngày càng nhiều đến nỗi gây những sự thay đổi quan trọng trong cơ thể.

Sự giảm dần khả năng của trí não ở những người lớn tuổi

có quan hệ với sự kém sút trong sự lưu thông của máu và một số Glucose. Chắc chắn do đó mà những người già nua hồi nhớ lại thuở thiếu thời rõ rệt và tỷ mỹ hơn là những năm về sau, chắc chắn kỷ niệm lúc trước đã khắc ghi trong thời kỳ mà sự tuần hoàn đều đặn hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên; sự sút kém đó chưa thành một cái luật nhất định và tàn nhẫn cho những người già

cả. Mỗi người trong chúng ta cũng biết có nhiều người đàn ông và đàn bà đến 80 hoặc 90 tuổi còn giữ được sức cường tráng và sự minh mẫn của trí óc. Sự lan lợi trong tuổi già đó, chứng tỏ rằng sự giảm sút các khả năng trí óc không nhất thuyết bởi lẽ nhiều tuổi.

V. — Sử năng của trí não càng được sử dụng nhiều thì càng phát triển



Giống như các bắp thịt, óc não sẽ tê liệt nếu không hoạt động. Bằng chứng là những dây thần kinh thuộc thị giác bị hư lúc còn tuổi thiếu niên, những tế bào trong óc thuộc phạm vi thị giác không nảy nở được.

Bộ óc càng già thì chung quanh các số não (dưới hình thức dây) hiện ra một chất mỡ cần thiết cho sự hoạt động của óc. Chất đó không có ở trẻ sơ sinh và do đó chúng ta không nhớ được những sự việc của thời kỳ 2 — 3 tuổi. Nhiều nhà sinh vật học cho rằng:

BỘ ÓC CON NGƯỜI

Sự luyện tập càng nhiều, một bộ phận nào của nó sẽ kích thích. Sự sinh nở càng nhiều chất mỡ ấy ở bộ phận đó.

Trong hoạt động của trí óc, thì những hoạt động càng gay go càng ích lợi hơn. Ta càng suy nghĩ, càng được dễ dàng trí nhớ cũng vậy : nhiều chuyên viên cho rằng : với thói quen ta có thể rút ngắn đến 2/3 thời gian cần thiết để ghi nhớ một kỷ niệm

trong óc.

Tất cả khía cạnh về tính chất một con người đều ở trong bộ óc. Trong đó, có chí kiên quyết tiến thủ. Chí đó cũng càng ngày càng phát triển trong sự hoạt động như các phần khác. Mỗi khi ta đeo đuổi đến cùng một công tác buồn tẻ thì một lần khác. Mỗi khi cần làm lại, ta sẽ làm được dễ dàng và thích thú.

TRÚC-LÂM dịch.

2. TAM TEM GỖ LÈ

Hai người điên ở Biên Hòa nói chuyện với nhau :

— Nè, tại ở nhà giấy thép điên quá, mầy à ! Con tem 2\$ họ cũng bán 2\$, vậy thì họ không ăn lời sao chớ ?

Người điên kia giảng giải :

— Xì, mầy điên chớ ai điên ! Cái thư nặng 20 gờ-ram một phải dán com tem 2\$, mà thư người ta gửi đâu phải cái nào cũng nặng 20 gờ-ram ? Có cái chỉ nặng 10 gờ-ram, hay là 15 gờ-ram, vậy thì nhà giấy thép họ ăn lời cái chỗ cân thiếu đó, mầy nghe hông, thằng điên ?

B.T.

3. DANH NGÔN ; MIẾT VÀ LÀM

Nếu tôi biết điều gì tôi muốn, tôi sẽ biết học điều gì tôi làm.
(Si je savais ce que je veux, je saurais mieux ce que je fais)

BENJAMIN CONSTANT

(Thi sĩ Pháp)

Tạ - Từ

*Khung trời vĩ đại vẫn chứa hương yêu
Em đến với anh khi nắng nửa chiều
Tình thắm ban mai, chiều nay đã nhạt
Buổi sau cùng anh vẫn cứ yêu em ?*



*Câu sum-hợp đề ngàn sau chép lại
Em trở về say thiếp mối sầu tư
Đã yêu anh, em cũng quyết tạ từ,
Dù cố lắm thì vẫn đành làm thế.
Nhớ nữa chi anh mấy lời hải thệ
Mối duyên tình Nam-Bắc xót tim đau
Mộng chung đôi, ôi của một thuở nào
Mong ước hẹn đã thấy mình tù túng
Hối tiếc thêm chi chiều đang tím lụn
Mất anh buồn nhưng có nói gì đâu
Mà tìm em vẫn cảm thấy u sầu
Nên khó dứt một mối tình vừa chớm
Em thàm trách anh yêu em quá sớm
Đến hôm nay ta ghét chuyện duyên tình -
Cầu cho anh tìm lại đóa hoa trinh
Đề nối tiếp một ân tình chưa vẹn
Thì giữa đôi ta, xóa lời ước hẹn
Lấp men buồn dưới đáy mộ sầu thương
Em về thôi, nẻo xa mấy dặm trường
Anh chớ tiếp, dù một lời thú tội.*



*Khung trời vĩ đại vẫn chứa hương yêu
Đã hết yêu anh, hết cả mơ chiều
Xưa vẫn khuyên anh đừng yêu chung thủy
Buổi sau cùng, anh có hiểu lòng em ?*

KIM - ĐIỆP (Saigon)

CUỘC ĐỜI CỦA CÁC NHÀ TỶ PHÚ TRÊN THẾ GIỚI



CHARLES DUCLOS

TRONG lúc gần đây, đã có một hồi báo chí nước ta rộ lên một chiến dịch bài trừ nạn chợ đen vé số. Chánh quyền đã kịp thời đưa ra nhiều biện pháp để chặn đứng tệ đoan nói trên. Đó là truyện ở nước mình, còn xổ số nước người ra sao, hẳn nhiều khi ta cũng muốn biết qua cách làm ăn của họ. Có thể là, bạn sẽ tự hỏi : « không biết xổ số nước người có bán giá chợ đen hay không ? », hoặc « những kẻ trung gian vé số làm ăn ra cách nào ? ». v.v...

Dưới đây chúng tôi xin kể lại cuộc đời của một kẻ đã thành tỷ-phú nhờ xổ số. Đó là tay cờ bạc khét tiếng Charles Duclos ở Pháp. Anh ta đã bán chợ đen vé số một cách không những công khai, lại còn được chánh

*nhà tỷ-phú đỏ đen
đã lũng đoạn thị
trường xổ số*

★ TRỌNG-TÁU

quyền Pháp cho phép là đằng khác. Nhưng, xin các bạn nhớ rằng một khi đã đoạt được cái đặc ân đó, ít ra Charles Duclos cũng phải là người thế nào, phải nắm được trong mình những « lá bùa » ghê gớm lắm.



Năm 1936 là năm khùng hoảng của lịch sử kinh-tế quốc-tế. Lúc đó, nói đến Xổ Số, ai ai cũng lác đầu mà ngán hơn ăn cơm nếp. Xổ Số Quốc Gia của Pháp cũng do ảnh hưởng ấy,

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ TỶ PHÙ

lâm vào ngõ bí. Mặc dầu các báo hàng ngày, hề có dịp lại đăng lên trang nhất hình ảnh của các nhà Tân-Triệu-Phú, miệng cười khoái trá, toét lên đến mang tai, nhưng thiên hạ vẫn nhất định coi nàng Xổ Số như một cô nhân tình hết duyên xấu xí. Hồi đó, 100 quan giá tiền mua một vé số, đối với người dân là một số bạc to, bởi vậy giới phụ trách Xổ Số vô đầu bút tai, không biết làm sao giải quyết nổi vấn đề bán.

Một ông tiên đã đem liền cho nhà hữu trách phép lạ. Charles Duclos, tay cự phách giang hồ trong làng đồ đen, một hôm tự hỏi « Thời buổi khó khăn này mà bán tấm vé số tới 100 quan thì ai mua ? Nếu ta đem phân ta làm mười có lẽ dân chúng tiêu thụ nhanh hơn vì nó vừa với túi tiền của mọi người ». Thế là anh ta tức tốc thảo một chương trình, đề nghị với chánh quyền rồi xin giấy phép độc quyền khai thác vé số theo kiểu mới ấy.

Công việc làm ăn của anh ta như sau :

Anh đem bán hết cả những quan rượu và mấy sở nuôi ngựa giồng của mình đi, tom góp lấy

một số tiền kha khá để chuyên chú vào công cuộc làm ăn mới mẻ này. Anh đem tiền mua một số lớn các vé số do chánh phủ phát hành, rồi căn cứ theo những số vé ấy, cho in ra một loại « vé con » để bán cho dân chúng. Cứ mỗi một « vé cha » (do anh mua của chánh phủ) thì anh lại cho in 10 « vé con » (do anh ấn hành). Dĩ nhiên 10 vé con sẽ cùng mang một số giống như vé cha. Lấy có rằng cần phải trả thêm tiền ấn loát, hoa hồng và linh tinh, anh xin chính phủ cho phép được bán lại vé con thành 11 quan thay vì 10 quan, giá tiền 1/10 của vé số. Như vậy, tức là 10 vé con đại diện cho 1 vé cha (từ đây xin hiểu *vé cha* là của chính phủ, *vé con* là của Charles Duclos), anh đã bán được tới 110 quan. Mới trong có một điểm này, anh đã công khai bán chợ đen rồi (tiền chi phí phụ thuộc anh xài đâu có hết 10 quan ?). Ngoài ra, Charles Duclos lại còn được hưởng nhiều nguồn lợi « ghê gớm » hơn nữa. Chúng ta hãy đi sâu vào chi tiết để thấy rõ cái gian hùng của Duclos. Ta hãy nhìn công cuộc làm ăn của anh ta : Mua vé số thật nhiều, Charles Duclos không

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ TỶ PHÚ

những được hưởng giá sỉ mà còn được trừ 20% tiền hoa hồng. Năm 1948, xổ số Quốc Gia Pháp cho phát hành 600.000 vé mỗi tuần cho hai loại A và B, giá mỗi vé 430 quan. Nếu Duclos mua 50.000 vé thì anh chỉ phải trả 370 quan mỗi vé (giá sỉ) có trừ thêm 20% hoa hồng tức là anh phải xuất ra : 370×50.000
 $20\% = 18.130.000$. Đem biến 50.000 vé *cha* thành 500.000 vé *con*, anh có quyền bán mỗi vé con lên tới 50 quan mỗi vé tức là anh thu được : $50 \times 500.000 = 25.000.000$ quan. Thế là anh đã lãi : $25.000.000 - 18.130.000 = 6.780.000$ quan trong một tuần.

Không những anh đã nuốt không cả chục triệu quan mỗi tuần không tốn một đồng xu thuế nào cho chính phủ (anh mua nhiều số chứ không phải chỉ có 50.000 như ta lấy làm con số thí dụ), anh còn ăn chặn một cách vô tội vạ bao nhiêu là vé *con* không có người lãnh bởi vì :

Những vé *cha* do anh mua của chính phủ đều do anh giữ lại, nếu có trúng, chính tay anh đem ra kho bạc lãnh tiền. Các

tay con không có quyền đem vé 1/10 ra kho bạc lãnh, dĩ nhiên phải đến nhận 1/10 số tiền trúng ở nơi anh. Mặc dầu Charles Duclos phát tiền sòng phẳng cho các tay con, nhưng vẫn có 5 phần trăm các lô trúng không có ai đến lãnh. Số tiền này dĩ nhiên « bắt buộc » phải chui vào túi Duclos. Tại sao vậy ? Là vì, có nhiều khi bạn mua 1 vé con tặng cho cô hàng cà-phê hay bán vịt lộn chẳng hạn để làm vui lòng người đẹp ; thế rồi số đó trúng, người đẹp không biết nhà ông Duclos ở đâu mà đi lãnh ; bạn đi tìm người đẹp để lãnh giùm ? Người đẹp bán hàng rong như « chim én lưng trời » đã bay đi đâu mất. Rốt cuộc chỉ có ông Duclos là bờ. Trên đây là một trường hợp điển hình, còn nhiều trường hợp khác xảy ra nữa..

Tiền lời về xổ số chui vào két Duclos như thác đổ, nhưng anh vẫn chưa vừa ý. Anh còn muốn nghĩ cách làm thế nào cho các số « vé con, không lãnh » tăng thêm. Duclos khuếch trương công cuộc phát hành ra ngoài quốc. Chính bởi sự

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ TỶ PHÚ

khó khăn về vấn đề lãnh tiền (vì xa xôi) và lại nhiều khi số tiền trúng nhỏ mọn, thiên hạ lười đi lãnh khiến cho Duclos càng thêm nhiều món tiền lời vĩ đại. Sau này, nhiều người hiểu rõ mánh khoé làm ăn của anh, nên Duclos đã bị gặp nhiều trở ngại. Người ta không muốn về cho một kẻ, chỉ nhờ cái sáng kiến còn con nói trên, cứ ngồi mát ăn bát vàng mãi. Thiên hạ bắt đầu lên tiếng công kích. Nhưng, Duclos, tên gian hùng đó đen đâu có chịu thua, hấn xin nhà nước được đóng tiền con niêm cho mỗi vé số, thế là không khí căng thẳng lại được xoa dịu dần, rồi người ta quên đi để cho anh tiếp tục bóc lột thiên hạ. Sau này, muốn cho dễ bán hơn nữa và để số tiền trúng càng nhỏ hơn cho người ta dễ thờ ơ không lãnh. Duclos chia vé số 14 tới 20, 30 phần. Duclos đã nhảy một bước từ anh tằm tơ lên Tỷ-Phú.

Những lúc sau, lối làm ăn của anh không còn được độc quyền nữa vì các tổ chức từ thiện bắt đầu lục tục cũng khai thác theo kiểu đó. Dù sao đi nữa, anh cũng là cha đẻ ra

« cái trò » này, do đó anh được mệnh danh là « ông vua phần mười » của xổ số.

Thấy lối làm tiền này bắt đầu hết ăn, Duclos trở về nuôi ngựa đua và đánh bạc. Anh mua 3 số nuôi ngựa giống tại Normandie và chọn Montecarlo (1) làm nơi cư-trú.

Ngay trước năm 1939, Charles Duclos đã được kể như một nhân vật quan trọng nhờ những cổ phần to tát của anh trong các công cuộc kinh doanh. Anh đã thuê thường xuyên căn số 231 của Hôtel de Paris để hề có dịp lưu trú tại Ba-Lê thì ở đó. Nên nhớ là ở đây anh phải trả tới 75 quan một ngày. Vào thời đó, chỉ có những ông Hoàng bà Chúa mới dám xài tiền kiểu ấy và ở những nơi sang trọng như vậy.

Vào tháng 7 năm 1940, Xổ Số hết quay, các sòng bạc đóng cửa. Duclos chỉ còn biết giết thì giờ bằng cách đánh cờ với mấy chú gác đàn. Trong thời gian ấy, anh nghiên cứu và nghiên cứu các phương pháp đánh bạc để hy vọng trở nên « tay tổ » của đồ đen. Sòng bạc lại được phép mở cửa, Duclos thuê 3 người thư ký chuyên môn

(1) Thành phố cờ bạc.

CUỘC ĐỜI CÁC NHÀ TỶ PHÚ

chuyên làm việc tại sòng bài. Những người làm công của Duclos phải ngồi từ sáng đến 1 giờ khuya trong các sòng đồ bác. Anh cung cấp tiền cho những người này đánh theo lối chơi đồng đội mà anh nghĩ ra. Nhưng, anh bị thua đậm. Anh mất nhiều tiền, người ta không biết là bao nhiêu. Số tiền thua cũng được giữ bí mật không khác gì số tiền « ăn mẫm » của anh trước kia nhờ Xổ Số. Anh trở lại chơi một mình. Duclos dự tính mỗi ngày có thể thua lời nửa triệu quan. Như vậy, nếu thua luôn anh có thể mất 15 triệu một tháng, vì... đối với anh, chủ nhật và ngày lễ không có. Anh đã từng tuyên bố : « Tôi đặt năm ngàn, tôi ăn 75 ngàn, tôi lại đặt cả số tiền đó để đầu vào 6 triệu »

Cuộc sống của Duclos vẫn tiếp diễn như một ông Hoàng bên cạnh cuộc đồ-đen. Sáng nào cũng vậy, anh ngồi ăn điểm-tâm trên sân thượng của một quán ăn lộng lẫy nhất đất Pháp. Anh vừa nhấp hụm cà-phê vừa chăm chú xem một cuốn sách sạt giấy. Đây không phải cuốn « Tư-Bản-Luận » của Karl Marx mà cũng không phải cuốn tiểu thuyết tình. Nó là một cuốn sách giấy về pbương pháp làm

sao cho trò chơi « Ru-Lết » hoặc « Tài Xỉu » không còn là một trò may rủi nữa. Anh ước-ao điều khiến sự rủi may một cách có khoa học, nhưng nào có được. Câu « cờ bạc là bác thầng bần » bắt cứ ở thời nào và nơi nào cũng đúng cả.

Khi còn oanh liệt, mỗi khi mua sắm, Duclos dám rinh cả 400 cái mùi xoa và từng 50 sô-mi một lúc. Với cái đà sống mà mùi xoa 1 năm mới giặt 1 lần, sô-mi 2 tháng một cái, ai dám bảo Duclos có ngày tàn tạ ? Ấy thế mà một hôm, bỗng nhiên người ta thấy Duclos phải đếm lại sô-mi và mùi xoa : chỉ còn 200 mùi-xoa và 20 sô-mi ? Chính lúc ấy là lúc Duclos bỏ đi, người ta không biết đi đâu mất.

Duclos, tay giang hồ cờ bạc đã không sống nhờ cờ bạc. Anh thành tỷ-phú, chính là nhờ đã biết lợi dụng cái « cấu-thả » của loài người, cấu thả trong việc đi lãnh những vé trúng cou con không đáng kể. Bạo phát, bạo tàn, đời người tư voi xuống chó là mấy chốc ?

Kỳ sau : Quốc - Vương xứ Haiderabad giàu hơn Aga Khan, người có hạt toàn to bằng quả trứng.



CHƯƠNG III

Các « Nhà Báo »

(Tiếp theo P.T. số 41)

TẠI NƯỚC hết xin nói về vấn-đề danh-từ. Hồi Tiền-chiến ở Hà-nội, hai chữ « *Ký giả* » chưa được thông-dụng như ngày nay. Trong một tòa báo, ngoài Chủ-nhiệm, có Chủ-bút và các Trợ-bút, hoặc Bình-bút. Tất cả các cộng-sự-viên của một tờ báo đều được gọi bằng một danh-từ chung : Nhà - Báo, đúng theo

★ NGUYỄN - VỸ

tiếng Pháp là Journalistes. Chủ-nhiệm thường thường là người có tiền bỏ vốn ra làm tờ báo, và chịu trách-nhiệm trong việc điều-khiển tờ báo về mặt vật-chất và tinh-thần, cả đối với pháp-luật nữa. Những viên Chủ-nhiệm bỏ tiền ra làm báo với mục đích duy nhất là khai-thác thương-mãi, thì họ mời một

Nhà-báo chuyên nghiệp, có kinh-nghiệm trong nghề và có học thức làm Chủ-bút, như trường-hợp ông BUI-XUÂN-HOC, chủ-nhiệm tờ *Hà Thành Ngọ-Báo* hằng ngày, và tờ tuần báo *Việt-Nữ*, ông PHẠM-LÊ-BÔNG, chủ-nhiệm hai tờ tuần báo *La Patrie Annamite* (Pháp văn) và *Nam - Cường* (Việt-văn), ông LÊ - CƯỜNG, chủ-nhiệm tờ *Tiểu - thuyết thứ năm*, v.v... Những ông này không bao giờ viết báo cả, vì không phải nghề - nghiệp của họ : Phạm - Lê - Bông là một nhà kỹ - nghệ sản-xuất pháo (Pháo hiệu *Tường kỷ* của ông đã nổi tiếng), Lê-Cường là chủ nhà thuốc *Hồng Khê* chế tạo các loại thuốc cao đơn hoàn tán, và nổi tiếng nhất là thuốc lậu Hồng Khê. Hầu hết họ là những nhà tư bản, có óc kinh-doanh, họ coi tờ báo là một xí-nghiệp có thể khuếch trương to lớn được. Tôi không nói về phương diện địa vị trong xã hội, vì phần nhiều các nhà tư-bản kia cho rằng làm Chủ-nhiệm một tờ báo được danh giá hơn là làm chủ một nhà buôn pháo, hoặc một nhà thuốc cao đơn hoàn tán. Đó là quan-niệm của họ giữa

một xã - hội còn đương thời phong kiến.

Thường thường, Chủ-nhiệm kiêm Chủ-Bút trong các tòa báo thời Tiền chiến, là người vừa là chủ nhân của tờ báo vừa điều khiển thật sự bộ Biên tập. Trường hợp này rất nhiều, như cụ HUỲNH THỨC KHÁNG, Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân & Huế*, NGUYỄN-VĂN VINH, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *L'Annam Nouveau* (Pháp văn) ở Hà-nội, và *Trung Bắc Tân văn*, HOÀNG TÍCH CHU (Tuần báo *Đông Tây*), NGUYỄN KHẮC HIẾU (An nam tạp chí), PHẠM QUỲNH (Nam - Phong Tạp - chí) v. v... Hầu hết những ông này vừa là Nhà-báo, vừa là Nhà văn. Họ trông-nom tất cả các bài đăng báo của Bộ Biên tập thường-xuyên, của các vị Trợ-bút bất thường, cũng như lai-cáo của các bạn Độc giả gửi về. Họ điều-khiển tất cả đời sống tinh thần và vật chất của tờ báo.

Trái lại, nhiều vị Chủ-nhiệm không viết bài và không thể điều khiển được bộ Biên tập, bởi nhiều lý-do (hoặc bận lo

việc kinh-doanh khác nữa, hoặc không phải chuyên nghiệp làm báo, hoặc sức khoẻ yếu, v.v..) thì họ lại mời một chủ-bút để trông nom bộ Biên-tập. Chủ bút thường thường phải là người có nhiều kinh-nghiệm làm báo, nhiều khả năng, và có uy-tín. Chủ Bút có thể là Nhà-văn hoặc một Nhà báo chuyên-nghiệp. Chúng ta có thể kể vài ba trường hợp, như :

Báo *Đông Pháp* ra hằng ngày: chủ nhiệm là NGÔ-VĂN-PHÚ (?) Chủ bút là NGÔ-VĂN; *Ngo Báo* : chủ-nhiệm BÙI-XUÂN-HỌC, Chủ bút, có một dịp, là HOÀNG-TÍCH-CHU (chủ-bút hay thay đổi luôn) ; *L'An-học tạp-chí* : chủ nhiệm M'ÔNG-TỰ-QUÁN, Chủ bút LÊ-TRĂNG-KIỀU ; *Vit Dye* : Chủ nhiệm là... ? Chủ-bút TAM-LANG, *Việt-Nữ* : Chủ-nhiệm BÙI-XUÂN-HỌC, Chủ-bút Nữ-sĩ MỘNG-SƠN ; *La Patrie Annamite* : chủ-nhiệm PHẠM-LÊ-BÔNG, Chủ-bút TÔN-THẮT-BÌNH, *Nam phong tạp chí*, sau khi PHẠM-QUỲNH vào Huế làm Thượng-Thơ, thì đổi lại Chủ bút NG..TIẾN-LÃNG.

Tờ *L'Annam Nouveau*, sau khi NGUYỄN-VĂN-VĨNH không còn làm nữa, được trao lại ông LÊ-THĂNG làm Chủ bút. (ông Lê Thăng hiện làm Trạng-sư ở Sài-gòn), tờ *Phụ-nữ Thời-đam*, chủ nhiệm... (?), Chủ-bút ông PHAN-KHÔI, *Ích-Hữu* : Chủ nhiệm VŨ ĐÌNH LONG, Chủ bút TRƯƠNG-TỬU, v.v...

Không có trường hợp nào Chủ nhiệm không bao giờ viết bài hoặc bình thoảng mượn người khác viết giùm mà để tên trên mặt báo là « Chủ nhiệm kiêm Chủ bút ».

Ở các nước văn minh khác, như ở Âu-Mỹ, hay Ấn-độ, Nhật-bản, cũng không bao giờ có trường hợp ấy. Chủ bút phải là người có trách nhiệm thường xuyên về tinh thần tờ báo, phải trông nom các bài của bộ biên-tập và xem các lai-cáo, thư từ của Bạn đọc gửi về liên quan đến Tòa soạn. Ông chủ tọa các cuộc hội nghị nội bộ của Tòa soạn, và đưa ra các chỉ thị quan hệ mật thiết với hoạt động của tờ báo mà ông có nhiệm vụ gìn giữ đúng theo tôn chỉ và xu hướng. Vì thế, ông phải viết bài xã-luận, — (Hồi Tiền chiến gọi

là *xã-thuyết*) —, để hướng dẫn tờ báo theo mục đích nhất định của nó. Một tờ báo có căn bản nghề nghiệp, bất cứ hàng ngày hay hàng tuần, luôn luôn được tổ-chức theo một hệ - thống chặt - chẽ, chứ không bao giờ bừa bãi được. Nó là một cơ-quan, dù là của tư nhân, nhưng vẫn có tính cách công cộng vì ảnh-hưởng của nó trong quần-chúng rất rộng lớn. Cho nên nó phải theo một kỷ-luật nội bộ như thế nào để giữ được không những giá-trị riêng của tờ báo mà cả uy-tín của quốc-gia và dân tộc mà nó là đại-diện dư-luận, hay là tiêu biểu cho văn hóa, nghệ thuật, văn-minh, v.v...

Đi từ nguyên tắc ấy, một số lớn báo chí ở Hà nội và ở Huế hồi Tiền chiến, (tôi không dám nói đến tình hình báo chí ở Sài-gòn thời bấy giờ vì không được biết rõ ràng), đã gây được ảnh-hưởng rất lớn trong quần-chúng Việt-Nam về mọi phương diện. Vai trò của *Nam Phong tạp chí*, *Tiểu thuyết Thứ Bảy*, *Phong Hóa*, *Đông - Phương*, *Tri Tân*, *Văn học tạp chí v.v...* đối với văn học, của *L'Annam Nouveau*, *Tiếng Dân*, *Thực-nghiệp dân báo*,

Le Peuple, v.v..., đối với chính trị, ảnh hưởng của *Đông Tây Tuần Báo*, *Loa*, *Tiểu thuyết Thứ Nam*, của cả một đôi tờ báo Pháp văn của một nhóm sinh-viên lãng mạn du học ở Pháp mới về, như báo *Le Misogyne* in bằng mực tím, v.v., đối với thanh niên, đã để lại trong xã-hội Việt-Nam thời Tiền-chiến những dấu vết sâu đậm, mà mấy năm đầu của Thế chiến cũng không thể xóa nhòa được.

Trái lại, cái gì giả tạo, không thích hợp với lịch trình tiến triển tự nhiên của Thế hệ, hoặc do chính quyền thuộc địa chủ mưu, đều hoàn toàn thất bại, chỉ có rầm rộ bề ngoài, rực rỡ trên lớp vỏ nhất thời, mà không có ảnh hưởng tý gì trong quảng đại quần chúng cả trí thức lẫn bình dân. Như báo *Nam-Cương* của PHẠM-LÊ-BÔNG ở Hà-nội, *Tràng-An*, *Gazette de Huế*, của BÙI-HUY-TÍN (Chủ nhiệm), và NGUYỄN TIẾN-LĂNG (chủ bút), v.v... đều bị dân chúng coi như những cơ quan nịnh bợ chính quyền, và không gây được một ảnh hưởng nào đáng kể. Những tờ báo ấy cũng nói đến Văn học, Khoa học,

tra cứu Lịch sử, Văn hóa, v.v.. và in trên giấy tốt, chữ đẹp, giá bán rẻ, nhưng không ai mua.

Sự cạnh tranh báo chí, có thể nói là không quá hung dữ như ngày nay. Nói đúng hơn, là không có sự cạnh tranh bất chính, bắt chấp lương tâm nghề nghiệp. Báo hàng ngày có độ ba bốn tờ Việt - ngữ : *Trung Bắc Tân Văn*, *Đông Pháp*, *Tin Mới* (tờ này mới ra đời từ khoảng 1938 — 39 của một nhóm Thanh niên Trí thức). Nên kể cả mấy tờ nhật-báo Pháp (để làm tài-liệu) : *l'Avenir du Tonkin*, *La Volonté Indochinoise*, *France — Indochine*, *l'Indépendance Tonkinoise*, *l'Ami du Peuple Indochinois*, và một tờ tuần-báo Pháp, chống chính-phủ thuộc-địa, *l'Argus Indochinois*, của **AMÉDÉE CLÉMENTI**. Ông này có người vợ Việt-Nam, làm Giáo-sư, quê ở Thái-Bình. Cả hai vợ chồng đều nghiện thuốc-phện (và nghiện nặng), nhưng Báo *l'Argus Indochinois*, (tờ soạn chỉ có hai vợ chồng) có ảnh hưởng vô cùng sâu-rộng trong giới trí-thức và sinh viên cách mạng. *Amédée Clémenti* là

người Pháp chính tông, nhưng có tư-tưởng cách mạng triệt-đề, theo thuyết Nhân-quyền và Dân quyền, chủ-trương Việt-Nam độc-lập. Phải nói rằng Amédée Clémenti là người pháp duy-nhất ở Hà-nội luôn luôn đã kích chính phủ thực-dân và đòi cho Việt-Nam được Tự-do và độc-lập. Ông là « con vật đen » của sở Mật thám Pháp, nhưng chính quyền thuộc địa không làm gì được ông cả. Có lần người ta chỉ bắt cóc người xếp thợ sắp chữ của ông để trả thù vật mà thôi. Ông viết bài « chữ » sở Mật Thám thậm-tệ, thì họ cho phao tin rằng anh xếp thợ sắp chữ của báo *L'Argus* có lẽ bị « Mẹ-Mìn » bắt đưa đi Nouvelle Calédonie rồi. **AMÉDÉE CLÉMENTI** là bạn thân của NGUYỄN - VĂN - VINH. Ngoài ra, trong làng báo Pháp ở Hà-nội còn có ông ERNEST BABUT, chủ nhiệm kiêm chủ-bút tờ *La Revue Franco - Annamite* (Pháp Việt tạp-chí.)

ERNEST BABUT là người Pháp, có chân trong Hội Nhân quyền và Dân quyền của Pháp ở Paris (*Ligue des Droits de l'Hom.*

me et du Citoyen), Ông là hợn thân của cụ PHAN - CHÂU - TRINH. Theo lời ông nói với tôi, thì chính ông đã trực tiếp vận động với chính phủ Pháp, để phản đối quyết liệt việc triều đình Huế toan kết án tử hình Phan-châu-Trinh, và để trả lại tự do cho cụ, sau khi cụ bị đày vô Côn-lôn. Thời kỳ Đại-chiến 39-45, Ernest Babut vẫn ở Hà-nội, cho đến tháng 12 năm 1946, khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ tại Thủ-đô Bắc-Việt, thì — cũng theo lời ông Babut thuật lại — ông bị lính Pháp bắt được dưới hầm của Bộ-bộ phủ trong lúc họ kéo tới chiếm đóng lâu đài này. Ông nói ông bị lính Pháp lấy bằng súng đập vào ông như tử, may nhờ có Cao ủy Pháp kịp đến can thiệp. Ông được đưa phi cơ vào cư-trú tại Đalat. Năm 1948, tôi gặp ông Ernest Babut ở nơi đây với bà vợ của ông. Ông là người của đảng xã-hội Pháp, và lúc nào cũng công kích chính sách thực dân.

Ông Babut cũng quen thân với ông LÊ DƯ, bố vợ của nhà văn VŨ-NGỌC-PHAN. Chính nhờ sự quen thân này mà Vũ-ngọc-Phan sau khi đỗ Tú tài Pháp, được vào giúp việc cho ông Babut, và giữ mục Văn học ở phần Việt ngữ của *Pháp-Việt tạp-chí*. Ở đây, VŨ-NGỌC-PHAN chuyên việc dịch

ra Việt ngữ những bài xã thuyết của Babut, viết về thời sự Việt Nam và quốc tế, và một bài phê bình Văn học Việt-nam. Phần nhiều các bài trong quyển « *Nhà Văn Hiện-Đại* » của Vũ-ngọc-Phan đều đã đăng lần đầu tiên trong *Revue Franco-Annamite* của Ernest Babut.

Từ 1948 đến 1955, tôi thường gặp ông Babut ở Đalat, chúng tôi chỉ nói toàn chuyện chính trị. Ông vẫn luôn luôn chống chính sách thực dân Pháp và nhiệt liệt chống Bảo-Đại. Có lần tôi hỏi ông về Vũ-ngọc-Phan, ông phê bình họ Vũ như sau đây : « Tôi không đọc được những bài phê bình văn-học Việt Nam của Phan, nhưng tôi không tin rằng một chàng thanh niên ốm yếu bệnh hoạn như Phan mà có thể có trí óc nhận xét lãnh mạnh và đúng đắn. Về chính trị cũng thế. Tôi biết Vũ-ngọc-Phan trên mười năm chứ ít sao. »

Năm 1958, tôi có nhận được thư của ông Babut báo tin bà Babut chết. Tội nghiệp quá, hai vợ chồng nghiện thuốc phiện, mà lại nghèo khổ. Ông Babut hiện còn sống ở Đalat, đã già quá rồi, gần 90 tuổi, trợ trợ một mình ! Có thể nói rằng ông Ernest Babut là người Pháp kỳ cựu nhất còn sống ở Việt Nam, và ông là Nhà báo Pháp được hầu hết các Nhà báo và nhà văn Việt Nam mến phục.

(Còn nữa)

Minh oan

HỒNG-BẢO và ĐOÀN-TRUNG

★ NGUYỄN-QUANG

(Tiếp theo P.T. 41)

VẬY, 2 câu thơ dưới đây đã thành câu ca dao bất hủ của dân chúng Thừa Thiên do Trần thanh Mại đã ghi trong tác phẩm « *Túy Lúy Vương* » xác nhận là 2 câu thơ của TƯƠNG AN QUẬN VƯƠNG làm ra, để nhớ thương HỒNG-BẢO :
*(Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người « quân tử » khăn
điều vắt vai.*

BK số 85, trang 21, đoạn 20, ông Bửu-Kế lại nói : « ... ông Nguyễn-Quang, cũng như một số người khác, không rõ nghĩ-thức trong Trữu... ». Vâng, ông

Bửu-Kế nói đúng, nhưng xin hỏi ngay ông rằng, sự thật, quyền thần có giữ đúng phép nước không ? Và ông đã đọc tập « *Quelques précisions sur une période troublée de l'Histoire d'Annam* » của Delvaux chưa ?

Nếu ông Bửu-Kế đã đọc quyển ấy rồi, thì ông hẳn thấy NGUYỄN - VĂN - TƯỜNG ĐẢ NGANG NHIÊN LÊN VÀO CUNG - CẨM LÚC NỬA ĐÊM, ĐỂ « TÌNH TỰ » VỚI BÀ HỌC-PHI, mẹ nuôi của vua Kiến-Phúc đó kia !

Vì thế, vua Kiến-Phúc mới có

15 tuổi đã phải quả mạng Trung, và ngài đã bị ông này thuở chết ! . . .

Ông Bửu-Kế là một giáo sư có danh tiếng, tôi không dám ngờ ông đã nhận xét sự sai lầm, mà chỉ nói ông đã thiếu bình tĩnh, nên đã phải bị vấp nhiều đoạn, lẽ ra, không bị vấp, nếu ông được bình tĩnh hơn.

Thêm một bằng chứng nữa, tập san « *Độc lập* » số 4, xuất bản tháng 7-1960, nơi những trang 17 - 22, ông Thượng-Huyền đã buộc tội TỰ - ĐỨC bằng một bài báo nhan đề : « *Tên trọng tội của lịch sử* » (luyện về một sự hôn mê đã làm quốc-gia tang vong). Mời ông Bửu Kế kiểm tập san « *Độc-lập* », mà đọc cho biết.

Ông Bửu Kế có viết một câu văn làm cho tôi không hiểu, hay, nói đúng hơn, là khó hiểu quá : « . . . Theo sử Tàu và sử Ta, thỉnh thoảng vẫn có xảy ra những việc thông dâm giữa các vị quyền thần ». Tôi chép nguyên văn của ô. Bửu Kế.

Xin hỏi lại, giữa các vị quyền thần làm sao có được sự thông dâm ? Có chăng, ông Bửu-Kế viết thể này mới đúng mọ và dễ hiểu hơn : « những việc thông

dâm giữa các vị quyền thần và các hầu phi . . . ».

Như vậy, ông Bửu Kế đã mặc nhiên nhìn nhận có sự thông dâm, chứ đâu tuyệt đối là không có ?

Bằng cứ, viên Khâm sứ Trung-kỳ Đơ-lon, ngày trước đã ngang nhiên làm những « chuyện động trời » ở Huế là câu trả lời giùm tôi.

Bây giờ, ông Bửu Kế và tôi hãy nhận xét lại, qua các sử sách báo chí trong ngoài nước (tôi không dám kê ra đây những tài liệu của ông đã dùng, vì ông đã tuyên bố độc quyền rồi) ! coi thử vua TỰ-ĐỨC, trong 36 năm làm vua, đã làm được những điều gì ích quốc lợi dân ?

Qua các tài hiệu sách sử, có thể nói :

I.— Hồng Nhậm đã giết chết anh ruột bằng cách này hay cách khác, để giữ vững ngôi báu, nếu không, sao lại có câu : « ... je pris la direction de mes affaires avec tremblement (tại sao avec tremblement ?) et je fus obligé (ai bắt buộc ông ?) de sévir contre mon frère aîné... »

II.— TỰ ĐỨC vì mẹ (... , *ngô gia mẫu tử trí vu hà địa* : mẹ con ta còn đất mô mà ở ?), nên không tiếp binh cho tướng Hoàng

kể-Viêm ở Bắc, khi ông này đã cùng Lưu-vĩnh-Phúc đâm chết L. Garnier ở Ô Cầu Giấy Hà-nội.

III. — Vua Tự Đức bế môn tòa vàng, cấm đạo và ra lệnh giết chết giáo dân (toàn người Việt Nam), khăng khăng không chịu nghe theo các trung thần, đề duy tân xứ sở, dung hòa tân học, như Nhựt Bồn và Xiêm...

I V. — Tự Đức chuộng hư văn, không biết chọn nhân tài.

Thật vậy, ông Bửu Kế bây giờ mới đồng ý với tôi, nhìn nhận quốc nội quốc ngoại VN, dưới đời vua Tự Đức, lại càng thêm khó khăn và trầm trọng lạ thường !

Đề trả lời ông Bửu Kế, thêm đoạn này, chỉ có vua Minh Mạng, mặc dầu là vị minh quân, nhưng ngài không khởi vương vãi nhược điềm như sau :

a) hơi lạnh nhạt với các chuyên viên Pháp (4 ông : Chaigneau, Vannier, de Forçant, Despiou) đã có nhiều công giúp vua Gia-long chống Tây Sơn, nên vãi ông buồn tình đã bỏ về nước...

b) dễ thấy rõ vua Minh Mạng thiếu ngoại giao như đã nói trên và dễ thấy ngài bênh vực « bố vợ », vì một chuyện ngay thẳng của Đức Tả quân Lê-văn-Duyệt

giết ông bố vợ Ngài, đóng thùng gửi về Kinh, mà sau này, nhà vua hận thù, Lê Tả quân chết, Ngài ra lệnh xiềng mã lại ? (Ng.-đình-Chiều của soạn giả Ng.-bá-Thế).

c) đã ra lệnh thu hồi phạm tước và đánh mấy trượng lên mà Đức Tả quân là vị trung thần lương tướng đã dày công phò « vua cha » trong trăm ngàn vạn trận cam go, đánh tan quân Tây Sơn, lập cơ nghiệp lâu dài cho nhà Nguyễn, đề Lê-văn-Khôi phải khởi nghĩa !

Nhiều cuộc khởi nghĩa chống vua Tự Đức

a) Ông Cao-bá-Quát chống vua Tự Đức (« Cao-bá-Quát » của tác giả Trúc Khê, Hà-nội, xuất bản năm 1952, và « Liệt truyện chánh biên » quyển 46, trang 14-15).

b) Tạ-văn-Phụng mạo xưng Lê-duy-Minh dấy binh khởi nghĩa.

c) Nguyễn-văn-Thịnh (cai Tổng vàng) khởi binh.

d) Hồng-Bảo âm mưu lật đổ ngài vàng Tự-Đức.

e) Đoàn Trưng, Đoàn Trục dấy giặc Chày Vôi xô ngã Tự-Đức, đề phò Ứng Đạo lên thay thế.

g) Ở Bắc, lòng dân còn

TRẢ LỜI ÔNG BỬU KẾ

tưởng nhớ nhà Lê và giặc Khách nôi dậy,

h) Ở Trung, lòng người muốn Tự-Đức nhường ngôi cho Ung Đạo.

i) Ở Nam, quân Pháp chiếm 3 tỉnh, Tự-Đức phải ký hiệp ước...

(*Nước V.N. trên con đường suy vong của Bùi quang Tung*)

Ngoài ông Bửu Kế và tôi ra, còn có các nhà học giả trí thức cao minh trong nước phán xét câu chuyện này, đợi ông Bửu-Kế phải thách đố làm chi cho một!

Xin nói rõ, là người luôn luôn biết phục thiện và cầu tiến, hễ có điều gì sai, tôi nhận ngay, không bao giờ cãi gượng như ông Bửu-Kế.

Sở dĩ tôi có lời minh oan ngài Hồng Bảo và người anh hùng Đoàn Trưng là, để đem ra ánh sáng, cái chết thương tâm của một vị Hoàng trưởng tử đã sanh lăm trong thế-kỷ, mà ông Bửu-Kế (một người Hoàng tộc) đã chủ quan chôn sâu ngài xuống 12 thước dưới lòng đất. Và, cố làm cho lu mờ câu chuyện lịch sử đi.

1) — Vua Tự-Đức — Hồng-Nhậm em tuột của ngài Hồng-Bảo — sống trong gấm vóc lụa

là, trước khi chết, dân chúng đã phải khờ sờ xây cất Khiêm lăng: ngọc ngà châu báu và nằm trong Khiêm-lăng, để Tây đào lấy cả!

2) — Ngài Hồng-Bảo sống đã khờ, bị vua cha nghe theo lời của người dưng và cùn bà di ghê, để rồi phải óm hận chết oan trong ngục tối, đám tang không nghi lễ, thua một thường dân chết!!

Ông Bửu-Kế, khi đọc đoạn trên, có lẽ hơi buồn, còn tôi nay đã rơi nhiều nước mắt dễ thương. " người vẫn số "!

Đấng Chí Công sao nỡ phụ người tài hoa bạc mệnh đến thế? Cho nên, chúng tôi nhờ ông Bửu-Kế phải nói sự thật, vì sự thật bao giờ cũng là sự thật, mặc dầu ông Bửu-Kế cố tâm che đậy nó cách nào, hay ngụy biện cách nào (tôi chưa nói ông Bửu-Kế đã xuyên tạc lịch-sử, vì còn phải đợi các sử gia chân chánh như Đồng Hồ), thì câu chuyện ngài Hồng Bảo chết oan còn có nhiều ẩn khúc oan tình như Thị-Kính.

Nhờ ông Bửu-Kế hãy nghĩ rằng, con đường dài muôn dặm gay go hiểm trở, chỉ còn 2 bước nữa, người bộ hành sẽ tới đích, nhưng anh đã bị ngã gục xuống,

vì quá mệt nhọc.

Ông Bửu-Kế vội cho người bộ hành ấy là bắt tài vô tướng và ngu dộn chẳng ?

Người bộ hành đó là ngài Hồng-Bảo và chúng ta không nên đánh giá-trị con người bộ hành một cách bất-công như thế mà mang tội.

Bởi vậy, chúng tôi mong ông Bửu-Kế nói cả sự thật đừng tây vj. Mong ông Bửu-Kế đọc kỹ lại hai bài báo của tôi đăng trong tạp chí *Phê-Thông* số 31-32.

Xưa nay, tôi chưa dự định viết sừ bao giờ, mặc dầu có tham khảo, song khi đọc lại bài báo của ông Bửu-Kế trong "Đại học" buộc lòng tôi phải có lời minh oan cho ngài Hồng-Bảo và Đoàn-Trung.

Nhưng sự ông Bửu Kế cho tôi đã mượn hầu hết cả tài liệu của ông để dùng viết ra 2 bài đó, thiệt là ông còn nông nổi quá.

Đứng trên vấn đề lịch sử, tôi muốn ông Bửu Kế phải nói cả sự thật, về vụ Hồng Bảo, nhưng ông đã viết ngược lại rồi.

Sau khi, gần đây, đọc kỹ hai bài báo của ông Bửu Kế ở BK, (và tại sao ông viết trong *Đại-học* mà ông trả lời trong *Bách Khoa* ?), tôi lại càng ngờ vực tác giả của nó chưa tận hiểu bề trái của đời

người, có lẽ, từ nhỏ tới lớn, sống trong những lụạ, tâm hồn phẳng lặng như mặt nước sông Hương...

Là người đã sống hơn 10 năm ở Huế, tôi biết nhiều về Huế, nhứt là Từ đường của ngài Hồng Bảo hiện thời đang còn, hay điều tằm bị khói lửa gần chùa Sư nữ Diệu Viên tại làng Giạ-lê-gót (ThanhThủy), từ An-Cự đi về, cách hai cây số...

Cụ Bửu Thảo là cháu hay chất nội hay chiu của ngài Hồng Bảo, nếu còn sống, năm nay đã trên 80 tuổi. Tại sao cụ Bửu Thảo lại còn sống, trong khi vua Tự Đức đã cho lũng bắt giết chết cả rồi ? Xin trả lời đó là, có lẽ, nhờ thay họ đổi tên và con cháu chắt ngài Hồng Bảo đã khéo lẩn trốn.

Trăm năm bia đá thì mòn,

*Ngàn năm bia miệng hãy còn
trơ trơ!*

**Ông Bửu Kế, nguy
biện...**

Từ hai số *Đại học* tới 2 số *Bách khoa*, ông Bửu Kế vẫn giữ nguyên luận điệu, tỏ ra hần học quá và còn thách đố nữa.

Qua bốn bài báo, ông Bửu-Kế, nếu là một quan tòa, sẽ không tha một tội nhân nào cả.

TRẢ LỜI ÔNG BỬU KẾ

Ông vẫn bảo rằng, ngài Hồng-Bào thất cố tự tử và cho nạn nhân ham chơi bời...

Con vật còn muốn sống hưởng hồ con người ?

Tâm lý thường tình của người tử tội, bao giờ, cũng vẫn còn nuôi dưỡng một hy vọng ở ngày mai, mặc dầu là mỏng manh.

Thì ngài Hồng-Bào đại gị lại thất cố tự tử, mà ngài quyết sống lại, để đợi Đoàn-Trung khởi nghĩa, như lời ông Bửu-Kế đã nói : "... nếu Hồng-Bào đang còn sống, thì trong Triều cũng còn nhiều người đi theo (đi theo giặc Chày Vôi của Đoàn-Trung). Nay Hồng-Bào đã mất, chỉ còn Đinh-Đạo, chưa biết sự thế ra sao..."

Đó, đã rõ ràng lắm rồi, ông Bửu-Kế đã nhìn nhận cuộc cách mạng của Đoàn-Trung và nỗi oan tình của Hồng-Bào.

BK số 85, trang 24, đoạn 47, dòng 17, ông Bửu-Kế lại viết : «... Ta thấy rõ bọn Đoàn-Trung lợi dụng các cuộc làm chay, lợi dụng bọn làm phu Khiêm lãng, để làm hậu thuẫn, toàn là người ô hợp... »

Ông Bửu-Kế đã xuyên tạc rõ ràng sự thật, xô bỏ câu chuyện và

thiếu hẳn tiêu chuẩn, nghĩa là ông không chịu nhận định, nếu vua Tự-Đức rộng lượng và là một bậc minh quân, thì sao dám lao công đã dám đứng dậy nghe theo Đoàn-Trung, để mưu toan vào thành nội giết vua ?

Đây, ông Bửu-Kế đã ghi rõ trong lời minh oan của vua Tự-Đức : «... còn những kẻ có bần phận đứng trông nom công việc xây cất (xây cất Khiêm-lãng), tốt xấu thế nào, quả thật trăm không được rõ, và cũng chẳng ai tau cho Trẫm hay biết... »

BK số 85, trang 23, đoạn 42, dòng 2, ông Bửu-Kế thanh minh : «... cái dây liên lạc về bà con giữa tôi và vua Tự-Đức cũng như giữa tôi và Hồng-Bào. Tôi bệnh vực ông này hay người nọ không ích lợi gì cho tôi cả... »

Không có ích lợi gì mà ông còn bệnh vực Tự-Đức nhiều như thế, nếu có lợi, ông lại bệnh vực nhiều hơn nữa.

Tôi xin hỏi ông Bửu-Kế : tại sao lại có câu chuyện lợi lộc trong vấn đề Sử-học ??

Nghi án về cái chết của ngài Hồng Bào

Sống dưới chế độ quân chủ

độc tài chuyên chế mà người anh hùng Đoàn Trưng, kẻ là một chuyện hiếm có, một người anh hùng dám tạo thời thế. Nhưng, tôi không ngờ, ông Bửu-Kế đã nghĩ khác và lại còn bắt tôi phải nghĩ như ông.

Bây giờ, xin hỏi ai là chánh phạm trong vụ án Hồng-Bảo và ai là tòng phạm ?

Đề minh oan cho vong hồn người xấu số, không cần phải làm nhà trinh thám, chúng ta vẫn có thể tìm ra kẻ chánh phạm, tòng phạm đã ném đá giấu tay, đã sắp đặt giết người, rồi cả vú lấp miệng em, buộc vào đó một sợi giây, có thể, bảo nạn nhân đã thắt cổ tự tử, cho qua câu chuyện, cho vụ án Hồng-Bảo chìm trong quên lãng của thời gian và không gian.

Vậy xin mượn những tài liệu và những truyền khẩu sau đây, đề thử lập bản cáo trạng chung :

Hỏi : 1) *Ngài Hồng Bảo bị cố sát ?*

T L : Vâng, ngài Hồng Bảo đã bị cố sát, vì con vật còn muốn sống lại một ngày, phương chi con người, nhứt là ngài Hồng-Bảo, lúc ấy, đã biết trong triều có nhiều người cảm tình với ngài

và sẵn sàng ủng hộ ngài làm vua.

Bằng chứng : lúc này trong triều lại chia ra phe ; một phe ủng hộ ngầm ngầm Hồng Bảo và một phe ủng hộ Hồng Nhậm, nhưng phe sau này mạnh đã thắng hơn. (*Trăm Thương* của Sử-gia Bùi-quang-Tung).

Hỏi : 11) nhà văn Bửu-Kế (một người Hoàng tộc) đề quyết, sau khi đem ra những bằng chứng : ... Hồng-Bảo học kém, ham chơi, ngu dốt... toan lật đổ ngai vàng của em không được, bị cầm tù, rồi thắt cổ tự tử... có đúng được phần nào chăng ?

T L : Thừa rằng, nhà văn Bửu Kế đã chủ quan cho ngài Hồng-Bảo tự sát với những lập luận không sáng tỏ và tây vị nhiều quá. Nhưng, *đây là những bằng chứng :*

a. — Giáo sư học giả Bửu-Cầm, sau khi dẫn chứng cái chết oan của Hồng Bảo, đã nói trong tập *Hoài Cồ Ngâm* : "... sau khi Hồng-Bảo " bị hại " (tại sao giáo sư không nói Hồng-Bảo bị giết chết mà lại dùng hai chữ bị hại ? Theo tôi, 2 chữ này ngụ ý Hồng-Bảo đã bị cố sát).

... Tương-an-Quận Vương vô hạn đau thương, nguyện chết

theo bạn theo cháu, dè không trông thấy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái... (những chữ "dè không trông thấy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái..." đã giúp cho mọi người thông rõ Hồng-Bào đã bị cố sát rõ ràng, còn chớ gì cãi gì nữa.

HỎI : III) Ông Bửu-Kế, một người Hoàng tộc, một nhà văn có tiếng, từng làm việc ở Thư-viện và được cái may mắn gần sách sử hơn mười mấy năm, có lẽ nào lại dè quyết Hồng-Bào đã tự sát ?

TL : Đó là quyền tự do ngôn luận và quan niệm của ông, nên mới có chuyện "cãi vạ" dè nhờ các sử gia, các nhà trí-thức học-giả đem ra phán xét. Vì đây là một câu chuyện thuộc về lịch sử rất quan trọng cho nền luân lý Việt-Nam (anh em tranh ngôi dè giết lẫn nhau).

Điều thứ hai, vấn đề đa thê của chế-độ phong-kiến (con vợ lớn con vợ bé).

Khoản thứ ba, người cha nghe theo lời người dưng, và lời vợ bé (vợ lớn) dè bỏ trường lập, thử cho anh em cốt nhục tương tàn.

HỎI : IV) Còn những bằng chứng nào, dè biết thêm Hồng-Bào đã bị cố sát ?

T.L. : a) Cứ lấy câu nói của giáo sư Bửu Cầm (*Hoạt Cò ngậm*) như sau, thì đủ rõ :
" . . . Tương An thương nhớ Hồng Bào chết oan . . .). Hai chữ chết oan cho ta thấy ngài Hồng Bào không bao giờ có ý tự sát.

b) Sĩ gia Bùi-quang-Tung trong tập *Trăm Thương* trang 5, đoạn 2, dòng 2 đã nói : "...Còn về phần ông Quế, chủ chốt trong sự phế truất này, thì ông cũng được hài lòng, vì có người cho rằng cuộc trừ tính xuất ngoại của Hồng Bào chẳng qua là một kế của ông Quế. Chính ông ấy đã chỉ cách xuất ngoại này cho người thân cận Hồng Bào, dè cho ông này thừa đó bắt Hồng Bào tại trận, dặng đem xử tử... nguyên văn).

Thưa rằng, những bằng chứng rõ ràng như thế, làm sao nói Hồng Bào tự sát cho được ?

HỎI : V) Câu chuyện này có thể gọi là một câu chuyện nói xấu được không ?

T.L. : Nếu người bảo câu chuyện này có tánh cách nói xấu là người ấy còn ấu trĩ quá, tinh thần họ còn thấp kém.

Vì, chính các nhân vật lịch sử chủ động trong câu chuyện là

những người của thời cuộc. Chúng tôi phải nói sự thật, kiểm sự thật để các sử gia viết lại cho đúng trang sử, dựng làm gương cho đời.

Nói một cách khác, nếu các nhân vật lịch sử này nằm trong phạm vi gia đình, khi ấy, có thể, là chúng tôi nói xấu. Nhưng các nhân vật lịch sử này là những đại công thần của một Triều đại, thì công việc làm của các ngài ấy đều có liên quan tới luân thường đạo lý và nền móng xã hội cùng danh dự của một nước có 5 ngàn năm văn hiến.

HỎI : VI) Bốn câu thơ chữ Hán của ông Trạng Ninh (Nguyễn Hàm Ninh), tại sao ông Bửu Kế lại nói của ông Đình-nhật-Thận ?)

T.L : a) Cái đó không sao, ông Bửu-Kế nhằm lẫn chút đỉnh, vì trong khi tranh luận, có lẽ, ông đã thiếu sự bình tĩnh.

b) Nói thế không được, vì ông Bửu Kế được « cái may mắn » hơn người, là ông đã có làm việc ở Thư viện và hơn « mười mấy năm gần gũi sách sử », lại còn trật sao nên ?

T. L : Câu hỏi này nhờ ông Bửu-Kế trả lời, còn tác giả bài

thơ chữ Hán là ông Nguyễn-hàm-Ninh: Theo cuốn « *Trong 99 chớp núi* » của ông Đào Tiếp Nguyễn văn Đê dịch thuật, trang 28-29-30, xuất bản 1942, có ghi lại : « ... Ông Nguyễn hàm Ninh được sủng hạnh 3 triều vua : Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, nhưng ông hay gặp nhiều nghịch cảnh.

Trong triều bồng xảy ra một việc là vua Dục-Tông giết anh là Hồng-Bảo, vì tội toan cướp ngai vàng.

Sau đó, nhân một buổi ngự thiện, ngài vô ý đề rằng cần nhằm lưới, cho rằng : rằng cần lưới là một đề thơ khô khan, khó làm nên ngài đem ra đổ cuộc các Đình Thần thử xem có ông nào vịnh được câu nào hay chăng ? Hay là vì chuyện cốt thực tương tàn kia mà ngài khéo bày ra đề thơ rằng cần nhằm lưới, đề dò ý Đình Thần cũng không biết chừng... » (nguyên-văn).

Như thế, ông Bửu-Kế (đã dám thách đố) lại nói trật lất tác giả bài thơ chữ Hán (... Và ông Đình-nhật-Thận có làm bài thơ sau... lời ông Bửu Kế).

Ông Đào-Tiếp ghi thêm :

*Sinh ngã chi sơ, như vị sinh.
Như sinh chi hậu ngã vi huynh-*

TRẢ LỜI ÔNG BỬU KẾ

*Bất tư công hưởng trên cam vị,
Hà nhân tương vông cốt nhục
tinh*

Ông Đầu-Tiếp dịch :

*Thưa bác (lưu) sinh ra, chú
(răng) chưa sinh.*

Từ sinh ra chú bác làm anh.

Ngọt bùi chẳng hề cùng san sẻ,

*Cốt nhục đang tâm nghiêng dút
tinh.*

Ông Cử Tùng - Lâm nói :
«... bài thơ này dâng lên Ngự
lâm, ông Nguyễn-hàm Ninh được
thường 1 cân 1 lượng vàng vì tài
thơ cao, nhưng đồng thời lại bị
phạt mỗi chữ mỗi trượng vì ý thơ
sâu...»

Nói lại, ông Bửu Kế, sau khi
nhâm lẫn nhà thơ, lại nói thêm
một câu cần nêu ra đây : «... Đọc
bài thơ này, vua Tự - Đức
cảm xúc về cái chết của Hồng-
Bảo, nên đã ngồi khóc... (BK
số 85 trang 22-23, dòng 1 chốt và
dòng 1). Thưa các sử-giá, theo
lời ông Bửu-Kế, thì quả thực, vua
Tự-Đức đã cố sát ông anh, hay
làm ngơ cho kẻ khác giết chết
anh của ông rồi, còn chối cãi gì
nữa ?

HỎI : VII) Tại sao ông Bửu
Kế lại bảo ngài Hồng-Bảo mưu
phản ?

TL : Vâng, ông Bửu-Kế đã

dùng 2 chữ " mưu phản " sai quá,
ngài Hồng-Bảo dành lại cái ngôi
của ngài là dĩ nhiên. Nếu cái
ngôi ấy không phải của ngài, thì
ông Bửu-Kế dùng hai chữ « mưu
phản » rất đúng, Nhưng ngại vàng
này của Hồng Bảo mà.

HỎI VIII) Tại sao sách sử
minh chứng rằng vua Tự-Đức là
một vị vua hay chữ, thấm nhuần
Phật-giáo, Nho-giáo và rất hiếu
hạnh với mẹ lại đang tâm giết
chết anh ruột trong khi nhà vua
không có con, đề lên làm vua ?

TL : Có lẽ khi ấy, nhà vua
đang ở giữa hai con đường : một
là phải nhường ngôi cho anh,
nhưng không thể được, ông đã
bị các nịnh thần thuyết phục. Hai
là theo " ý muốn " của mẹ, đề
trả hiếu 1 Và con đường thứ hai
là phải thủ tiêu Hồng-Bảo vậy.

Kết luận

Trân trọng, xin trình bày bản
cáo trạng về cái chết của ngài
Hồng-Bảo, đề các sử gia và các
học giả cao minh trong nước
thăm xét.

Và, kể từ số này, tôi xin tạm
ngưng việc tranh luận với ông
Bửu-Kế. Nhưng, nếu ông Bửu-Kế
còn nói nữa, thì buộc lòng, tôi
sẽ phải trở lại vấn đề.

NGUYỄN QUANG

L ử a đ ỏ m l ậ p l ờ e

«...Và có cả một đôi đom đóm
Hay rập-rìu như muốn phải
lòng nhau.»

ANH-THƠ

★ TỪ - TRẮM - LỆ

 ẤC chiều hạ hòa hưởn
sấm tối xuống dần. Họ
nhà giun để bắt đầu khởi khúc
nhạc chào mừng đóa sao Hôm
vừa hiện lên lấp lánh ở chân
trời. Cảnh vật âm thầm lui chìm
vào trong lớp màn đêm thông thả
mở ra ôm choàng lấy khắp vùng
trời đất. Hơi bức của tiết hè

vương khắp đầu cây ngọn cỏ.
Đêm tối đều hiu. Khách thừa-
lương cảm thấy như không khí
triu nặng xuống lòng và có một
nỗi buồn bàng quơ không rõ rệt.
Thốt nhiên, trong vạn vật đang
lặng tờ ử rử, một cảnh tượng
thần tiên phát hiện lên, như do
một pháp thuật kỳ bí nào. Trong
những lùm cây sừng dáng, trên
đầu bãi cỏ lặng hơi, lập lờ lên
những đóm sáng xanh đan
những đường tơ ánh ngọc, khi
lả lướt dịu mềm, khi loáng băng
ánh rực.

Chúng ta, ai chẳng đã từng
chứng kiến cái hiện tượng kỳ-
ào ấy, trên một cánh đồng rộng
đen tối mù mù, những đóm lửa
xanh xanh bé bỏng ấy chập chờn
như những ngôi sao rụng? Bất
giác, khách ngửa mặt lên nhìn
cõi trời cao, ngàn sao đang thấp
nền. Ở, trên cõi kia, rất có thể
cũng có những chuyện buồn
khiến nên những ngôi sao phải
khóc, và những giọt nước mắt
ấy rụng xuống đến trần gian này
hóa ra những đóm sáng xanh
kia là những con đom đóm vậy.

Bạn hẳn mỉm nụ cười thông
cảm mà tha thứ một phút mơ,

một phút « lãng mạn » như thế ; tưởng rằng nó rất cần có, để thoát khỏi lúc cuộc sống phiền toái tũn mủn của kiếp đời. Giờ ta hãy trả vào đôi mắt kính khoa học mà nhìn « ngôi sao rụng » ấy xem, bạn nhé.

Loài đom đóm, chỉ duy với cái ánh sáng mờ mờ của chúng, thấp đèn to lên trong màn đen tối của đêm hè oi ả, chúng đã xứng đáng được yêu chuộng, xứng đáng được có mặt ở cõi trần này vì chúng đem lại một cái đẹp cho trần gian. Nhưng chúng còn được đặc dụng một cách thực tế nữa trên những phạm vi khác. Giống đom đóm ở quần đảo Antilles (trong Đại tây dương) gọi là « cucuyos » phát ánh sáng rất chói lọi. Dân ở đây dùng chúng buộc gắn vào đầu ngón chân trần của họ để soi đường những khi vào rừng ban đêm. Thật là thiết thực. Và thơ mộng làm sao là những cô gái xứ Brésil, họ trang điểm mái tóc thề của họ bằng những hạt « ánh sáng ái tình » li ti ấy. Xứ Brésil vốn được tiếng là nhiều thơ mộng. Biết đâu người du khách khi ca tụng đất ấy có nhiều thơ mộng, khách chẳng đã ám chỉ một cái

thơ và mộng ấy chính là những đèn sao kia cài trên mái tóc mỹ nhân ? Và hẳn đã có biết bao chàng trai bản xứ lẫn ngoại-quốc đã nhìn mà ngẩn ngơ lòng, để rồi đã có những lời thơ đại khái :

Ai đem sao rụng cài lên tóc,

Nàng hơi tiên nga lạc cõi phàm ?

Đến như người đất Phù tang thì, trong cuộc lễ Đom-đóm hàng năm, họ kéo nhau lũ lượt đổ đến hồ Biwa, gần Kyoto, với những chiếc đèn lồng đựng đom đóm. Họ thả thuyền trên mặt hồ, thả rồi, trong bầu không khí hoan lạc, tung bùng, họ mở lồng thả đom đóm ra. Chúng thoát lên, hàng nghìn con bay vẫy sáng rực ngang giữa không gian, chỉ chít như những rừng sao, mà người trần thế muốn đem thách đố với ánh dạ quang của ngàn tinh-tú.

Riêng với bạn học sinh, nhìn cái ánh sáng xanh xanh mờ mờ của con đom đóm, bạn có nghĩ gì khác không, ngoài sự thích thú của thị giác ? Mùa hè là mùa thi, là mùa của kết quả, cũng là mùa duy nhất trong

năm mà loài đom đóm góp mặt với đời. Nhìn những đèn sao lỵ nạm trong tấm thảm nhung đêm, bạn còn nhớ, bạn có nghĩ chăng đến chuyện anh hàn sĩ ngày xưa, vì nghèo không có tiền để mua dầu thắp đèn, phải bắt đom đóm bỏ vào chai cho có ánh sáng để học, đã nêu lên cái gương muôn thuở trong thế-giới học-đường ?



Đến trong đời với cái ánh sáng lấp lánh xanh xanh kia, con đom đóm hẳn không biết rằng ánh sáng của mình là một trong những điều kỳ bí nhất trong vũ trụ. Trong cái thể thức làm nên ánh sáng không nóng, mà loài người chỉ mới thực hiện được gần đây thôi, ánh sáng của con đom-đóm là một cách thắp sáng hoàn thiện hơn hết. Quả đó là một hiện tượng lạ lùng, vì con đom đóm còn lạnh hơn không khí của đêm hè mà nó bay, rắc sao cho sáng, cho đẹp.

Người ta thường gọi nó là con "nhặng lửa". Kể ra nó cũng phiền nhiều cái người ta không chịu tìm hiểu ấy, chỉ trông mặt mà đặt tên, bởi, tuy

thuộc trong hàng ngũ côn trùng, nhưng nó không phải loại ruồi nhặng chút nào. Nó thuộc loại bọ tiêu-dịch (coléoptères), có hai cánh ngoài cứng, phủ lên hai cánh kia. Đừng xếp nó vào với lũ ruồi nhặng mang mầm bệnh đi gieo khắp nơi, buồn và tội cho nó, mặc dù nó vẫn biết thân hình nó khoác chiếc áo màu xám xám, nâu nâu hay đen đen đi nữa, nó cũng không có gì bắt ta để ý đến khi ngắm nó ban ngày. Nó rõ thẽ và biết rằng nó chỉ có giá trị khi về đêm thôi, nên hiếm khi ta được thấy nó lúc ban ngày.

Cái ánh sáng nhấp nháy phát lên của loại đom đóm ở Bắc-Mỹ — thường gọi là con bướm ong (pyrale) — là dấu hiệu tập hợp giữa con đực và con cái. Chàng đom-đóm lượn bay chầm chầm cách mặt đất bao nhiêu, để tìm kẻ « khác phái », ẩn mình trong cỏ. Trung bình, cứ mỗi 5 giây 8 phần 10 là phát ra một ánh sáng, sự láy đi láy lại ấy sẽ nhạt hơn nếu là vào buổi tối nóng bức nhiều, và bớt mau lại đôi chút nếu trời mát hơn. Trong khi các chàng sà sà bay lượn « đánh tiếng » lên

như thế, thì trong lớp cở, các nạng đáp lại cũng với một dấu hiệu bằng ánh sáng. Và mặc dù ánh sáng của hai phái phát ra không một mảy khác-biệt về màu sắc, nhưng chẳng bao giờ chàng lại làm về cái giống của kẻ đáp lại chàng. Đứng ra thì ánh sáng của giống cái phát ra yếu hơn nhiều và nạng đáp lại cho chàng đúng 2 giây 1 phần 10 sau khi tiếp nhận dấu hiệu của chàng. Ấy thế là, nương theo những dấu-hiệu của nạng, chàng bay đến phía nạng, trong khi ấy vẫn tiếp tục phát dấu hiệu của mình ra cho đến bao giờ tìm thấy nạng.

Dạ biết cái nhược-diểm ấy, giống đom đóm đực, ta có thể lừa bắt các chàng dễ dàng. Chỉ cần để một cái bóng đèn điện trong cở và đáp lại với hai giây trễ cho mỗi dấu-hiệu của các chàng. Dù ánh sáng làm dấu-hiệu của ta có khác màu sắc hay cái thời gian từ hiện lên đến tắt của ánh sáng này sai đi chẳng nữa — ví như 1 giây hay 1 phần 50 giây — miễn ta canh cho đúng khoảng khắc thời gian giữa dấu hiệu của

con đực và của ta.

Bỏ con đom - đóm lên lòng bàn tay mà quan sát, bạn sẽ nhận thấy những cơ-quan phát-quang, nằm ở mấy đốt cuối ở bụng dưới, phát ra một ánh sáng dịu bớt lại nhưng vẫn liên tiếp. Kể đó ánh sáng ấy đột nhiên gia bội, như thể ánh đèn pha phụt lên vậy. Cái ánh sáng vùng rực lên ấy chỉ kéo dài trong một phần giây đồng hồ rồi giảm lại cũng nhanh như thế, để lại tái hiện tiếp đó sau một khoảng thời-gian đúng y như thế. Nếu bạn dày vò nó, bạn sẽ thấy cái nhịp độ phát quang của nó dồn dập lên, cũng thế như quả tim ta đập mau hơn khi ta có sự gì xúc cảm. Bấy giờ, cái ánh rực lên ấy trở nên hầu liên tục.

Cái cơ quan phát quang của con đom đóm là hai lớp mô chồng lên nhau. Một hệ-thống những hạt nhỏ phủ lớp mô trên, lớp mô dưới là những tế-bào trong suốt, cấu thành bấy nhiêu mặt kính chiếu. Những hạt nhỏ kia là nguồn ánh sáng. Một mạng giầy đầu mút thần-kinh — bọc thêm những đường mạch mà nơi đấy không khí có thể

liều chuyển — chạy qua những hạt kia. Vào lúc con đom đóm vút ánh sáng ra, có thể là những mạch ấy mở ra, khiến cho không khí đi vào. Một luồng dưỡng-khí thấm ngập những hạt nhỏ kia và chúng bốc cháy lên, cũng như đám than hồng rực lửa khi ta thổi vào vậy.

Nếu ta đem tách lấy những hạt nhỏ phát-quang ấy trong mình con đom đóm ra và bỏ vào một cái bình đựng thuần dưỡng-khí, ta sẽ thấy những hạt ấy sáng lên một cách liên tiếp cho đến khi dưỡng như một cái gì ấy đã cháy tiêu hết. Cái gì ấy đấy, phải là chính nó chứa giữ sự bí mật của ánh sáng kia.

Hầu hết tất cả các giống đom đóm đều làm hồng bao nhiêu cuộc tìm tòi từ trước đến giờ để khám phá xem cái ánh sáng chúng phát ra ấy dùng làm gì. Về những giống đom đóm thông thường thì có thể tin chắc đó là dấu liệu tập hợp giống cái và giống đực, tuy nhiên, có vài giống đom đóm không có cái đèn ấy vào lúc trưởng thành mà chỉ ở thời kỳ nhộng, như vậy cái dấu liệu ấy của chúng không ăn thua

gì đến sự tìm kẻ khác phần. Và, như là để tác cho sự bí mật ấy càng to thêm, có vài loại đom đóm để trứng có ánh sáng và ở nơi mấy loại khác nữa, sự chung đụng giữa hai giống diễn ra trong ban ngày. Ta thấy, nhất định là không phải con đom đóm dùng ánh sáng ấy để soi đường vì cái lẽ rất giản dị là cây đèn ấy nằm ở đằng đuôi mà cũng không thể là để dùng làm cho những kẻ thù của chúng khiếp sợ. Tưởng rằng trái lại là khác vì ánh sáng ấy càng giúp cho kẻ thù của chúng tìm thấy ra chúng dễ dàng hơn. Người ta có thấy lắm con ếch vì xơi đom-đóm nhiều quá đến những cơ quan nội thân của chúng hiện rõ mồn một, như nhìn qua máy chiếu điện vậy.

Do mục đích lấy đi lấy lại và cường độ của ánh sáng phát lên mà phân biệt được những loại đom đóm khác nhau. Loại đom đóm « cucuyos » ở Antilles nói trên, chiếu sáng như một ngôi sao đẹt nhất đặng, chẳng hạn như sao Hôm hay sao Mai, nhìn bằng mắt không. Năm 1898, trong lúc quân đội Mỹ tác chiến ở Cuba, đang giữa khi mổ cho

BÓM LỬA LẬP LỘE

một binh-sĩ, bỗng điện hư, bác sĩ trừ danh William Gorgas đã tiếp tục cuộc giải phẫu được thành vẹn trong ánh sáng của những con đom đóm « cucuyos » dựng đầy trong một cái chai.

Loại đom đóm ở Jamaïque (cũng thuộc quần-đảo Antilles) chơi lợi đến nỗi khi chúng tập hợp trên những cây thốt-nốt, những cây này như tấm trong những bức màn lửa. Ở một cây số cách xa, cũng nhìn thấy ánh sáng rõ ràng ấy. Nhưng đất Xiêm mới hẳn là nơi mà loài đom đóm hiển cho ta cái cảnh tượng ngoạn mục hơn hết. Nơi xứ ấy, loại đom đóm tập hợp nhau lại trên những cây « ton lampoo » (loại như cây xoài) mọc dài theo bờ sông. Đồng-bộ hóa những dao-động phát-quang của mình, chúng tung ánh sáng ra 120 lần mỗi phút. Và được chứng kiến, trong một khoảng thời gian ngắn, từ trong bóng tối, vụt thoát hiện ra mọi quang cảnh rõ ràng như trong một ánh chớp. Và những màn « hoa đăng » ấy tiếp diễn không ngừng từ 8 giờ tối đến 3 giờ sáng, suốt cả trong mùa hè.

Loại còn-trùng nhỏ bé ấy rắc

sao trong giải hồ đềm, đã làm đẹp thích mắt ta. Thế mà, có bao giờ mấy ai thấy bằng khung tự hỏi rằng : « Giống đom đóm, rồi số phận chúng ra sao, một khi mùa của chúng đã qua ». Chao ôi ! trên đời thiếu chi những ánh sáng quyền rũ, đầu hiếm những trò câu giữ mắt, mà người đời thì lại bỏi tánh vô tư lự hoặc vốn quen thói phù hoa, khinh bạc ! Ừ, khi sắc hạ tàn qua, loài đom đóm kia đã từng dệt những đường thơ ngọc lên trên những trang đêm của hè, chúng về đâu ? Chúng ra sao ?

Khi đến những ngày nóng nhất của tiết hè, những cây đèn sao ấy của chúng vụt tắt mắt đi, tắt mắt một cách đột ngột, như một đêm đầu nào mùa, chẳng hiểu từ đâu, chúng đột hiện đến. Nhưng trước khi mất hẳn đi, chúng không quên sanh trùng ra rồi, tức là hứa hẹn với người đời bạc bèo, những đêm hè khác, đám con cháu kia sẽ nối tiếp cái sứ mạng ông cha chúng, hiển cho đời những cảnh tượng huyền-ảo, đầy bí ẩn, đầy thơ mộng.

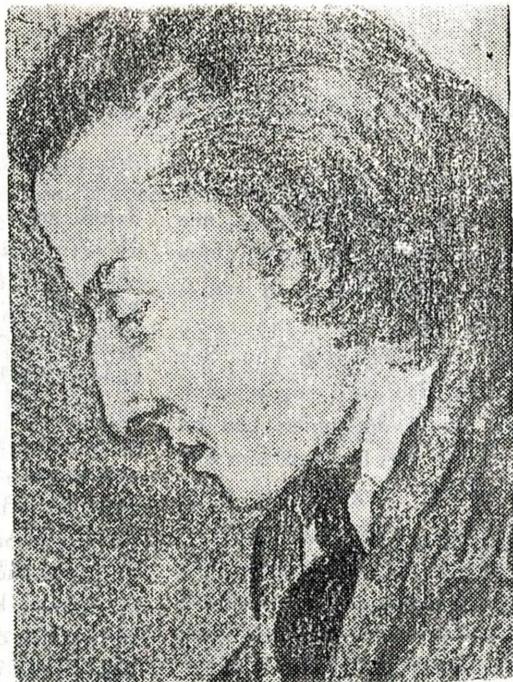
MỐI
TÌNH
CAY
ĐĂNG
của

GEORGE
SAND

với
nhạc sĩ

CHOPIN

(Hình của
CHOPIN do
chính tay Nữ
sĩ George
Sand vẽ)



(Tiếp theo P.T. 41)

CÔ CON GÁI BƯỚNG BÍNH CỦA NỮ-SĨ

NĂM 1846, Solange Sand, con gái của Nữ-sĩ George Sand, đã 18 tuổi. Không được tài-họa như mẹ, nhưng lại có tính bướng-bỉnh giống mẹ, và được mẹ cưng từ thuở nhỏ nên Solange muốn gì được nấy, làm gì thì làm, ai trái ý là giận hờn, khó chịu. George Sand rất khổ tâm vì tính nết ương-ngạnh của con

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SÁY MÊ

vì cũng tại cô ả gây chuyện lộn xộn rắc rối trong gia đình, nên cuộc tình duyên đang dầm thắm của Mẹ cô và Chopin bị tan rã từ năm này.

Một buổi chiều mùa Thu, Solange đi dạo chơi ngoài cánh đồng, lúc về đột nhiên báo tin cho cả nhà biết là cô đã hứa hôn với một cậu công-tử trong vùng.

Hôm sau, cô dắt về giới thiệu vị hôn-phu của cô, Fernand de Préaulx, một chàng tuổi đôi mươi, đẹp trai, con nhà quyền quý, có vẻ sang trọng. George Sand không phản-đối nhưng cũng không sốt sắng nhìn nhận chàng rể tương lai, vì chưa biết tính tình nó như thế nào. Nàng bảo khẽ với Chopin : « Solange muốn lấy chồng sớm, chỉ vì nó không muốn làm con gái nữa. Nó muốn mau mau được người ta gọi bằng Bà như má nó. »

Solange thấy mẹ không vui về tán thành cuộc tình duyên của cô, liền kiếm cách gây chuyện lộn xộn, cãi nhau cả với anh của cô, là Họa-sĩ Maurice Sand lúc bấy giờ 20 tuổi. Rồi cô đặt chuyện nói xấu cả mẹ cô, và xúi dục Chopin đoạn tuyệt với Mẹ. Chopin lại nghe lời Solange, từ già Georgette về Paris, tháng 11 năm ấy,

1846.

Đầu năm sau, 1847, Solange đi với mẹ lên Paris để sắm đồ cưới, và thăm Chopin. Một nhà điêu khắc danh tiếng lúc bấy giờ là Auguste Clésinger nghe tin có George Sand vừa tới Paris, ông vội đến yết kiến Nữ-sĩ và xin phép nàng cho y tạc một pho tượng của nàng bằng đá cẩm thạch để làm kỷ niệm. George Sand bằng lòng. Clésinger xin phép tạc tượng luôn cả con gái của Nữ-sĩ. Solange khoát chỉ ngồi ở nhà để cho nhà điêu khắc tạc tượng, không thích đi sắm đồ cưới nữa. Không biết trong lúc nắn tượng, nhà điêu khắc nói với Solange những gì mà khi pho tượng làm xong, cô gái của Nữ-sĩ nhất định làm lễ thành hôn với chàng, và bỏ rơi cậu công tử đẹp trai ở tỉnh. Cả gia đình đều phản đối cuộc hôn nhân này, nhưng Solange làm theo ý muốn của cô. Rốt cuộc, George Sand phải chịu, và lễ cưới Solange với Clésinger được tổ chức vội vàng, tại quê nhà của George ở Nohant, ngày 20 tháng 5, 1847. Cặp vợ chồng mới này là cả một mối lo phiền vô kể cho Nữ-sĩ George, và họ càng tìm cách gây cuộc lủng - cùn trong gia đình nữ-sĩ.

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY MÊ

Tội nghiệp cho George Sand, nàng vẫn yêu tha-thiết Đại nhạc-sĩ Chopin, và có đề đầu chính con gái của nàng âm-thầm tìm đủ cách đề phá tan hạnh phúc ấy. Chopin lại nhẹ dạ, không sáng suốt, hay nghe lời dèm-pha quỷ-quyệt của Solange. Những điều gì cô ả bịa đặt nói xấu mẹ, đề mét lại với Chopin, thì Chopin nghe theo, cho là có lý, và vì đó cũng đem lòng oán giận người yêu. Ngày 25 tháng 7, 1847, George viết thư rất tha-thiết mời Chopin về quê nàng, để sống với nàng. Chopin từ chối.

George khóc nức nở, nhưng biết làm sao ? Chopin còn viết thư trách móc George đủ điều. Chàng căn-cứ trên những lời dèm-pha bịa đặt của Solange, đề mắng nhiếc nàng thạm-tệ.

George uất-ức vô cùng. Nàng viết một quyển tiểu thuyết đề diễn tả tâm-sự gay-cấn ấy. Quyển truyện tựa là *Lucrezia Floriani*, trong đó hai nhân vật chính, đôi tình nhân Hoàng-tử *Karol* và Nữ nghệ-sĩ *Floriani* chính là Chopin và George Sand. Quyển tiểu thuyết này xuất bản được tông chúng hoan nghênh lắm, và nhà phê bình văn-học trứ-danh thời bấy giờ, bạn thân của Victor-Hugo, là Sainte Beuve, có viết một bài trong « Tạp chí Hai Thế-giới » — *La Revue des deux Mondes* — đề tán-dương tác-phẩm của George.



Thực ra, George Sand tuy là
SOLANGE SAND
Bức vẽ của Maurice Sand

lãng mạn, tự do hồi tuổi trẻ, nhưng bây giờ đã điềm-dạm và không còn thiết gì các cuộc phiêu lưu tình ái nữa. Nàng đã hết lòng yêu Chopin, và nhất định trung-thành với nhạc sĩ cho đến già đến chết. Nếu không có cô con gái quá tệ đã oán ghét mẹ và làm hại cuộc đời hạnh phúc của mẹ, thì Nữ-sĩ George và Nhạc-sĩ Chopin đâu đến nỗi xa nhau. Văn học sử đã đổ hết cả tội lỗi trên đầu Solange Sand, và cũng phiên trách Chopin đã không đủ trí óc sáng suốt để nhận xét về người con gái nguy hiểm này. George có ngờ đâu nàng đã nuôi ong tay áo.





ĐÂY là màn chót của cuộc tình duyên oay dang...

Ngày 5-3-1848,

Nhạc sĩ Chopin viết một bức thư cho Solange như sau đây :

« Hôm qua, tôi có đến thăm bà Marlani, và lúc bước xuống

cần thang để ra về thì gặp Má của cô đang bước lên với Lambert. Tôi có chào Má cô một tiếng « Bonjour », và câu thứ hai của tôi là hỏi lâu nay bà có nhận được tin tức của cô không ?

Bà trả lời :

— Có, trong tuần trước.

— Chút hôm qua, hôm kia, bà không được tin sao ?

— Không.

— Thế thì tôi xin báo tin để bà biết rằng bà đã được làm bà ngoại rồi. Solange vừa sanh một đứa con gái, và tôi rất lấy làm hân hạnh được là người đầu tiên báo tin ấy cho bà.

Nói bấy nhiêu đó, rồi tôi chào bà, và đi xuống cần thang. Combes có đi với tôi. Xuống dưới cần thang, tôi sức nhớ rằng tôi quên

cho bà biết là cô được khỏe mạnh, chuyện này rất quan trọng đối với một bà mẹ — chắc bây giờ cô đã được làm mẹ nên cô hiểu rõ lắm,

phải không mẹ Solange? — nên

tôi như Combes trở lên lầu báo tin cho bà biết rằng cô được mẹ tròn con vuông. Tôi đứng dưới cửa

Gặp

ở cuối cùng

ngồi cầu thang... và ra

đi, không gặp

lại !

thang đang đợi Combes, thì Má cô cũng đi với Combes trở xuống dưới nhà và hỏi thăm tôi về sức khỏe của cô. Tôi có trả lời cho bà ấy biết rằng ngay sau hôm cô sanh rồi, chính cô đã lấy bút chì tự tay viết vài dòng để báo tin cho bà rõ rằng cô đau lắm nhưng trông thấy đứa con ra đời có vui mừng quên hết đau. Má của cô hỏi tôi được khỏe mạnh không, tôi trả lời được khỏe. Thế rồi tôi chào bà, đi thẳng ra cửa, đi luôn... »

George Sand cũng có chép trong quyển nhật ký của nàng, về vụ gặp gỡ ấy như sau đây :

« Tôi cứ tưởng xa cách nhau mấy tháng nay thì chàng cũng đã hết oán giận tôi rồi, và trở lại mỗi tình êm đẹp, trí óc bình tĩnh... Có lẽ đâu. Tôi gặp chàng

Tôi nắm bàn tay run-run của chàng, và lạnh ngắt. Tôi muốn nói chuyện. Chàng tránh đi. Trước kia chàng trách tôi không yêu chàng, nhưng nay tôi thấy rõ ràng chàng không yêu tôi nữa. Thôi, tôi chỉ còn nhờ Thượng-Đế phù độ của chàng mà thôi. Tôi không còn gặp lại chàng được nữa... Giữa Chopin và ta, có những trái, tim xấu - xí ngăn cản...

Thế là hết. Hai người đã yêu nhau suốt trong thời 10 năm (1836-1846), một Đại nhạc-sư lừng lẫy tiếng tăm cả thế-giới, và một

Đại Nữ-sĩ tài-hoa danh vọng không kém, ai cũng tưởng rằng cuộc tình duyên tốt đẹp như thế, thanh cao như thế, sẽ tực rõ muôn đời, muôn thuở! Dè dàu!... Than ôi, Dè dàu! Đến một giờ phút chót, cuộc trùng-phùng lạnh-nhạt, mĩa-mai, chua xót biết bao!

Năm sau, 1849, Chopin chết, mới 39 tuổi! George Sand, 45 tuổi, còn ốm mãi mãi hận không người ấy suốt 28 năm sau!

TÂN-PHONG

Ký sau : Thi sĩ ANDRÉ CHÉNIER và cô Tù-nhân Trẻ tuổi.



* MUỐN Ở NHÀ ĐẤT TIỀN

Một thầy kỹ ở ngoại-ô với vợ. Cô vợ muốn ở nhà sang, cứ thúc dục chồng hoài hũy :

— Sao anh không kiếm thuê cái nhà nào đất tiền hơn ? Ở nhà thuê 500 đồng một tháng, chật-chội, nghèo nàn quá. Tại mình phải ở cái nhà 1.000 đồng mới coi được.

Thầy kỹ rất khố sở vì bị vợ đay nghiệt hoài về vụ ở nhà rẻ tiền. Nhưng một buổi chiều, thầy hơn hờ vui mừng chạy về nắm tay vợ :

— Anh báo cho em một tin mừng. Chúng ta khỏi phải dọn nhà. Ông chủ phố vừa tặng tiền nhà lên 1.500 đồng!

B.T.

NHỮNG ÁNG THO' HAY

★ NGUYỄN-THU-MINH

★ Đêm liên hoan

Anh ơi ! Đêm nay đầu người
nhấp nhô như ngọn sóng

Đang trào lên sức sống muôn đời

Niềm vui bát ngát trăng soi

Mảnh trăng úa máu chân trời
Việt-Nam.

Đêm liên hoan ! Trời ơi, đêm
liên hoan !

Đầu người nhấp-nhô như sóng
bề ngang làng...

Ta muốn thét cho vỡ toan lòng
ngực,

Vì say sưa tình thần thiết Việt
chính đoàn.

— Anh từ phương nào lại ?

— Tôi từ đất dấy lên !

Anh có nghe ngọn thủy triều
Đông-Hải

Đang hờn ghen cùng thác máu
triền miên...

Thác máu không tên dội tràn bốn
nẻo,

Cỏ không gãy, cây không già,
hoa không héo.

Ngàn năm đất nước vững bền...

— Anh từ phương nào lại ?

— Tôi từ đất dấy lên.

Chúng ta cùng một mẹ hiền

Lúa thơm bầu sữa bông mềm áo
lơ.

Chúng ta chung một mối thù

Gươm tung uất hận đạn vù đặng
cay.

— Anh từ đâu đến đó ?

— Tôi đi giết giặc đây.

Đêm nay gặp bạn cùng nhau
chén,

Máu giặc đang nồng ta phải say
— Đây, ruộng đồng Trung-Nam
Kìa, núi rừng Việt-Bắc!

Cỏ cây đang cắm hờn như vừng
lên đuôi giặc

Tôi vót anh, gặp nhau trong
ngày hội Liên-hoan.

Tay bắt tay, mừng trên giải đất
Việt-Nam.

— Gia đình anh ở đâu ?

— Mẹ hiền tôi: đã khuất.

Nhưng trước khi nhắm mắt,

Mẹ mừng cho đàn con :

Máu tôi mai sẽ chảy,

Trời phẳng hết kiếp ngựa trâu.

Xương tôi, tôi bắc nên cầu,

Cho đàn con bước lên lầu Tự-
Do!

— Anh giết bao nhiêu giặc, mà
mắt anh long lanh ?

— Mời anh lên rừng xanh,

Hồi những cành lá biếc.

Rừng âm u đang từng bừng mở
liệt ;

Bằng thịt, xương và máu của
quân thù.

— Trong tiêu diệt anh, những ai
còn ai mất ?

— Không, không ai còn, ai mất.

Ai cũng chết mà thôi !

Kẻ trước người sau lao vào giặc

Giữ vững ngàn thu một giống nòi.

Dù cho thịt nát xương phơi

Cái còn vĩnh viễn là người Việt-
Nam!



Êm Liền Hoan ! trời ơi, đêm
Liền-Hoan !

Đầu người nhấp nhô như sóng
vỗ ngang tàng,

Ta muốn thét cho vỡ loàn lờn
ngực

Vì say sưa tình thắm thiết Việt
chính đoàn-

Người bạn mến thương ơi !

Nắm chặt lấy tay tôi.

— Kìa, sao anh lại khóc ?

— Tôi quá mừng anh đó thôi !

Lần thứ nhất trên đời,

Tôi quay cuồng nhẩy múa

Giặc kìa ơi ! không bao giờ còn
nữa.

Ta đếm từng ngày,

Ta mong từng phút, ta đợi từng
giây.

Lửa hờn nghi ngút chờ người
đêm nay...

Chờ người đến đây,

Ta bằm, ta giết !

Giặc kìa phải chết,

Núi đồng phơi thây.

NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Anh đi hỏi núi
 Anh về hỏi cây.
 Anh hỏi biển rộng
 Anh hỏi sông dài
 Anh hỏi ngô non
 Anh hỏi lúa bé
 Anh đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ
 Rằng ta là Việt chính đoàn.
 Đêm nay say tiệc Liên Hoan
 Ngày mai xé xác mọi gan quân
 thù !

 Tiệc liên hoan lại tung bừng
 hiển hiện.
 Giữa đoàn quân bách chiến
 Đò về thủ đô như nước vỡ bờ !
 Từ mũi Cà-mau cho đến biên
 giới Lạng !

Từ nắng sớm Sơn-la cho đến
 mưa chiều Vạn Tượng.
 Muôn đợt hùng binh phất phốt
 cờ bay.
 Đoàn quân bách chiến đi suốt
 đêm ngày.
 — Mẹ ơi ! Con đã về đây.
 Chị hiền từ tốn đưa tay đón
 mừng...
 ... Anh ơi ! Anh tỉnh lại,
 Nước mắt tôi rưng rưng
 Hình như tôi đã mơ màng
 Phất rồi ! anh Việt chính đoàn
 Đêm nay say tiệc Liên-Hoan !
 Ngày mai xé xác, mọi gan quân
 thù.
 Bao giờ thu lại tốt thu
 Liên-Hoan bừng nở bốn mùa
 Non Song !...
Hoàng-Cầm



đây, tôi không có ý
 lạm bàn đến một bài
 thơ, lời thơ hay chữ thơ nào, dù
 dưới một hình thức này hay hình
 thức nọ ; tự do hay đường luật,
 hoặc vận này phép kia, tân kỳ hay
 không tân kỳ, như có người
 đã lầm tưởng, đã viết đến và
 bàn đến.
 Vì rằng, một bài thơ hay,

không cố định ở một điểm nào
 cả. Thi nhân vẫn là thi nhân.
 Nói như Jean Boubier :
 « Người ta không thể nói đến
 nữa, nào là thể thơ, trường thơ,
 nào là thơ huyền-bí, thơ cổ-
 điển. Lời đó chỉ hấp dẫn với
 những người thích chơi ò-chữ.
 Thi nhân không phải như loại
 Hérédia đã bị phá sản, hay loại

« trờu tượng » xách chiếc đèn thắn... Mà thơ là cái gì nó xiết chặt vào người anh, rắ rích trong lòng anh, xáo động trong lòng anh... Nghĩ là nhà Thơ phải có thi tài, như làn gió thổi thổi vào đời thi-sĩ » (1)

Như vậy thì làm sao dám bàn đến ! (?) Chúng ta chỉ là những kẻ đi tìm — cái đẹp của thi-nhân để cảm với thi-nhân — cũng như sự chân thành của Con Người. Mà trong đó mỗi người sẽ có một cảm nghĩ riêng. Nhưng, mấy ai đã nói hết được những cảm nghĩ của lòng mình ?

Cái mình muốn nói lại không thể nói được, cái nói được lại không viết được. Nhất là trên nghệ thuật, với một thi-nhân! Cho nên, bài «ĐÊM LIÊN HOAN» của Hoàng-Cầm trên đây, cũng như những bài tôi đã viết hoặc sẽ viết, chỉ là với cảm nghĩ khi đi tìm cái đẹp trong Thơ mà thôi. Và mong rằng những điểm bất gặp này sẽ là một trong những điều mà chúng ta đồng cảm nghĩ !..

Và, bây giờ xin mời các bạn cùng tôi vào chuyện của thi nhân.



*Anh ơi ! Đêm nay đầu người
nhấp nhô như ngọn sóng
Đang trào lên sức sống muôn
đời*

*Niềm vui bất ngát trăng soi
Mảnh trăng úa máu chân trời
Việt-Nam !*

Vâng, đêm nay — phải nói là đêm của thuở... nước nhà còn đang lâm trong cảnh loạn ly bởi gót giày xâm lăng của bọn thực dân — chứ không được thanh bình, no ấm và thịnh trị như ở miền Nam tự-do bây giờ.

Toàn dân Việt đã đồng tâm cùng nhau đoàn kết đứng lên đuổi giặc. Nhưng người con yêu của tổ quốc đã lên đường, phân chia ra giữ bờ cõi. Nơi nơi đều có họ. Từ hang cùng ngõ hẻm cho đến rừng thiêng nước độc. Thế rồi vào một đêm, sau bao ngày đuổi quân thù, họ đã chiến-thắng vẻ vang, bèn tụ hội lại để ăn mừng trước đồng lứa thiêng nghi-ngút cháy. Họ nhìn nhau, ôm nhau vui cười, la hét cho thỏa tình khao khát :

*Đêm liên hoan ! Trời ơi, đêm
liên hoan*

*Đầu người nhấp nhô như sóng
bề ngang tầng
Ta muốn thét cho vỡ toang lồng
ngực...*

(1) Tân-Phong dịch.

Mà thật vậy, họ không la hét vui cười sao được. Có gì sung sướng bằng đã chú? Đây trời, mây, non, nước, cỏ, cây, hoa, lá đầy ngập trong hương thơm, quện lấy nhau, xông lên người họ, lên óc, lên tim họ như ve vuốt, san sẻ nỗi vui chung. Nhưng, họ là ai? Là tất cả! Là đất, là cát, là gió, là mưa, là sương, là tuyết từ muôn phương đổ về! Hãy nghe họ trò chuyện:

— Anh từ phương nào lại?

— Tôi từ đất dấy lên.

Anh có nghe ngọn thủy triều
Đông hát
Đang hôn ghen cùng thác máu
triền miên...

Thác máu không lên đội tràn
bốn nẻo
Cỏ không gãy, cây không già,
hòa không héo
Ngàn năm đất nước vững bền l...

Tinh thần tranh đấu và sự đoàn kết của toàn dân oai-hùng mãnh liệt dâng lên rào rạt như sóng biển Đại-dương ngang tàng thế kia thì lo gì không đánh bật lũ người xâm lăng ấy ra khỏi đất Việt thân yêu. Lịch sử bốn ngàn năm còn đó. Dân Tàu mang rợ còn kia!

Ít sợ gì mà họ không ăn mừng, hứa hẹn trong buổi gặp gỡ sung sướng này:

— Anh từ đâu đến đó?

— Tôi đi giết giặc đây.

Đêm nay gặp bạn cùng nhau
chén
Máu giặc đang nồng ta phải
say.

— Đây ruộng đồng Trung, Nam
Kia, núi rừng Việt Bắc
Cỏ cây đang cắm hồn như vừng
lên đuôi giặc

Tôi với anh, gặp nhau trong
ngày hội Liên-hoan
Tay bắt tay, mừng trên giải đất
Việt-Nam!

Ồi! Tung bùng làm sao!

Ngạo nghễ và vẻ vang thay.
Ngày mai yên vui làm gì không
chóng trở lại trên giải đất Việt,
mọi người ấm no. Chúng ta
làm sao mà không tự hào, hãnh
diện với những lời giao kết đầy
vàng ngọc của họ, làm sao không
tin mong, ngậm ngùi trước sự
chân thành sắt đá của họ sẽ để
lại:

Máu tôi mai sẽ chảy

Trôi phăng hết kiếp ngựa trâu.

Xương tôi, tôi bắc nên cầu

Cho đàn con bước lên lầu TỰ-dol

— Anh giết bao nhiêu giặc mà
mắt anh long lanh?

— Mọi anh lên rừng xanh,
Hỏi những cành lá biếc
Rừng âm u đang tung bùng mở
tiệc

Bằng thịt xương và máu của
quân thù.

— Trong tiêu đội anh, những
ai còn ai mất?

— Không, không ai còn ai mất.
Ai cũng chết mà thôi

Kẻ trước người sau lao vào giặc
Giữ vững ngàn thu một giống
nòi

Dù cho thịt nát xương phơi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt-
Nam!

Trời ơi! Lòng họ thật mênh
mông, sâu rộng. Ké sao cho xiết.
Thử hỏi mấy ai thấu nỗi lòng họ
lúc này nhỉ. Chỉ có Trời, Đất,
Núi Rừng là thông cảm được
họ, say sưa chia sẻ cùng họ thôi.

Và, không những bấy nhiêu
chuyện là đủ đối với họ, dù là
chỉ qua một đêm ngắn ngủi họp
mặt. Họ còn nói với nhau nhiều
lắm — nhiều lắm! Họ còn bàn
nhiều việc trọng đại hơn nữa
trước khi dẫn thân vào bụi
trường chinh :

Người bạn mến thương ơi!
Nắm chặt lấy tay tôi

— Kìa, sao anh lại khóc?
— Tôi quá mừng anh đó thôi!
Lần thứ nhất trên đời
Tôi quay cuồng nhảy múa
Giặc kìa ơi! không bao giờ còn
nữa

Ta đếm từng ngày
Ta mong từng phút, ta đợi từng
giây,
Lửa hòn nghi ngút chờ người
đêm nay...

Trước đồng lửa thiêng đêm nay,
giữa núi rừng bao la, bát ngát
này đã chứng giám lòng họ : hứa
hẹn, đợi chờ giờ xuất phát khỏi
điểm với những thành công về
vang trước lũ giặc bạo tàn, để
đem lại nước Việt Nam cực kỳ
thịnh vượng, lòng người hân
hoan, mẹ, cha, anh, em, đoàn
tụ hát lên khúc hát Việt-Nam
Tự Do muôn đời!

Tiệc Liên Hoan lại tung bùng
hiển hiện

Giữa đoàn quân bách chiến,
Đồ về Thủ-đô như nước vỡ bờ!
Từ mũi Cà-mau cho đến biên
giới Lạng,
Từ nắng sớm Sơn-la cho đến
mưa chiều Vạn-Tượng.

*Muôn đội hùng binh phất phới
cờ bay*

*Đoàn quân bách chiến đi suốt
đêm ngày*

— Mẹ ơi ! Con đã về đây

*Chị hiền từ tốn đưa tay đón
mừng...*

Quả thi nhân ta đã SỐNG và CHÂN THÀNH mới viết ra được bài «Đêm Liên Hoan» trên đây. Cảm xúc thật là dồi dào thấm thiết. Mỗi lời thơ, chữ thơ là một ý nghĩ lẫn hình ảnh, tình yêu thương giống nòi, đất nước mãnh liệt thoát ra từ tim, óc, thi-nhân.

Vậy mà cũng bị từ bỏ, đưa ra mổ xẻ, chẻ bai là nặng chắt tiếu - tư-sản - thối hóa. Thi nhân sáng tác phải luôn luôn tuân theo một đường lối ; phải có máu lửa, đấu tố, xỉ vả vào nhân phẩm bất cứ một ai tra được sống tự do và yên ổn, nhất là không chịu nghe theo chủ nghĩa Cộng sản Đệ tam. Thi nhân ở miền Bắc phải viết những lời thơ như Xuân Diệu tự lột xác :

*Chúng con thề nguyện một lời
Quyết tâm thành khẩn... lột*

người từ đây.

Bao nhiêu lầm lỗi bấy nay

*Nói ra cho hết, cho đầy mới thôi.
hoặc dā-man, tời tộ hơn :*

Cường hào địa chủ đại kẻ

Đấu lý cho thật gãy như mới nghe

Nhược bằng chúng vẫn mặt lý

*Đấu lực cho mặt gian phỉ chúng
lời.*

Người ta cố ý hủy diệt tình cảm, dẫm lên tình thương giống nòi, con người, và bất thi nhân nghe theo ít ra cũng phải như Xuân Diệu.

Nhưng, Hoàng Cầm đã không chịu nghe theo, làm theo, mà còn chống đối lại nên không khỏi bị đem ra đấu tố, tẩy nã. Bằng có là vụ án «Nhân Văn Giai Phẩm» ở miền Bắc gần đây, đã bị họ giết chết mấy người — mà Hoàng Cầm là một trong số những người thuộc Nhóm ấy — hiện đang chịu những cực hình dã man, tàn bạo của chế độ độc tài miền Bắc !

*Đau đớn và buồn thay cho
thi nhân !*

Đến đây, tôi xin phép được nhường lại phần « Những áng thơ hay » này qua bài « ĐÊM LIÊN HOAN » của Hoàng Cầm nhờ quý vị phê phán !

NGUYỄN-THU-MINH

TAO ĐÀN NHỊ THẬP BÁT TỬ

Nguyên soái (1). Còn 28 vị kia nhận lãnh những chức vụ sau đây:

Phó Nguyễn sớ

1) Thân Nhân Trung, đỗ tam giáp khoa kỹ sớ (1469) làm quan đến Lại Bộ Thượng Thư, kiêm đồng các đại học sĩ.

2) Đỗ Nhuận, năm 21 tuổi đỗ tam giáp tiến sĩ, khoa binh tuất (1466). Làm quan đến thượng thư kiêm Đông các.

Đông các cục hiệu thư

3) Ngô Luân, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Ất vị (1475), làm quan đến thượng thư, kiêm đồng các.

4) Ngô Hoán, năm 31 tuổi, đỗ bằng nhơn khoa Canh tuất (1490), làm quan đến Lại-bộ thượng thư -- Năm 1522, Trịnh-Tuy bắt ép vua Lê Chiêu Tông vào Thanh-Hoa. Lúc bấy giờ ông Hoán đã 63 tuổi, ông đem binh sĩ đi theo đến Thanh-hoa thì vua tôi lạc nhau: ông bái vọng lãng miếu Lam-Sơn, rồi tự vẫn. Sau phong làm Suy trung công thần, gia phong Thượng đẳng phúc thần.

Đông các cục hiệu thư

5) Nguyễn Xung Xác, năm 19 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỹ-sớ (1469). Làm quan đến thị

lang kiêm coi viện Hàn lâm.

6) Lưu Hưng-Hiếu, năm 26 tuổi đỗ bằng nhơn khoa tân sớ (1481), làm quan đến thượng thư, kiêm đồng các và kiêm coi viện Hàn Lâm.

Đông các cục hiệu thư

7) Nguyễn-Quang-Bật, năm 21 tuổi đỗ trạng nguyên, khoa giáp thìn (1484). Làm quan đến đô ngự sử. Cùng Đàm-Văn-Lễ nhận di chiếu của vua Lê-Hiến-Tông (1461-1504) đề lập Túc Tông. Sau Túc Tông mất năm 1504. Uy mục lên ngôi (1504-1509) giận bọn Lê-Quang-Bật và Đàm-Văn-Lễ trước không lập mình làm vua, đày Nguyễn-Quang-Bật làm quản nam thừa tuyên sứ, đi nửa đường sai trung sứ theo giết. Sau Tương - Dực-Đế lên ngôi khen là trung thần, truy phong và tế diếu.

8) Nguyễn - Đức - Huấn, đỗ bằng nhơn khoa đinh vị (1487), đi sứ Tàu, làm quan đến thượng thư, tước quận công.

9) Vũ Dịch (hoặc Vũ-Dương), năm 22 tuổi, đỗ trạng nguyên, khoa quý sớ (1493), có đi sứ Tàu, làm quan đến thượng-thư.

10) Ngô Thâm, đỗ bằng nhơn khoa quý sớ (1493), làm quan

đến hàn lâm viện thị thư.

Hàn lâm viện thị chế

11) Ngô Văn-Cảnh, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481), làm quan đến hiến sát sứ.

12) Phạm Trí-Khiêm, năm 24 tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa giáp Thìn (1484), làm quan đến đồng các hiệu thư.

13) Lưu Thư-Mậu (không rõ triều sử).

Hàn lâm viện hiệu lý

14) Nguyễn Nhân-Bị, năm 19 tuổi, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa bính Tuất (1466), tức mình không đỗ nhất giáp, xin từ không nhận đề đi thi lại, mãi đến khoa Tân Sửu (1481) ông đã 34 tuổi, lại đỗ tam giáp. Có đi sứ Tàu, làm quan đến thượng thư.

15) Nguyễn Tôn-Miệt (hoặc Mậu), đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481). Làm quan đến hàn-lâm-viện thị thư.

16) Ngô Quyền, năm 36 tuổi đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa đinh vị (1487) làm quan đến Đô ngự sử. Đăng khoa lục chép là Ngô Hoan.

17) Nguyễn Bảo-Khuê, năm 32 tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa đinh vị (1487). Có đi sứ Tàu, làm quan đến thị lang kiêm đình úy.

18) Bùi Phò, năm 25 tuổi, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487), làm quan đến hàn lâm viện hiệu lý.

19) Dương Trục-Nguyên, năm 23 tuổi, đỗ nhị giáp Tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490). Làm quan đến thị lang, kiêm chiêu văn quán và coi viện hàn lâm. Năm 1507, Lê-tương Dực Đế khởi binh ở Thanh Hoa, tiến bực ở Đông Kinh, Lê Uy mục để sai ông làm tán lý, đem quân ra chống cự bị thua, mất tại trận. Sau vua Tương Dực truy phong làm đô ngự sử và phong làm thượng đẳng thần.

20) Chu Hoàn (hai quyền Đăng Khoa đều chép họ Nguyễn), đỗ nhị giáp khoa quý Sửu (1493), làm quan đến Hàn lâm viện hiệu lý.

Hàn.lâm.viện.kiểm.thảo

21) Phạm Cẩn-Trực, đỗ tam giáp khoa giáp Thìn (1484).

22) Nguyễn Ích-Tổn, đỗ tam giáp khoa giáp Thìn (1484), làm quan đến thị lang.

23) Đờ Tuần-Thứ (không rõ sự tích).

24) Phạm Như - Huệ (hoặc Đoàn Như Huệ), đỗ tam giáp khoa 1487.

25) Lưu Dịch, năm 28 tuổi,

đỗ tam giáp khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến hàn lâm viện hiệu thảo.

26) Đàm Thận Huy, năm 28 tuổi, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến thượng thư, coi viện Hàn lâm, di sứ Tàu, gia phong công thần, hàm thiếu bảo, tước bá, coi Chiêu văn quán, Tú lâm cúc, vào hầu tòa kinh diên — Khi Mạc-đăng-Dung tiếm nghịch năm 1527, ông về Bắc Giang khởi nghĩa binh, đánh nhau với Mạc bị thua, uống thuốc độc tự tử. Sau Lê Trung Hưng (1533 - 1548) phong làm thượng đẳng thần.

27) Phạm-đạo-Phú, năm 28 tuổi, đỗ tam giáp khoa Canh Tuất (1490), làm quan đến thị lang.

28) Chu Huân (Huyền) đỗ tam giáp khoa quý Sửu (1493), làm quan đến thừa chính sứ.

Ngoài tập « Quỳnh Uyển cửu ca », vua Lê Thánh Tông và hội Tao Đàn còn sáng tác những thi-văn-phẩm sau đây :

- 1) Văn minh cồ xúy
- 2) Châu cơ thắng thưởng
- 3) Cồ kim cung từ
- 4) Cồ tâm bách vịnh
- 5) Xuân vân thi tập

- 6) Hiếu trị anh hoa
- 7) Minh lương cầm tú
- 8) Hồng Đức thi tập
- 9) Thiên Nam dư hạ tập (100 quyển)
- 10) Thiên hạ bản đồ
- 11) Sĩ hoạn quan tâm (2 quyển)
- 12) Hoàng Triều quan chế (6 quyển)
- 13) Đại Việt Sử ký toàn thư (15 quyển) của Ngô sĩ Liên).

Riêng hai bộ « Đại Việt Sử ký » và « Thiên Nam dư hạ tập » là quan trọng hơn cả. Bộ Đại Việt Sử ký nay vẫn còn. Ở Saigon, Nha Văn-Hóa (Bộ Giáo-dục) có một bộ ; Viện Khảo Cổ cũng có một bộ ; Chi-nhánh của Viễn Đông Bác Cổ Học Viện cũng có một bộ. Ngoài ra cơ quan này còn có microfilm của Học-Viện Hà-Nội gởi vào nữa..

Còn bộ « Thiên Nam dư hạ tập » là do vua Lê Thánh Tông sai Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, phó Đô ngự sử Quách đình Bảo, dâng các hiệu thư Đồ Nhuận và Đào Cừ, Hàn lâm thi thư là Đàm Văn Lễ biên chép những chính sự trong nước, được 100 quyển, để là « Thiên Nam dư hạ tập », có nghĩa là tập thơ văn biên soạn lúc nhàn

rồi dưới trời Nam. Ngài tự đề tựa và chép rõ việc thân chinh Chiêm Thành và Lão Qua, đặt tên là Thân chinh ký sự. Bộ Thiên Nam dư hạ tập chép đủ cả chế độ, luật lệ, văn thơ, sắc dụ, đại khái phỏng theo bộ Hội điển đời Đường, đời Tống bên Tàu. Hiện nay Viện Đông Bắc Cờ học viện có sao được 8 tập : bản đồ, quan chế, thân đánh Chiêm thành, thơ ngự chế và các quan họa văn (tức Minh lương cầm tù, Quỳnh nguyên cừu ca) văn thơ, sớ sắc, liệt truyện, tạp chí và khảo sử.

Thiết tưởng nên nhắc lại rằng Vua Lê-Thánh-Tông đã đặt ra lệ ba năm một kỳ thi hội, thi đình, thân ra đầu bài, cho truyền loa xướng danh, treo bảng vàng ở

cửa Đông-Hoa, ban cho ân mệnh và rước vinh quy về làng bắt đầu từ năm 1467.

Trong khi Ngài trị-vì, có 12 khoa tiến sĩ, được 501 người đỗ, thật là một thời thịnh phát về văn học chưa từng thấy trong lịch sử Việt-Nam.

Vua Lê-Thánh-Tông mất năm 1497 và sau đó, không thấy nói đến hội Tao Đàn nữa.

Saigon, ngày 15-8-1960

THÁI-VĂN-KIỀM

Chú-thích : (1) Tao nghĩa là thơ hay, đó bài thơ Lý Tao của Khuất Nguyên ; Tao Đàn là hội Thơ (Cénacle), Nguyên soái là vị lãnh đạo.

★ CÁI NGỰC CÓ SỪNG NHỌN QUÁ

Mới đến học lớp mẫu giáo buổi sáng, trưa về nhà, Má hỏi em Bé (5 tuổi) :

— *Cô giáo có cưng con không ?*

Bé 5 tuổi trả lời :

— *Cô giáo cưng con, Má à, nhưng con không dám lại gần cô đâu.*

— *Tại sao vậy ?*

— *Ngực của cô mọc hai cái sừng nhọn thiệt là nhọn, con sợ cô đâm trúng con l.*

H. T. NHÃN (Dakao)



**Đèn
trôi
trên
s
ông
g
H
ư
ơ
ng**

Cách đây mười mấy năm
một đêm trăng mười sáu
gia-đình ta nương náu bến Hương-giang
Đèn trôi lấp lánh mơ-màng
Lung-linh đáy nước hồn oan đi về
Mẹ chèo ghe
Cha cầm lái
Chúng con ngồi ngáy-dạt ngấm trăng tan...
Ai ca réo-rắt muôn vàn
Trên con thuyền nhỏ sang ngang một mình
Đèn hoa trôi mái bập-bành
Rưng rưng mắt Mẹ long lanh sao trời...
Sương lạnh rơi rơi
Đèn hoa trôi lấp-loáng
Thuyền ta về bến vắng buồm neo
Đêm thu con mộng mơ nhiều
Hồn thơ bay bổng phéu-diêu cung Hằng...
Thấm-thoát mười mấy năm
Con về thăm bến cũ
Lệ nhỏ khôn cầm
Trăng trong vầng đặc
Một vì sao sáng quắc
khơi vơi
Mẹ ơi !
Mẹ chết mấy năm rồi Mẹ nhỉ ?
Mấy năm rồi Cha xuôi ngược long đong ?
Đèn hoa ai thả bênh-bồng
Thuyền con lạc-lỡng trên sông hững-hờ
Mười lăm năm một giấc mơ
Xa xôi con viết bài thơ dâng về...

ĐÀO - LƯU - HẢI (Huế)

Chuyện kỳ quặc



một
hình
bóng



CĂN nhà bá Phó Liệu di cư ở vùng ngoại-thành Saigon, trên đường đi Gò-Vấp.

Trước kia, khi chồng bà, ông Phó Lý làng Bích-Đào, còn sống thì bà không phải lo cho đời sống là mấy, nhưng từ khi lâm vào cảnh góa bụa, bà thấy e ngại vô cùng.

Ông Phó mất đi năm bà mới có hai-mười-lăm tuổi; mặc dầu không con cái, bà cũng chịu ở vậy cho đến ngày nay đã ngoài năm mươi.

Sau hồi loạn-lạc, bà Phó không còn ai là họ hàng thân-thích nữa. Bà chỉ nhớ mang

máng, xưa kia, khi mười-hai tuổi, mẹ bà đã bỏ bà ở lại, và đem một đứa em trai mới 8 tháng đi đâu biệt tích. Về cuộc đời lang bạt của người mẹ, từ đó đến nay, bà không có tin tức gì cả.

★ TRỌNG-TẤU

Bà Phó Liệu rất cần - kiệm và cơ chí. Có lẽ cảnh sống cô

đơn đã khiến bà không dám tin tưởng vào ai. Theo ý - nghĩ mặc mạc của bà thì ở trên đời này, không có kẻ nào giúp đỡ lực mình cho bằng chính mình. Bởi vậy bà phải lo xa,

phải dự phòng. Bà sợ chết đói lắm ! Cái thức mặc thường xuyên ấy của bà đã biến cái bà thành con người bà tiện đến gần như keo bần. Có một số vàng khá nhiều, dù đi tới đâu, sống chết bà cũng đem theo, « bất ly thân ». Số vốn hai chục lạng vàng ấy là kết quả của sự chắt bóp, của nước mắt và mồ hôi. Bà không dám ăn, dám tiêu. Bà cố bóp mồm bóp miệng để mà có. Bà muốn nắm trong tay chút vốn chỉ là cốt được yên trí lúc tuổi về già.

Bà Phó Liễu có một bề ngoài rất nghèo khổ. Bà ăn mặc rách rưới, đi xa đến cả chục cây số bà cũng cuốc bộ và... có khát nước thì lại cúi xuống mấy cái « phông ten » Bà không dám giao thiệp với ai, nhất định ở trong một căn nhà lá hẻo lánh xa thành phố. Không ai thêm để ý đến bà lão nghèo khổ ấy làm chi. Nói đại dột, cướp bóc muốn dòm ngó thì cũng phải kiếm nhà nào có máu mặt chứ !



Thật ra, trong thâm tâm, lúc nào bà Phó Liễu cũng phập phồng lo sợ.

Mấy hôm nay, bà phó thấy

khiếp-hãi vô cùng. Cứ sáng nào, đi chợ về bà cũng bị một tên lưu manh theo sát gót. Tuy gã ta ăn mặc có vẻ tề chỉnh, điệu-bộ có vẻ đoan-trang, nhưng cái vết sẹo trên má, to mà dài, hõm sâu xuống, không thể nào dấu nổi con mắt của bà lão. Bà đoán rằng gã này chắc là một tên sát nhân không gớm tay, hay ít ra cũng là tên « tù Côn Nôn » mới mãn hạn. Mắt gã đỏ và lờ lờ như mắt chó dại, môi gã đầy ; thẳng hoặc, nếu gã có nhếch mép cười thì quả là đáng điệu đặc ý rất man rợ của của một con quỷ sắp hút máu các thầy ma trong ma. Bà Phó để ý, đã từ bốn hôm nay, không sáng nào gã chịu rời bà ra nửa bước. Cho cả đến khi bà bước chân vào nhà, gã vẫn còn lờn vờn trước cửa. Gã lại tìm được một quán cà-phê bên đường để ngồi chờ. Gã uống một ly cà-phê có hai đồng bạc mà có khi ngồi mãi tới trưa mới chịu đứng dậy ra về. Có lắm hôm, bà làm bộ đóng cửa, lên dòm qua lỗ vách ván xem gã làm gì thì bà thấy gã cứ trừng trừng soi mói cặp mặt cú vọ vào căn nhà bà, chẳng

khác gì con cáo rình mồi muốn bắt.

Bà Phó Liễu không dám đóng cửa nữa, sợ gã dễ ý. Thỉnh thoảng bà chỉ dám liếc nhanh để xem mặt gã một tí rồi lại quay đi luôn. Rủi ro mà bốn mắt vô tình bắt chợt chạm nhau, thì bà cảm thấy chân tay rụng rời, bủn rủn. Bà tự hỏi: « Có lẽ hẳn biết ta có hai chục lạng vàng chứ gì ! Hay hẳn đang sắp đặt thủ tiêu ta để cướp số vàng ấy ? » Tuy nghĩ vậy nhưng bà Phó không dám có ý đi thưa. Bà sợ tới cửa công lắm ; rồi lại rùm beng và người ta sẽ biết bà có hai chục lạng vàng thì chỉ có nước chết. Và lại, y cũng chưa có làm gì hại bà, thì lấy cớ đầu mà buộc tội, Bà không dám nhờ ai bảo vệ, vì bà chẳng tin ai. Bà Phó Liễu lo mất ăn mất ngủ. Mấy đêm liên tiếp bà thao thức suốt sáng ; thỉnh thoảng có chớp mắt đi một tí lại cũng giật mình. Bà đã khổ sở như vậy mà nào hẳn có buông tha bà đâu. Vừa mở cửa ló đầu ra đường, hẳn đã ở đâu lù lù ngay cạnh. Hẳn có một cái nhìn « thèm muốn » lạ lùng. Phải chi bà còn là con

gái thì còn có thể coi hẳn là một gã si-tình, đằng này, bà vừa già cả, xấu xí, vừa nghèo-hèn y lại chỉ đáng tuổi em, tuổi cháu... chắc là y có mục-đích gì khác ?



Bà Phó Liễu, đêm nay bị lên cơn sốt. Toàn thân bà nóng hơn lửa bỏng. Hai tai bà như muốn cháy đi. Cơn lạnh bỗng nhiên xâm nhập vào bà một cách tàn nhẫn. Ưống xong gói can-cotán, bà cố nằm ngủ cho quên đi hình ảnh con người bí mật ghê sợ kia. Căn nào bà bị căng thẳng quá, phần vì yếu sẵn, bà bỗng thiếp đi. Tiếng chửi của chị bán cháo lòng đánh máng con ở gần đó ré lên khiến bà giật mình nhảy nhồm ra khỏi giường. Bà sờ tay vào chiếc ruột tượng buộc ngang lưng, số vàng lá vẫn còn nằm đó. Tim bà đập mạnh ; bà lò dò bước ra phía cửa, bỗng chân bà đạp phải vật gì mềm nhũn nóng hổi ; bà thét lên nằm vật xuống đất, tay lại chạm phải một chất nhờn dính dính. Bà run rẩy cả toàn thân, ú ó cố đứng lên đi lấy bạo diêm, nhưng chân như bị dính cứng xuống đất. Bà phải

MỘT HÌNH BÓNG

cổ lết lại chiếc bàn, quẹt que diêm mấy bận cháy rồi lại tắt.

Đến que diêm thứ tám bà mới thấp nổi cây đèn. Ánh sáng chập chờn ngọn đèn đêm trong tay bà lão chiếu ngược trở lên khiến cho nét mặt gầy ốm của bà biến hình chẳng khác gì một bóng ma vừa đội mồ lên kiếm người sống. Bà lấy bầy đi lại vật mềm mềm, cúi xuống coi xem, thì ra, đây là bộ gan heo sống của chị bán cháo lòng ! Có lẽ con chó Vện của bà ăn cắp đem về nhưng chưa ăn hết.

Sau một hồi thờ rợ ra để định thần, bà Liễu quyết định hành động theo như đã dự tính. Bà lấy con dao phay, thổi tắt phụt ngọn đèn, mò từng hươc, đi ra phía sau nhà. Bà ngồi xuống đào. Bàn tay yếu ớt của bà bới đất một cách mệt nhọc. Đào, rồi lại nghỉ, lại tiếp tục đào, mãi nửa giờ sau mới bươi nổi được một lỗ sâu chừng ba tấc. Bà run run trút cả cái kho tàng của một đời người, hai chục lạng vàng, xuống đó và lấp đất. Sau khi đã lát lại đám cỏ như cũ bà gài cửa sau lên giường nằm. Con sốt trở lại kịch liệt hơn, mồ

hôi bà ra khiến bà ướt như chuột lột. Bà ngất lịm dần...



Bà Phó Liễu mê hay tính ?

Kìa, rõ ràng thằng ăn cướp sọc mặt đang lói bà đi sinh sếch một cách tàn-nhẫn ! Bà van vớ :

— Lạy ông tha cho tôi ! Tôi đang ốm nặng. Tôi nghèo !

Tên này tròng mắt ;

— Không tha gì cả ! Ốm à ? Ốm gì thì ốm gì thì ốm ! nhưng... vàng đâu !

— Tôi làm gì có vàng ?

— Lại còn vờ vĩnh, dấu đầu ? chỉ chỗ ngay không thì toi mạng...

— Lạy ông, tôi không có !

Hắn đập bà lão một cái, té xấp mặt xuống đường đá, máu trong mũi từ từ chảy ra từng giọt. Hắn kéo bà tới một căn nhà tối tăm, xung quanh xây bằng đá tổ ong. Hắn dừng lại và chỉ mặt bà lão :

— Mi đã già rồi, ta không thêm đánh làm chi. Để ta cho mi chứng kiến sơ sơ vài cảnh tra tấn xem mi còn gan hay hết ?

Hắn cười sằng sặc đắc chí. Bà Phó bị điệu về tới một nơi

khác, có lẽ là sào huyết bọn cướp. Bà bàng hoàng khi nhìn cảnh tượng lạ lùng của căn phòng mới đến. Chỗ này, một thiếu nữ đang bị treo ngược cả hai chân tay như con lợn, mặt quay sắp xuống trên lưng bị đè một hòn đá nặng. Chỗ kia, một chàng thanh niên, có lẽ là người Miên, đang bị một tên lấy kim xé từng cái móng tay. Bà nhìn thấy rõ ràng, những hành động vô nhân đạo đó. Cứ mỗi lần kim kẹp vào chiếc móng tay thì tên người Miên lại ré lên ghê sợ; hắn ta thở hồng hộc. Tên cướp đứng tra cứ thản nhiên như không. Hắn chùi bàn tay đầy những máu của hắn vào mặt tên bị tra tấn. Mồ hôi và máu pha lộn làm thành một chất nước đỏ lờ lờ, be bét trên mặt nạn nhân. Bà Phó đứng gần đó, nhắm nghiền đôi mắt không dám nhìn nữa, nhưng bà lại phải ngửi. Bà ngửi thấy một mùi tanh buồn mửa của máu. Gã có sọc mặt quát:

— Mở mắt ra nhìn !!!

Bà giật mình, tim đập mạnh. Tên đứng tra, khoái trá liếc bà nhe răng cười. Hắn vạch những móng tay còn lắt lẻo

trong thịt lên xem, thỉnh thoảng lại bật nảy tung tung mấy cái móng ấy để chơi, trông thật là rợn. Hắn lại vớ lấy chiếc kim, kẹp nguyên cả một ngón tay nạn nhân vào giữa, co hai tay, dùng hết sức bình sinh giật mạnh vào lòng. Một đốt ngón tay văng đi, chỗ sưng còn lại lòi ra trắng toát. Hắn nhặt đốt ngón tay ném thẳng vào mặt bà lão. Bà Phó choáng váng, máu bắn cả vào trong con người, khiến mắt bà cay xè và lòa đi. Bà Phó chỉ còn là cái thầy ma biết cử động. Tên sọc mặt lại dẫn bà tới một nơi khác. Chỗ này có dựng một cái cột bọc toàn bằng các mảnh nứa dài, bẽ cật vào trong. Một nạn nhân bị treo trên đầu cột, hai chân tay bị trói ôm vào đó. Một đầu dây thừng luồn qua chiếc rổ rế, cột vòng qua ngực người này; một tên đứng níu đầu giây bên kia để giữ nạn - nhân lơ lửng trên đầu cột. Tên có sọc hình như là chúa đảng cướp vừa hạ tay ra lệnh thì tên kia bụng sọc giây. Cái thân hình chỉ trơ trọi có một quần đùi, tuột mạnh rơi xuống đất. Bà Phó nhìn rõ ràng từng chi tiết. Lúc này bà muốn mê đi

MỘT HÌNH BÓNG

mà không được. Tại sao bà tỉnh quá ? Những lần nữa sắc bén khứa vào da thịt, thành từng vệt đỏ dài trên ngực, trên tay chân kẻ bị nạn. Máu vọt ra như suối. Tên cầm đầu giầy lại từ từ kéo nạn nhân lên cao, rồi lại buông xuống, kéo lên, buông xuống, năm lần bảy lượt. Tiếng la lúc đầu còn to, sau cứ nhỏ dần rồi im bật. Nạn nhân đã bất tỉnh, đầu quật về một bên. Một giòng máu từ từ chảy ra hai bên mép.

Tên thợ mổ nhìn mắt hỏi bà lão :

— Vàng đầu ? Có chỉ không ?

Bà Phó ú ó muốn nói mà nói không được....



Trời đã sáng bết. Nhà bà Phó Liễu chật ních những người. Vào lúc hùng đông, lối xóm, nghe tiếng bà lão rên la ú ó, tưởng bà bị ai bóp cổ, đã phá cửa xông vào cứu cấp. Sự thật, chỉ vì đêm qua bị cơn sốt hoành hành, bà đã lên cơn mê sảng chứ không có gì lạ xảy ra cho nhà bà hết. Trong khi bị ám ảnh quá độ, phần vì ốm nặng, bà mê thấy hết cảnh này tới cảnh khác.

Người ta lấy dầu nóng xoa bóp cho bà ; có kẻ đi kiếm đồ cạo gió. Lúc đó, người thợ mổ cũng bước vào. Hấn vội vã đi ra, một lát sau trở lại với đồ nghề, tiêm cho bà một mũi thuốc khoả. Bà Phó tỉnh dần, mở mắt, mê mõi nhìn mọi người, bỗng bất gặp cặp mắt lừ đừ của hấn. Bà sợ quá rú lên :

— Lạy ông, tôi không có gì !

Hấn lắc đầu không nói. Bà lao lại van vỉ :

— Trời ơi ! sao ông cứ theo tôi ?

Mọi người ngạc nhiên, tuy không biết truyện gì nhưng cũng nghi ngờ, tóm lấy tay hấn vì cho là hấn có làm điều gì bất chính. Hấn ú ó giằng tay ra, lúc đó mọi người mới biết hấn căm. Hấn ra hiệu xin miếng giấy và cái bút, rồi hấn ngồi xuống viết :

« Tôi chỉ là một thằng câm. Tôi làm nghề vẽ và có biết qua ngành y tá. Tôi xin nói rõ vì sao mà tôi đã theo bà lão này... »

Trong khi hấn viết thì người đứng đó đọc lớn lên cho bà nghe. Hấn viết thêm :

« ...Trước kia tôi có một bà

MỘT HÌNH BÓNG

mẹ. Mẹ tôi đã phải bỏ cha tôi, đem tôi đi lang thang chỉ vì cha tôi tàn nhẫn quá. Theo mẹ từ khi tôi tám tháng, tôi đã chung sống với người cho đến khi khôn lớn. Thấy đứa con tội nghiệp mẹ thương tôi lắm. Mẹ đã cả đời tận tụy khổ sở vì tôi; sợ sau này với tội tâm tôi không làm gì được, mẹ đã cho tôi theo học nghề vẽ, một nghề không phải cần tới lời nói. Mẹ tôi chết đi giữa thời khói lửa. Tôi không còn di ảnh mẹ, thì bỗng một hôm ngẫu nhiên tôi gặp bà đây. Tôi ngỡ ngỡ tưởng mẹ sống lại, vì bà giống mẹ tôi như tạc. Tôi bỗng nảy ra cái ý họa một cái hình mẹ để thờ; thế là ngày ngày tôi theo gót bà, nhận xét gương mặt để về nhà tưởng tượng ra vẻ lại cho đúng. Chỉ có thể thôi chứ không có điều gì bí ẩn cả.

Người đứng đọc viết vào giấy hỏi :

« Anh ở Bắc, nhưng người làng nào ? »

Hắn lại viết :

« Tôi người làng Bích-Đào »

Bà lão giật nảy mình nhồm nhộm nhờ người đứng đó hỏi giúp xem hắn có biết tên cha hắn không ?

Hắn trả lời bằng cây bút :

« Chỉ nghe mẹ tôi nói : cha tôi tên Bằng Thân »

Bà Phó Liệu tự nhiên khóc sòng lên, ôm lấy hắn :

— Trời ơi ! thế ra đây là em tôi ! Vinh !

Hắn ngỡ ngác không hiểu gì cả.

Nhờ cuộc bút đàm hai chị em đã nhận được ra nhau. Vinh chính là tên hắn, tên thàng em đã theo mẹ đi lang thang từ khi mới tám tháng. Bà Phó Liệu là con gái ông Bằng Thân. Trong làng, những người lớn tuổi hơn bà vẫn thường nói cho bà biết rằng, bà giống mẹ.

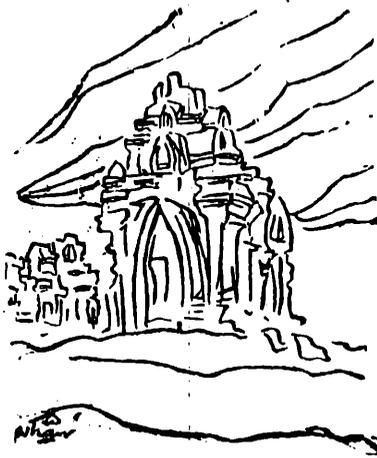


Bà Phó bị xúc động mạnh, bệnh tim lại càng trở nên nguy kịch. Mặc dầu với sự tận tâm chạy chữa của Vinh, hai hôm sau bà cũng đành tắt thở trên tay người em thân mến.



Vinh lặng lẽ đi theo xe tang, tưởng như mình đang tiễn đưa lần thứ hai, người mẹ hiền quý mến. Chẳng rầu rầu nhìn cổ quan tài thăm xuy nghĩ : « Có lẽ trời đã bắt ta chỉ được chịu ơn thôi chứ không được trả ơn. Tình thương của mẹ, của chị có một chiều đi mà không có chiều trở lại ».

Bà Phó Liệu chết đi, không kịp đổi dâng cho Vinh biết về hai chực lạng vàng bỏ quên trong lòng đất, nắm vàng bà dành dụm cả một đời, không biết để cho ai ?



NHẮC LẠI

CHUYỆN

THÁP CHÀM

★ NGUYỄN TRIỆU

NGOÀI bìa số « Phò-
 Thông » 40, quý - vị
 độc giả lại thấy một di - tích
 của Chiêm Thành là Tháp-
 Chăm ở Ninh Thuận mà cách
 đây 5 tháng, một nhật báo ở thủ
 đô đã có chưng hình tháp này ra,
 rọi lớn, in màu và giới thiệu cùng
 độc giả rằng đó là « tháp Bà ở
 « Nha Trang, một cổ tháp của người
 « Chiêm Thành. Tháp Bà (Pona-
 « gar) xây trên một ngọn đồi đất
 « phía Tây Bắc thành phố Nha-
 « trang. Pongar có nghĩa là « Bà
 « Chúa một xứ » mà xứ xây dựng
 « tháp này gọi là xứ Kauthara xưa
 « của nước Chiêm Thành ».

« Tháp Bà (tên chung) gồm 7
 « hoặc 8 cái tháp khác nhau xây
 « dựng từ thế kỷ thứ IX, hoàn

« thành năm 817, cao 23 thước,
 « bằng gạch chông chất sát với
 « nhau mà không dùng đến vôi, cát.

« Người Chiêm-thành lấy đất
 « sét nặn thành hình viên gạch rồi
 « lấy nhựa cây trong rừng gắn cục
 « gạch nọ với cục gạch kia, kẻ chất
 « củi thật nhiều ở trong và ngoài
 « tháp, sau mới lửa đốt cho đến
 « khi nào gạch dính cứng với nhau
 « mới thôi... Văn lời trong trương
 « báo ấy nói... « Tháp Bà thờ Đức
 « Poh-Nagar hay Thiên-y Thánh-
 « mẫu. Theo truyền thuyết của dân
 « Chiêm-thành thì Pô-Ino-Nagar
 « tục gọi là Bà Đen (Muk-juk) là
 « một vị Nữ-thần được dân chúng
 « sùng bái nhất. Ngài do những
 « áng mây, trời và bọt nước biển
 « mà hóa thân. Trong số 97 phu-

quần của ngài ở trong hậu cung thì chỉ có một mình Po-Yan-Ámo là có uy quyền và được tôn trọng hơn hết. Cuộc đả duyn đã cho ngài 38 mỹ-nữ, về sau liền được thần hóa như Ngài. Trong số con gái của Ngài, nay còn có 3 người được dân Chiêm - thành cúng bái : Po Naga Dara, Parai-Anail và Po Bja Tituk (Phan Thiết).

Nữ-thần Po Ino Nagar là vị thần đã tạo lập ra quả Đất, sinh ra gỗ quý, cây cối và lúa gạo...

Nhưng nay chúng tôi xin thanh minh rằng tháp ở ngoài bia đây là Tháp « Poklong Garai » ở trên núi « Đồi-trầu » (Chok Hala) do Vua Chăm là Chế Mân (Rudravarman III) xây cất từ thế kỷ thứ XI mà trong thời Pháp thuộc, tháp này được mệnh danh là « Tourcham » ở gần Tháp Chàm thuộc Ninh-Thuận bây giờ trên con đường quốc lộ xuyên Việt khoảng Saigon - Nhatrang.

Vì khuôn khổ những trang của « Phò-Thông » có giới hạn và phải kéo dài số này qua số khác, hàng năm cũng không hết giòng lịch sử Chiêm - Thành nên nay chúng tôi rút ngắn lại và chỉ

lược thuật trang lịch sử cuối cùng, trong vùng Phan - lang, Phan-lý mà nay là tỉnh Ninh-Thuận trong bản đồ Trung-phần Việt-Nam là nơi có cây tháp trên vãn sừng sừng trơ trọi cùng tuế nguyệt.

Hiện nay còn tới ngoài 200 di tích Chiêm-thành ở Trung - phần nước Việt, ta đã thấy rất nhiều cổ tháp xây cất theo kiến trúc Khmer hoặc Ấn-Độ mà ta vẫn gọi chung là « Tháp Chàm », nên Tháp Chàm ở Ninh-Thuận (Phan Rang) đã có thể lầm là Tháp Bà ở Nha - Trang (Khánh hòa) hoặc Kauthara và biết đâu lại không có thể lầm với tháp Cảnh tiên ở Bình - Định (Vi Jiya) hay tháp Phổ-Hải (PaJai) ở Phan-thiết.

Ở Ninh-Hòa tức xưa là Phan lang (Pandurango) còn có nhiều tháp nữa là Ba-tháp ở Hà-lai và còn tháp Po Romé nữa ở Hậu-Sanh, nhưng ở trong những núi rừng, cách xa tình lý nên ta không trông thấy.

Theo Antoine Cabaton chép trong quyển « *Nouvelles recherches sur les Chams* » in năm 1901 thì cây tháp ở gần ga Tháp

NHẮC LẠI CHUYỆN THÁP CHÀM

Chàm Ninh - thuận thờ thần là thái tử Po Kloong Garai, con của Mẫu-hoàng Po-sah-İno, ngài đã sáng chế ra phép dẫn thủy nhập điền và xây đắp những cống và đập, cung cấp cho hàng ngàn mẫu ruộng của dân Chàm có nước mà cây cấy...

Mỗi lần vị thần xuống núi thì thường vấn đội khăn và chân mang giày dăng hoàng. Theo trong một tài liệu khác thì lại nói tháp này thờ Vua Po-Kloong Garai với một thiên thần thoại không khác Po Nagar ở Nha-trang. Tháp Chàm ở Phan Rang đây xây từ thế-kỷ XII gồm có nhiều tháp phụ ở chung quanh có nhiều ngọn tháp phụ đã đổ nát. Tháp chính, ngoài cửa có

khắc bức tượng thần Si-Oa, trên lối đi vào có tượng con bò kỷ-niệm thời chăn bò của nhà Vua. Trong tháp lại còn có pho tượng đá khắc đầu Vua đặt trên bệ đá và là nơi của dân Chàm lui tới hương khói và cho rằng là một chốn rất linh thiêng. Ngoài ra còn có một pho tượng « Bạch-Tượng » nhưng bị thất lạc đã lâu. Hồi năm canh dần (1950), người Pháp xây « lô cốt » và lập đồn canh trên đồi này, có đào thấy pho tượng « Bạch-tượng » này đem về đồn. Sau những kỳ lão người Chàm viện lẽ rằng thần-tượng Bạch-tượng là vật quý linh thiêng của dân-tộc họ nên tới xin về. Hiện nay còn thờ tại xóm Phước-Đồng trong quận An-phước.



✱ GIẤY MỜI

Một hôm, bà T.M. gửi Thi-sĩ N. một giấy mời chỉ có một câu sau đây : « Đêm nay, từ 8 giờ đến 12 giờ, bà T.M. ở nhà một mình » Thi sĩ N. gửi trả tấm danh thiếp với mấy chữ đáp lại : « Đêm nay, từ 8 giờ đến 12 giờ, Thi sĩ N. cũng ở nhà một mình »

THIÊN - ẮN

ở Quảng - Ngãi

Cuối Thế-kỷ XIV, tỉnh Quảng Nghĩa hầy còn là đất của Chiêm-lành.

Từ 1402, vua Chăm là BA-DI(CH-LAI cứ đem quân ra phá phủ dụ dân ta ở biên giới Thuận Hóa, HỒ-QUÝ-LY mới sai Đô Thống ĐỖ-MÁN đem chiến thuyền vào chiếm đất Cỏ Lũy và đặt ra hai địa điểm hành chánh : CHÁU - TƯ, và CHÁU NGHĨA.

Năm 1471, nhà LÊ nhập chung hai châu, lập thành PHỦ LƯU - NGHĨA, và phân ra ba huyện : Bình-Sơn, Mộ Hoa (nay là Mộ Đức gồm cả Đức-phố Nghĩa-giang (nay là Nghĩa Hành). Năm 1602, đổi ra Châu HÒA NGHĨA. Năm 1803, đổi thành Doanh QUẢNG-NGHĨA.

Năm 1808, đổi ra Trấn.

Năm 1831, thành tỉnh QUẢNG-NGHĨA.

★ PHỔ-PHONG

KHÁCH trong Nam ra miền Trung, đi qua tỉnh lỵ Quảng - Ngãi, đến phà Trà-khúc (Trà = theo tiếng Chăm là Jaya) thấy trước mặt mình, phía bên kia bờ sông sau một rừng tre xanh, một hòn núi chơ vơ giữa đồng bằng, giống hình như cái ắn của trời đặt nơi đây. Đó là núi THIÊN-ẮN.

Nó với núi THIÊN - BÚT (giống như ngọn bút) ở phía Nam tỉnh lỵ, là hai hòn núi danh tiếng nhất trong 10 thắng cảnh của tỉnh Quảng-Ngãi 1) Thiên-Ắn 2) Long-đầu, 3) Thiên-bút, 4) Cỏ-lũy, 5) Hà-nhai, 6) La Hà-thạch trận 7) Thạch-bích, 8) Vân-phong, 9) Thạch-cơ, 10) Vu-sơn.

Ở bên con đường tỉnh lộ đi xuống cửa Cỏ-lũy dọc theo bờ sông

Trà-khúc, núi THIÊN ẮN cách bến đò Quán Cơm chừng 5 cây số. Nó không cao nhưng đẹp, và hình thang, bằng phẳng trên ngọn. Tuy không cao, nhưng đứng trên đỉnh, người ta trông thấy biển Nam-Hải ở hướng Đông, dãy núi Trường-son ở hướng Tây, núi Bút ở hướng Nam và cánh đồng bát ngát bao la với giong sông Trà-khúc quanh co nằm giữa như một con rồng uốn lượn và những xe nước ở hai bên bờ như những móng chân rồng.

Một nhà văn Pháp, CHARLES PATRICE tác giả 1 bộ Sử-ký VN về đời hậu Lê, đã đi ngang qua đây và đã chép mấy câu ca ngợi những xe nước ở Quảng-Ngãi : *Aucun spectacle de la province ne renseigne mieux sur l'esprit ingénieux du Paysan d'Annam et ne cause pareille surprise aux yeux curieux du voyageur...* (không có cảnh nào trong tỉnh này chứng tỏ trí óc tài tình của người dân quê Việt-Nam và gây một ngạc nhiên phi thường cho cặp mắt hiếu kỳ của du khách bằng những xe nước hùng vĩ kia...)

Tại nghe vắng vắng tiếng xe-nước quây tròn chầm-chậm và

hồn với nhịp-diệu của cây cỏ, vang dội dưới nắng hồng, du khách hồi-hộp bước các bậc đá, trèo lên sườn núi, đến cổng chùa ở ngay trên đỉnh. Vừa gặp một vị Sư từ trong sân chùa đi ra, khách chấp tay vái. Té ra Sư với khách đã biết nhau từ hồi nào ! Sư cười, ứng khẩu hai câu thơ :

Bao nhiêu cuộc đời thay,

Duyên tri-nghị còn đây !

Khách vui mừng ứng đáp liền :

Khách vẫn trôi theo gió,

Sư vẫn ngồi trong mây !

Sư nắm tay khách ngồi dưới bóng cây, trao đổi tâm-sự một buổi chiều rồi Sư mời khách vào chùa.

Ngồi dưới gốc cây tiêu, bên miệng giếng, khách hỏi về lịch-sử :

— Ai là người đầu tiên lập ra chùa này, thưa Thầy ?

— Hòa-Thượng PHÁP-HÓA là Sư-Tổ nhà chùa. Ngài đến lúc núi Thiên-Ắn chưa có bóng người, cây cỏ còn hoang-vu, nước-non vắng vẻ.

— Từ hồi nào ?

— Dưới triều Hậu Lê, gần 300 năm nay. Ngài là người xứ Huế, học Đạo ở Huế rồi đi lặn vào đây, tìm nơi thiên định. Đến đây Ngài không đem theo gì cả, chỉ mười quyền kinh. Ngài ngồi bên

làng đá, lấy đá làm bàn thờ, đêm ngày niệm Phật, tự tay ngài trồng khoai lang để nuôi thân, và chính Ngài đã đào ra cái giếng này để cho nước uống. Ba chục năm sau, Hòa Thượng Pháp - Hóa mới như một ít đệ tử thập phương lập ra ngôi chùa lợp bằng tranh, vách đất, nhưng không có tượng Phật. Ngài thân hành ra Huế thỉnh một pho tượng đấng Chí Tôn đem về.

Sau Ngài mới xin vị Quan Trấn nhậm doanh Quảng-Nghĩa tâu vua Triều vua xin ấn tứ. Đời nhà Lê năm Vĩnh-Thanh thứ 20 vua Lê phong sắc tứ "Thiên Ấn tự".

Hòa Thượng Pháp Hóa tịch thì kế tiếp đó bảy đời Sư-Tổ: Hòa-Thượng Khánh-vân, Hòa-Thượng Bảo-ấn, Hòa-Thượng Giác-Tánh, Hòa-Thượng Hoảng-Phúc, Hòa - Thượng Hoảng-Chương, Hòa - Thượng Diệu-Quang.

Tục - truyền rằng dưới thời Hòa - Thượng Khánh - vân có

một mùa hè oi - á, giếng này bỗng cạn nước. Hòa-Thượng tụng kinh niệm Phật, đến khi ngũ Phật báo mộng truyền cho Hòa Thượng đào thêm dưới đáy giếng một sải nữa xuyên về hướng Nam. Sáng dậy, Hòa-thượng cho các đệ tử biết, ai này xúm nhau đào về hướng Nam thì quả nhiên gặp mạch nước lớn. Nước chảy thật nhiều đầy đến nửa giếng, và trong veo, uống rất ngọt.

Trời hừng đông, khách từ già ra đi. Vị Sư nắm tay, ngẫu nhiên ứng hai câu tiễn biệt :

*Nam Bắc tình muôn dặm,
Nước-Non hội một ngày !*

Khách đáp lễ, tạ ơn :
*Tấc lòng phiêu-linh tử
Xin nguyện vớt cỏ cây !*



Phút chia tay, nay đã trên hai chục năm qua, chẳng biết Hòa Thượng chùa Thiên-Ấn nay vẫn còn hay mất ?



D) DANH NGÔN

*Những tư-lưởng cao siêu đều phát tự nơi lòng.
(Les grandes pensées viennent du cœur.)*

VAUVENARGUES (Văn sĩ Pháp)

Những người dân bị
lãng danh trong

LỊCH-SỬ



Võ. Át, Thái Đình, Đế Át, Thọ Tần, đều ăn chơi xa xỉ, yến tiệc linh đình, và xa hoa dâm dăng. Vua Trụ lại rất là tàn bạo, không khác gì Néron

ở La Mã.

Và, cũng như Néron, Vua Trụ đã mất nước và bị giết chết rất thảm hại, chỉ vì một người đàn bà !



MUỐN tăng công với vua Trụ, một tiểu tướng họ Tô đem đưa con gái út tên

tế đều để cho một tay nàng sai khiến.

Một mai trong cuộc truy-hoan, đắm say tửu sắc, vua Trụ

là ĐẤT - KỸ

dâng cho

Hoàng-đế.

Đất Kỹ

có một

nhân sắc

lộng lẫy, sắc

sảo, ăn dút tất cả các phi tần cung nữ mà vua Trụ đã sai người đi tìm kiếm khắp nước đem về nuôi trong cung điện để thỏa thích dục tình.

Từ ngày có Đất Kỹ, nhà Vua chê ghét hết các cung tần, bỏ bê cả việc nước, ngày đêm chỉ say mê bên cạnh Đất Kỹ mà thôi. Nàng khéo chịu Vua, khéo tăng bốc nịnh bợ, khéo mơn trớn vuốt ve, với đôi bàn tay ngọc, với một nụ cười, đôi khóe mắt, làm cho Trụ-vương như ngây như dại, cả uy quyền bạo ngược của Chúa

Cô gái nhà họ Tô làm sếp cả một Triều đại Trung - quốc

bằng lòng tất

cả những gì

Đất - Kỹ

muốn,

tán thành

tất cả những

gì Đất - Kỹ

làm, và Đất - kỹ có bàn định việc chi, nhà vua cũng gật đầu cười : « Phải ! Phải ! ». Nàng tâu xin với Vua bổ-nhậm hai người anh của nàng, là Tô-Địch và Tô-Thành làm chức quan Đại-trào để thao-túng mọi việc chính-trị trong nước. Vua Trụ gật đầu : « Được ! Được ! » và lấy bút phê cho Tô-Địch làm. Tể-Tướng và Tô-Thành làm. Đại-Tướng Công. Tô Địch là một tay tàn bạo khét tiếng, dựa uy-thể của em gái và của Vua mà làm biết bao nhiêu chuyện hà-lạm trong nước và

thức khổ nhân dân. Người ta đã đặt cho y biệt hiệu là Ác-Lai.

Đất-Kỹ thấy Vua Trụ thích chuyện dâm dục, bèn truyền lệnh cho nhạc sư tên là Quyên đặt ra một bản *Nhạc Dâm Ô*. Theo sử Tàu thì bản nhạc này trởi lên là khiến cho ai nghe cũng phải nẩy lòng dâm dật. Chắc chắn đó là một bản nhạc "dục gân" lắm, — theo như ta nói ngày nay, — và có lẽ còn hơn vũ khúc Rock-n'-Roll nữa ! Đất-Kỹ chưa bằng lòng, muốn thấy một điệu múa làm cho xúc động cả tâm thần vua Trụ, liền bày ra vũ-khúc *Bắc-Lý*.

Nghe lời Đất-kỹ, vua Trụ cho xây *Lộc-Đài* rộng ba dặm. cao một ngàn thước, bắt dân đóng thuế thật nặng, để bỏ tiền vào đấy cho đầy kho. Lại cắt kho *Cự-Kiền* rất lớn để chứa đầy thóc lúa.

Vua lập ra *Khuyến-Đài* ở chốn Sa - Khưu để nuôi hàng trăm nghìn chó, ngựa, cạp, beo, khí, để cho Đất Kỹ săn bắn, dựng Hội-trường để nhân dân ca hát cho Đất Kỹ nghe. Nàng bắt đào một cái ao rộng 25 dặm để chứa nước, rồi mỗi lần bảo 300 người

chu mỏ bụp xuống ao uống như trâu ngựa để nàng xem, vì nàng thích thế. Nàng bắt trai gái cỡi trường chạy đua suốt đêm trong vườn Thượng-Uyển trong lúc nhạc-công thổi nhạc dâm-ô, và Vua Trụ và Đất Kỹ ngồi trên lầu uống rượu, nhìn xuống cười cho thỏa thích.

Kể phạm tội bất tuân lệnh của nàng, thì bị trói tay, dẫn đến trước mặt đông đủ bá quan. Vua Trụ nghe theo lời Đất Kỹ, sai lính chất một đồng củi to lớn, đốt cho cháy đỏ phừng, bắc ngang trên lửa một cây cầu bằng đồng bôi mỡ, rồi khiến tội nhân phải leo lên đi trên cầu. Bị cháy nóng và mỡ trơn, tội nhân phồng chân té nhào xuống lửa, thì Đất Kỹ khoái chí cười ngất. Vua Trụ cũng cười sặc sụa, khiến các quan triều thần ai cũng phải cười, để được lòng Vua và Hoàng-hậu.

Theo như Sử Tàu chép lại, thì vua Trụ nghe lời nàng Đất-Kỹ ham giết người cho đến đổi say máu và ăn cả thịt người nữa. Chứng cứ là một vị chư-hầu, tên là Cừu đem con gái đẹp đến dâng cho vua Trụ, nhưng bị Đất-Kỹ ghen, bảo vua Trụ

giết đi, và giết cả Cửu-hầu, lấy thịt làm mắm. Ngạc-hầu đem lời can-gián, vua Trụ bắt giết luôn Ngạc-hầu, lấy thịt làm nem.

Cổ-công - Đản (tức là Chu-Văn-Vương) là bậc hiền-triết, có đạo đức, từ-tâm, làm chức Tây-Bá bị vua Trụ bắt bỏ tù ở Dữu-Lý. Người con trai trưởng của Văn-Vương là Bá-Áp Khảo đến thăm cha, bị vua Trụ giết, làm thịt nấu canh, và đem canh đãi Văn-Vương. Văn-Vương không biết, cứ ăn. Vua Trụ liền nói : « Ta nghe Tây Bá là bậc Thánh-nhân mà nay ăn thịt của con thì đâu phải là thánh nhân cả ! » Đất-Kỷ thích chí, cười rầm lên.

Chính sách và hành-động của Vua Trụ và của nàng Đất-Kỷ khiến cho những người can-trực trong Triều-dình phần-uất, và dân-chúng muốn nổi loạn. Hai phần ba thiên hạ theo nhà Chu. Ba vị đại thần là Vi-Tử, Cơ-Tử, và Tỹ-Can liền khuyên-răn Vua, nhưng vua không nghe. Tỹ-Can là chú ruột của Vua, rất oán ghét Đất-Kỷ. Đất-Kỷ quyết trả thù cho hả giận. Một hôm, Đất-Kỷ bị bệnh đau bụng (nàng có chứng bệnh đau bụng kinh-niên). Nàng nói với vua Trụ :

— Thầy Thuốc bảo rằng bệnh của thiếp chỉ có lấy trái

tim của Tỹ-Can sắc với thuốc- uống là khỏi hẳn, vì Tỹ-Can là bậc thánh nhân, mà trái tim của thánh nhân có bảy lỗ, khác với người phàm.»

Vua Trụ nghe theo lời của Đất-Kỷ, truyền đòi Tỹ-Can đến để mổ bụng lấy trái tim làm thuốc cho nàng uống.

Truyền-ký huyền-hoặc lại kể thêm rằng trước khi Tỹ-Can ra đi, Thầy của Tỹ-Can có tu phép Tiên cho Tỹ-Can một lá bùa và dặn Tỹ-Can : chùng nào họ mổ lấy trái tim xong, Tỹ-Can đắp cái bùa lên chỗ mổ, và lúc ra về ai hỏi gì cũng đừng nói, thì khỏi chết. Tỹ-Can đến, Đất-Kỷ truyền lệnh mổ bụng lấy trái tim xong rồi, ông đắp lá bùa lên vết mổ và thản nhiên ra về. Giữa đường, Tỹ-Can gặp một cô gái bưng thúng rau muống (Theo truyền ký thì Đất-Kỷ vốn là loài Hồ-ly-tinh hóa ra người con gái ấy), chặn đường Tỹ-Can, hỏi : « Ông có mua rau vô tâm không ? » Cọng rau muống không có ruột, nên gọi là « Rau vô tâm », và có ý ngạo Tỹ-Can đã bị mổ tim rồi, trong ruột trống rỗng như cọng rau muống. Tỹ-Can làm thình, nhất định không nói một lời, theo

lời dặn của Thầy. Nhưng cò gái hái rau muống cứ đi theo hỏi mãi, Tỳ-Can tức giận không thể làm thinh được nữa, mắng một câu thì tự nhiên ông ngã gục xuống chết liền.

Chính sách tàn-bạo và khốc-liệt của vua Trụ vì nghe theo Đát-Kỷ, đã gây ra oán-hận khắp dân gian. Giặc dậy nơi nơi, các nước chư-hầu đua nhau khởi nghĩa. Con trai của Văn-Vương, là Cơ-Phát, làm chức Tây-Bá, (sau lên ngôi là Chu Võ-Vương), hội 100 nước chư-hầu tại bến Mạnh-tân, tuyên bố tội-trạng của vua Trụ và Đát-Kỷ, cử La-Vọng làm nguyên soái, kéo quân đi chinh phạt kẻ hôn quân. Hai ông Bá-Di Thúc-Tề gõ cương ngựa lại can, Võ-Vương không nghe, và quyết tiến binh.

Vua Trụ thua, chạy vào Lộc-dài, rồi bận áo đeo dây những ngọc ngà châu báu, nhảy vào

lửa chết. Võ-Vương chiến thắng cầm cây Đại-Bạch-Kỳ, vào thành thặng tới chỗ vua Trụ chết, chỉ còn cái xác cháy. Ngài lấy gương vàng chém đầu Trụ, treo lên chót cây cò trắng, và giết luôn Đát-Kỷ.

Thế là Triều-đại nhà Thương bền được 661 năm, đến đời vua Trụ, chỉ vì say mê một con ác-phụ, mà bị sụp đổ thảm-hại trong máu và trong lửa.

Đến nay đã trên 3.000 năm, cái tên gớm-guộc của Đát-Kỷ trong lịch sử Trung-Hoa vẫn còn người ta nhắc tới, cũng như Poppée, cũng như Agrippine, của thời Néron ở La-Mã (1) để làm gương cho những người đàn bà hậu thế.

(1) *Phê-Thống số 36-37-38-39*

KỶ SAU : DƯƠNG-QUỶ
PHI.

Định ngôn : Con nít và người lớn
Khi trước kia người ta chưa phất là con nít thì bây giờ người ta chưa thành ra người lớn.

(Quand on n'a pas été un enfant, on ne devient pas un homme)

Vua cười CHARLIE CHAPLIN
(Hề Charlot)

Minh ời !

HÔN
NHÂN

.....
XÉT VỀ

LỊCH SỬ

.....
và

TRIẾT-LÝ

.....
★ ĐIỀU-HUYỀN

MÌNH ời !
— ời .
— Tại sao ời đó Minh
lấy em làm vợ ?

— Tại ời đó anh thấy tên
em với tên anh dính chùm với
nhau trong quyển sách của Ông

Tơ, cho nên anh lấy em, chứ sao!
Ba Tú cười ngất, rồi hỏi :
— Ông Tơ là Ông nào, hả
Minh ? Tại sao lại có tên em với
tên Minh dính với nhau trong
quyển sách của ông ?
— Đề anh kể chuyện điền tích

của Tàu cho Minh nghe, rồi tự khúc Minh hiểu. Trong Thần-thoại Tàu có chàng thanh niên tên là VI CỐ. Một đêm sáng trăng về mùa Thu, chàng đi dạo mát, gặp một ông già râu tóc bạc phơ đẹp lắm, tay cầm một quyển sách và có một túi đựng toàn chỉ ló. Chàng Vi-Cố chào hỏi : « Ông Cụ ngồi làm chi đây ? » Ông già đáp : « Ta là Nguyệt-Lão, biệt hiệu là Ông Tư, quyển sách này là biên chép duyên nợ của người đời, còn chỉ tơ hồng này là để buộc hai người nên chồng nên vợ ». Vi - Cố, rất đỗi tò mò, hỏi tiếp. « Thưa Cụ Nguyệt-Lão, duyên nợ của cháu có ghi chép trong quyển sách không ? » — « Có, chứ sao không ! » Ông Nguyệt-Lão liền lật sách ra xem, rồi bảo : « Số cháu em này lấy đứa con gái ăn mày hiện đang ngồi xin ăn ngoài chợ. » Chàng thanh niên Vi-Cố vừa ngạc nhiên vừa tức giận, hỏi lại : « Thật không, Cụ ? » — « Rồi cháu xem ! » Vi-Cố tức mình chạy một mạch ra chợ, quả nhiên thấy đứa con gái rách rưới đang ngồi xin ăn. Chàng rút con dao chém đứa thiếu nữ rồi bỏ chạy trốn đi xứ khác, tưởng thế là thoát được duyên nợ. Sau chàng

thi đậu, cưới con gái ông Quan-lớn ở địa phương. Đêm tân hôn, chàng kể lại chuyện cũ cho vợ nghe, cô vợ cười ngất. Té ra chính nàng là đứa con gái ăn mày thuở trước.

— Úa, sao lạ vậy ?

— Có gì lạ đâu. Cha nàng hồi đó còn là anh chàng học trò nghèo, đi ra Kinh - đô để thi, nàng ở nhà bị loạn lạc, phải giả làm con gái ăn xin. Sau cha nàng thi đỗ làm quan, về tìm lại được nàng. Còn lúc Vi-Cố chém nàng, chỉ sút miếng thịt, nay còn thẹo, chứ không chết.

— À, thế ra vợ chồng là duyên nợ nhỉ ! Hèn chi, em với Minh ở mỗi đứa một nơi, xa-lắc xa-lơ, rồi bỗng dưng nay em là vợ của Minh ! Ha-há ! Thích thú quá, Minh nhỉ !

— Dù em ở xa anh đến đâu đi nữa, dù em có trốn anh ở nơi chân trời mặt biển nào, rồi sợi dây tơ hồng cũng níu em lại, buộc vào với anh.

— Sao lại dây tơ hồng, hả Minh ? Sao không phải là dây tơ xanh, tơ vàng, tơ tím ?

Đó cũng do một điều-tích của Tàu. Hồi xưa, có ông Trương-gia-Trình có năm cô con gái,

mà ông muốn gả một cho chàng Đặng-Nguyên-Chấn, để tùy chàng lựa chọn. Cô nào cũng yêu-kiêu diễm-lệ, cô nào cũng duyên dáng huyền mơ, chàng Đặng phân vân muốn lấy cả 5 cô ! Nhưng đâu có được. Khốn nỗi, 5 cô, cô nào cũng muốn lấy chàng. Ông bố vợ phải bảo 5 cô đứng nấp phía sau một bức màn và mỗi người cầm một đầu mối giây tơ, mỗi giây mỗi màu : xanh, đỏ, tím, vàng, lục. Còn Đặng - Nguyên-Chấn thì đứng ở ngoài, hễ năm được mối tơ của ai thì cưới người đó. Cu cậu tốt phúc vớ được sợi tơ đỏ, trúng ngay cô Ba, đẹp hơn hết.

— Minh ơi, vậy thì hồi xưa vợ chồng lấy nhau, phải rút dây tơ hồng, hay là phải rú nhau đi coi tên trong sò ông Nguyệt-Lão phải không hả Minh ?

— Không. Đó là diền tích, theo thần thoại để lại.

— Chớ loài người hồi xưa làm sao lấy nhau thành vợ thành chồng ?

— Theo Lịch-sử Trung-Hoa thì vua PHỤC-HI (4480—4365 trước J. C. nghĩa là cách nay trên 6.000 năm), là người đầu tiên đặt ra phép cưới vợ. Trước đó, loài người còn ăn lông ở lỗ, lấy bậy lấy bạ, chưa biết vợ

chồng, cha mẹ, anh em, con cái là gì cả.

— Còn ở Việt Nam ?

— Ở Việt Nam, từ đời Hồng Bàng cho đến đời nhà Triệu, tuy rằng vợ chồng lấy nhau đã có đôi chút trật tự, nhưng qua Bắc thuộc thời đại, có thái-thú NHÂM-DIÊN đến (Thế-kỷ thứ I sau J.C.) mới lập ra chế độ giá thú theo nghi lễ Trung-hoa.

— Còn ở Âu Tây ?

— Ta cứ nhận xét theo Thánh Kinh của Gia-tô-giáo thì cặp vợ chồng đầu tiên Chúa Trời sinh ra trên Trái Đất, là ông ADAM và bà EVA, không có cưới hỏi gì ráo ! Đợi tình nhân khỏa thân này thoát tiên trông thấy nhau thì bẽn lẽn, hái lá nho che đậy chỗ này chỗ nọ, rồi chàng hái trái nho cho nàng ăn, thế là hai người yêu nhau rồi thành vợ thành chồng.

Mãi về sau, lâu lắm, mới có chế độ hôn nhân, nhưng vẫn được tự do. Vì thế, vua SALOMON có đến 700 bà vợ chánh thức, và 300 bà vợ lẽ. Sau này, luật La Mã mới bắt buộc lấy một vợ chánh thức (*Justae nuptiae*). Chế độ và quan niệm hôn nhân thời bấy giờ có khác hơn ngày nay. Nhưng trong Kinh *Genèse*, và

Kinh *Deutéronome*, nói rằng nếu người Hébreu chết mà không có con nối dòng, thì anh, hoặc em, của người ấy bắt buộc phải lấy chị dâu, hoặc em dâu. Chính vì thế mà chàng ONAN nhất định không chịu lấy người chị dâu góa chồng, liền bị Chúa Trời đánh chết (Kinh *Genèse*, chương XXXVIII). Tục lệ này hiện nay các đồng bào thiểu số ở Sơn-cước Việt Nam (Radhés, Djarais, Sedangs, v. v. . .) hãy còn. Theo Thánh-Kinh, lấy chồng lấy vợ là một sự bắt buộc, chính Thánh SAINT PAUL cũng dạy bảo các người quả phụ phải tái giá :

Remedium amoris, (trong kinh *Epître aux Corinthiens*). Dĩ nhiên là đàn ông, con trai, cũng như đàn bà, con gái, không ai được ở độc thân cả. Nhà triết-học Hy Lạp ATHÉNAGORAS (Thế kỷ II) cho rằng người đàn bà tái giá cũng như người đàn ông tục huyền, là « ngoại tình lương-thiện » !

Tuy nhiên, cũng có nhiều giống người rất phản đối chế độ hôn-nhân, nhất là hôn nhân bắt buộc. Trong thần sử Hy-Lạp, 50 cô con gái của vua DANAOS bắt buộc phải lấy 50 người anh họ,

con trai của vua EGYPTOS, thì ngay đêm tân hôn 49 tân giai nhân cùng nhau đâm chết một lượt 49 anh tân lang. Chỉ trừ có nàng HYPERMNESTRE tha cho chàng LYNCÉE mà thôi.

Nhiều người cho rằng cái gương của Adam và Eva chứng tỏ người đàn bà rất nguy hiểm, nghe lời con Rắn-độc Satan mà phản bội chồng, bắt chồng ăn trái pomme đề bị Chúa hành phạt đuổi ra khỏi thiên đường, cho nên họ chủ trương xa lánh đàn bà : như những giống người ENCRATITES, EUSTATIENS, (xứ Arménie), SATURNIENS, JOSÉPINS, ABÉLIENS, POPELICAINS, v. v. . . Họ có câu danh-ngôn bất hủ : « Sống chung với đàn bà, là một hình phạt tuyệt-đối » (*Vita communis suprema penitentia*) !

Trong Văn-học Pháp, có hai ông Thi-sĩ danh tiếng nhất thời Phục-Hưng, rất ghét hôn nhân, cũng theo nguyên tắc trên. Nhà thơ CLÉMENT MAROT ngạo chú Jean-Jean có vợ trong câu thơ sau đây :

C'est que, tout seul, ta femme tu n'as pas-

(Tại vì, một mình mây, mây không có vợ mây nữa), nghĩa là một mình mây thì mây tự do hơn. Thi sĩ RONSARD cũng ghét việc lấy vợ. Con gái mà sợ lấy chồng, thì có Hoàng-hậu Navarre, JEANNE D'ALBRET, mẹ của vua HENRI IV (1553-1610), lúc còn con gái nhút nhát không dám ngó mặt người đàn ông. Hôm đám cưới của nàng, ông bố phải lấy dây cột trói hàng lại, rồi khiêng nàng về Nhà-thờ bắt làm lễ với Bá-tước Vendôme. Nàng sợ quá, dấy dựa là hét om sòm, kêu trời kêu đất. Nhưng vào trong Nhà-thờ nàng mặc cỡ không dám la khóc nữa, và đành chịu lấy chồng vậy. Sau nàng đẻ một đồng Hoàng-tử và Công-chúa.

— Ha ha, tức cười quá ! Còn ở các nước khác việc hôn nhân như thế nào, hả Minh ?

— Ở Hy Lạp thuở xưa, theo nhà Sử-ký HÉRODOTE (488-425 trước J.C.) thì con gái trước đêm tân hôn phải tới Đền VÉ-NUS-ANAÏTIS, hy sinh trinh tiết của mình cho vị Giáo-sĩ chủ lễ Hôn-phối. Tục lệ ấy về sau được bãi bỏ. Nhưng sự hôn nhân vẫn được tự do, không có qui chế nghiêm khắc. UUPITER cưới

một lượt đến 7 người vợ, đã nêu gương đa thê cho cả vùng ảnh hưởng văn minh của Hy-lạp và Ai-Cập, Cận-Đông. ALEXANDRE Đại-đế, (356-323 trước J.C.) một vị anh hùng lừng danh của Macédoine (Hy Lạp) và là học trò của nhà Đại-Hiền-triết ARISTOTE, cưới luôn trong một đêm hai người vợ : STATIRA (con gái lớn của Vua Ba Tư Darius, 22 tuổi) và PARYSATIS, (con gái út của Vua Artaxercès III, 13 tuổi). Cùng đêm đó, ông truyền lệnh cho 90 vị tướng sĩ của ông làm lễ thành hôn với 180 cô nữ tù binh Ba Tư, mỗi người hai cô. Vua Ai - Cập AMENOPHIS III cưới Công chúa GULU-KIPA, con gái của Vua Mitani. Hôm rước dâu, ông bố vợ cho 318 nàng trinh nữ đi theo, để làm quà thêm cho chàng rể ! Nhưng tất cả các nhân vật lịch sử ấy đều thua vị thần KRÍSHNA ở xứ Ấn-độ của ông Nehru : Vị thần này chiếm giải quán quân trong việc cưới vợ : Ông có những 16.000 (mười sáu ngàn) bà vợ.

Trong quyển *Kâmá Sūtra* (*Kinh Ái-linh*) của nhà Triết-học Ấn-Độ VÂSYAYANA (Thế

kỳ I) có đoạn nói: « Khi người chồng chết, người vợ góa đứng bên quan tài, liếc trộm những người bạn trai của chồng đến phúng viếng, để lựa chọn sẵn một người chồng mới ».

Thi sĩ la-tinh, OVIDE (4) trước J. C. — 18 sau J. C.), cũng nói : « Thường thường người quả phụ kiếm được chồng mới trong đám tang của chồng cũ ». Nghĩa là từ Á sang Âu, từ Âu độ sang La Mã, hầu hết những người đàn bà góa chồng (trừ các bà Cự, không kể) đều mong muốn mau mau có cuộc hôn nhân thứ hai. Người đàn ông thì vợ chưa chết đã đòi cưới vợ khác nữa rồi, điều đó khỏi nói. Nhiều khi, có những đám cưới không ngờ, khiến ai cũng ngạc nhiên. Như vụ chàng BOURRIENNE, trước khi làm thư ký cho Napoléon Ier. Cách mạng Pháp dầy chàng qua Đức, chàng dùng một cách cơ khổ, phải đi dạy học tư kiếm tiền. Được vào dạy cho con gái một ông Trạng-sư ở Leipzig. Cụm chẳng đã phải dạy cho chàng không ra cô này vì cô đã lớn tuổi, lại xấu xí quá : mặt mũi vô duyên, lại chột mắt, mà ngu-dần. Một hôm cô học-

sinh không thuộc bài, Bourrienne tức mình đánh cô một tát tai. Cô học trò khóc thét lên, la lối om sòm. Cha mẹ cô vội vàng chạy tới. Thầy giáo Bourrienne xin lỗi. Không được ! Cha mẹ cô buộc chàng phải cưới cô làm vợ, để đền lại cái bạt tai. Bourrienne suy nghĩ : đang lúc nghèo khổ, ối thôi, lấy đại ! Nhưng được cái tính chàng ta hiền từ và nhịn-nhục, cô vợ lại hết sức chịu đựng, cặp vợ chồng bất ngờ ấy cũng tìm được hạnh phúc. Sau về Pháp, chàng được làm bí thư cho Hoàng-đế Napoléon Ier. Phải chàng ông Nguyệt Lão đã cột sẵn giây tơ-hồng cho hai người tưởng không tâm đầu ý hợp té ra vẫn phận đẹp duyên ư!

— Nhiều chuyện hôn nhân tức cười quá nhỉ ! Mình kể luôn những đám cưới có ảnh hưởng trong Lịch-sử Nước ta và các nước, cho em nghe đi.

— Nhiều lắm. Nhiều đám cưới danh tiếng, có ảnh hưởng rất lớn, có thể thay đổi cả cục diện chính trị, có hậu quả hoặc tốt, hoặc tai hại cho Lịch-sử Á-đông, và Âu-Tây, từ xưa đến nay. Nhưng xin hẹn với em hôm khác.

— Minh nhớ nhé. Quên, thì em bắt đền đấy. Minh à, sao em thấy nhiều đám cưới phải làm tại Nhà Thờ, như đám cưới công chúa Margaret chẳng hạn ?

— Chỉ có những người theo Đạo Gia-tô mới làm phép cưới tại nhà Thờ Chúa. Nhưng có nhiều nước cũng theo đạo Gia-tô mà không cần làm phép cưới theo tôn giáo, họ chỉ nhìn nhận những phép cưới trước Pháp-luật là có giá trị mà thôi, như ở Đức, Thụy-sĩ, Portugal, Hòa-lan các nước Cộng-Hòa Nam-Mỹ. Ở nước Anh và các nước Bắc-Mỹ, như Huê Kỳ, Canada, Mexique, cũng không bắt buộc phải làm phép cưới ở Nhà Thờ. Riêng đám cưới của Margaret là theo thủ tục của nhà Vua. Em nên biết rằng Nhà Thờ Anh-Cát-Lợi (Eglise Anglicane) không có tòng phục Tòa Thánh Vatican, về phương diện Pháp-chế.

— Sao vậy ?

— Từ khi Giáo-Hoàng CLÉMENT VII không cho phép Vua Anh HENRI VIII ly dị với CATHERINE D'ARAGON (1535). Henri VIII và Quốc-Hội Anh đồng thanh tuyên bố tách khỏi ảnh-hưởng của Tòa Thánh Vitacan, và sau đó Vua Anh ly-dị với Catherine d'Aragon để cưới ANNE BOLEYN. Hiện nay Anh Hoàng vẫn là Giáo-chủ của Nhà Thờ Anh, không chịu tòng phục dưới uy-quyền của vị Giáo-chủ La Mã.

— Hiện nay còn nước nào công

nhận làm phép cưới tại nhà Thờ ?

— Nước Espagne. Ý, Thụy-điền, Na-Uy, Đan-Mạch, Hy-Lạp.

— Còn Pháp ?

— Ở Pháp, không bắt buộc. Ở Scotland (Bắc Anh) và nhiều nước của Liên-băng Huê-Kỳ, dù là người có theo đạo Gia-tô, họ cũng hoàn toàn tự do, không cần có Linh-mục làm phép cưới cho họ. Ở các nước theo Hồi-giáo (Bắc Phi, Cận-đông, Trung-đông, Ba Tư, Nam-dương, Hồi-quốc, v.v...) chỉ làm lễ cưới dân sự (civil) Vị Giáo-sĩ chỉ chứng kiến mà thôi. Ở các nước theo Phật-giáo thì đám cưới hoàn toàn không liên hệ đến nhà Chùa.

— Minh ơi, tại sao phải làm lễ cưới hỏi chỉ cho lới thôi vậy ? Hai người đã đến tuổi trưởng thành, yêu nhau thì cứ việc ở với nhau không được sao ? Như hai đứa mình, có cưới hỏi gì đâu mà gia đình tụi mình vẫn "êm ru bà rù", có sao đâu nè ?

— Tại tụi mình có Ông Nguyệt-Lão cột giấy tơ hồng rồi. « Có sợi xích thẳng,

Một giây một buộc ai dăng cho ra ».¹ Còn thiên hạ, họ không tin ông Tơ Bà Nguyệt, họ làm lễ cưới để họ tự cột vào nhau với luật gia đình, mặc họ !

Hai đứa Minh lấy nhau vì duyên vì nợ, thế mà chắc chắn hơn cả. Minh nhỉ !

— All right !

DIỆU HUYỀN

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 41)

TRỞ về phòng riêng, lòng tôi cứ rối như mớ tơ vò. Lúc đó đã khuya, ánh trăng chiếu qua cửa sổ, rọi thẳng vào giường nằm của tôi. Tôi ôn lại những việc diêm-mỹ đã xảy ra tại cái lữ quán ở thôn xóm heo lánh bên hồ. Tôi nhận ra, tôi đã đem tất cả tâm linh, để phụng hiến cho tình yêu. Tôi đã tham luyện cái gì đẹp đẽ nhất trên trần thế. Rồi, tôi nghĩ lan-man tới Bạch

Tần. Tôi hạ quyết tâm, cùng với Hải Lan, đem cả tinh thần và lòng thành khẩn ra, để hoàn tất việc trị-liệu cho Bạch Tần. Nàng phải khỏi hẳn, và trở lại, kiện-khàng và kiêu-diễm.

Trong khi tôi đương hồ-tư, loạn-tưởng, thì bỗng, có tiếng gõ cửa. Tôi giật mình, hỏi :

— Ai đó ?

— Thưa tiên sinh, có điện thoại gọi tiên sinh.

— Dạ, ở y viện Thánh-tâm... họ nói có việc khẩn cấp !

Tôi choàng dậy, vớ lấy cái áo, vừa mặc vào, vừa mở cửa và hỏi thêm :

— Có phải cô Hải Lan gọi không ?

— Thưa, nghe nói tiểu thư Bạch-Tần ạ.

Tôi không hiểu tại sao, khi nhắc cái ống nói lên, tay tôi run run. Tôi vội hỏi :

— Tiểu-thư Bạch-Tần đấy. Phải không kia ạ ?

— Phải.

— Có việc gì, mà giờ khuya-khoát này, tiểu thư phải gọi đây nói ?

— Có việc cần lắm, anh phải lại ngay tức khắc !

Giọng nói của nàng có một vẻ vừa dị-thường vừa kiên-quyết nó làm cho tôi vô cùng bồn-chồn, lo nghĩ. Tôi hỏi :

— Xin tiểu thư nói qua cho tôi biết, việc gì, kia ạ ?

— Anh lại đây ngay sẽ rõ... mau mau lên !

Tôi vừa muốn hỏi lại thì tôi đã nghe thấy tiếng khoặc của ống nói. Tôi đành phải đặt ống nói lên máy và tự nghĩ, chẳng còn

hiểu ra sao nữa. Nếu Hải-Lan gọi tôi, thì lý ưng là Bạch-Tần đã dở dỏi ra một trò gì đây, nhưng... Tôi đánh xe, tức tốc đến y-viện Thánh-Tâm, lòng nao-nao, óc rối loạn bởi biết bao câu hỏi. Hoặc giả, Bạch-Tần muốn bắt tôi bồi-bạn nàng và Hải-Lan đi chơi ở các « hộp đêm » ; hoặc hai người đã có một cuộc đấu khẩu, Bạch-Tần triệu tôi lại để dàn hòa ?

Hay, Bạch-Tần vừa khám phá ra cái việc Hải-Lan đã cùng tôi qua đêm ở ngoài. Nếu đúng như thế, tôi sẽ phải xử trí ra sao ? Tốt hơn hết, là tôi chẳng việc gì phải nói dối quanh, mà, có lẽ tôi sẽ cứ nói trắng hẳn ra rằng, tôi yêu Hải-Lan và chúng tôi sẽ cùng nhau lo tính việc chung thân đại sự.

Đến cửa thư-viện Thánh-Tâm, tôi vội nhảy xuống và chạy thẳng vào trong. Tim tôi đánh thình thình như muốn phá vỡ lồng ngực. Tôi gõ cửa. Lập tức, một người khán hộ ra mở cửa cho tôi.

Bạch-Tần đương ngồi ở ghế sofa, đầu cúi gằm, tay cầm khăn mù xoa ; đứng ở bên nàng là một người khán-hộ, hình như đương nước mắt ngấn, nước

mặt dài. Nhìn thấy tôi vào, người ấy liền ra đóng cánh cửa phòng lại và giơ khăn lên lau nước mắt. Tôi vô hồn kinh hoàng, cất tiếng gọi to :

— Bạch-Tần !

Bạch-Tần yên lặng không đáp, nàng ngẩng đầu lên nhìn tôi một lát khá lâu, chớp chớp mắt rồi lại nhắm nghiền mắt lại, tự hồ nàng muốn nói mà không sao thốt được ra lời. Rồi, nàng gục đầu vào cánh tay.

Tất cả cái cảnh trạng đó lại càng làm cho tôi thêm bối rối lo âu. Tôi bèn chạy tới trước mặt một người khác hộ và hoảng hết hồn :

— Cơ chừng, lại Hải Lan đã khởi sự ra hẳn thôi ?

— Thưa vâng.

Tôi vụt chạy sang phía cửa phòng riêng của Hải Lan. Tôi sung sướng nghĩ gì tới việc gõ cửa nữa, và cứ thế, chạy tuốt vào, sau một giây do dự.

Trong phòng chỉ có mỗi một vầy đèn với chiếc chao màu vàng. Hải Lan nằm ở trên giường. Cô vẫn bận nguyên bộ p-thường ngày hôm trước, khi

đi chơi với tôi. Tôi thuận tay khép cửa phòng lại và chạy lại bên giường, cất tiếng, gọi :

— Hải Lan, em !

—

Cô không đáp lại lời gọi của tôi, mà cũng chẳng nhúc nhích, tôi nhìn kỹ lại mới nhận ra, mặt cô tái xanh, môi cô tím đen, mắt cô nhắm lại, dưới hai hàng lông my cong, dài. Thấy cô vẫn lặng thình, tôi lại gọi :

— Em Hải Lan ! Em...

Tôi nắm lấy tay cô, và tôi cảm thấy sự giá lạnh thấm qua làn nhung trắng của chiếc bao tay. Tôi chẳng còn hồn, còn vía nào nữa. Tôi liền quỳ xuống ở bên giường, ngậy đại cả người, như kẻ đã mất hết tâm trí và thần hồn. Tôi cũng chẳng còn nhận ra tôi đau khổ đến mực nào. Tôi quỳ như vậy lâu lắm. Mãi sau, tôi mới thấy lạnh toát cả người, rồi tôi đặt tai lên ngực cô, gào khóc như điên, như cuồng.

— Hải-Lan ! Hải-Lan !

Cô vẫn nằm yên thềm thiếp mắt nhắm nghiền, môi cắn chặt.

Bỏ tay cô ra, tôi nâng đầu cô lên và mở mắt chừng, chừng nhìn vào tận mặt cô. Tôi khe gọi :

—Hải-Lan, em! Hải-Lan, em!

Dần dần tiếng tôi nhỏ đi, nhỏ cho đến nỗi, tai tôi cũng không còn nghe rõ tiếng gọi của tôi. Tôi hôn vào môi cô, như muốn hà cả sức nóng của người tôi, sang cô.

Trời ơi! Trước sự thật ghê gớm này, thiết chẳng còn có lực lượng nào cải biến đi nỗi. Tất cả nước mắt của tôi liệu có làm cho mắt cô mở ra được không? Liệu tất cả huyết dịch của tôi, có làm cho con tim cô đập lại được không? Mà cho đến cả óc tôi, hay sinh-mệnh của tôi, có đem đổi được khối óc cùng là sinh mệnh của cô không?

Bất giác tôi tương tín ở thần linh, ở đấng Thượng-đế. Tôi mặc nhiên quỳ xuống và ngẩng đầu lên cầu xin.

Mãi hồi lâu sau, một người khán bộ mở cửa ra, bước vào, tôi mới như bình tĩnh, rồi, tôi đứng lên, cúi đầu, lảo-đảo đi ra khỏi phòng.

Bạch-Tần vẫn ngồi y-nguyên ở ghế sô-pha. Không thấy tôi nói gì, nàng bèn cầm một phong thư để ở bên, đưa cho tôi. Tôi nhận ngay ra bút tích của Hải-Lan, nên tôi vội dỡ thư ra đọc; trong thư, viết những lời này :

« Trước hết, em xin anh hãy

« để cho em thâm tạ anh, và
« mối tình thâm-thiết của anh,
« đối với em...

« Từ khi em phát hiện cái
« mối tình của Bạch-Tần đối
« với anh, và cái mối tình của
« anh đối với Bạch-Tần, em
« cảm thấy rõ, cái mối tình của
« em đối với Bạch-Tần và với
« anh, thế nào rồi cũng sẽ làm
« cho cả ba người chúng ta,
« vô - cùng đau khổ... Và lại,
« trong việc cứu chữa cho
« Bạch-Tần khỏi hết bệnh hoạn,
« để đem lại sự kiện - khang
« và hạnh phúc cho nàng, hiện
« tại, em nhận ra chỉ cần có mỗi
« một mình anh thôi. Còn Bạch
« Tần có sẽ đem lại hạnh phúc
« cho anh, thiết ta chẳng cần
« phải bàn tới, làm chi.

« Bạch Tần yêu anh, đó là
« một điều mà anh khó lòng
« nhận thấy vì nặng cổ sức che
« đậy. Sự cao quý và sự kiêu
« căng không để cho nàng thừa
« nhận rằng, nàng đã đi chiếm
« đoạt mối tình của một xử-nữ,
« Bởi vậy, chính ngay nàng,
« nàng cũng tự dối lòng mình,
« để khỏi phải tủi hổ. Mà có lẽ,
« cũng chỉ vì có bấy nhiêu mà
« không đời nào, nàng dám biểu

• thị sự ái luyện của nàng, đối
• với anh... Em nghĩ, chỉ có
« một cách tuyệt đối, để cho
• nàng và anh yên tâm : em xin
« từ nay, xa hẳn hai người, xa
« mãi mãi !... »

Tôi vừa đọc tới chữ cuối
cùng của bức thư, Bạch Tần
liền giật lấy nó ở tay tôi, và
đưa cho tôi một phong thư khác.
Đây là bức thư của Hải Lan
viết cho Bạch Tần :

« ... đứng trước vị thần linh,
« bao giờ loài người cũng
« được hưởng tất cả sự
« nguyện-lượng và sự khoan
« dung. Vậy, tiểu thư hãy tha
• thứ cho em vì em đã yêu anh
« ấy. Nay, em xin chí thành
« cáo tổ với tiểu thư, tấm tình
• của anh ấy đối với tiểu - thư
« quả đã vượt xa hết thấy sự
« ái luyện khác của anh ấy. Ấy
• cũng chỉ vì cái cá tính cao
• quý và cái địa vị tru-việt của
• tiểu-thư, mà sự ái-luyện của
• anh ấy, đối với tiểu-thư, đã
• trở thành một thứ ái-luyện
• giữa tỳ-bộc và chủ nhân. Cái
• nghịch cảnh đó, đều do chính
• bản thân em gây nên. Vàng,
• vì em yêu anh ấy nên anh ấy
• bị du vào cái cảnh hưởng trái
• ngược này. Ngoài ra, lòng

« ái luyện của em lại cũng làm
• cho anh ấy không bao giờ
« nghĩ tới rằng, anh ấy dám
« yêu dấu tiểu thư. »

« Nhưng dầu sao đi nữa, em
• đã nghiệm nhiên đóng cái vai
« một chứng nhân trước cuộc
• ái luyện của tiểu-thư và anh
• ấy. Em biết rõ, hai người đã
« cố tình giấu kín cuộc ân-ái đó
• ở tận đáy lòng.

« Nay, em chỉ còn biết đem
• đi theo cái tấm tình của hai
• người đối với em, và em
• mong rằng, hai người trong
• khi yên hưởng hạnh phúc, hãy
• nhớ tới cái người em bạc
• mệnh, ở bên kia thế giới, nó
• vẫn vĩnh viễn cầu chúc cho
• hai người luôn luôn sống bên
• nhau với tất cả sự ái ân hoan
• lạc.

« Mà, em xin tiểu thư cũng
• đừng tìm cách cứu chữa cho
• em làm gì! Sau cùng, tiểu thư
« hãy vì em, thu xếp hình hài
« của em, được chân mỹ, khi
« em đã lia khỏi cõi trần, để cho
• anh ấy giữ được mãi lấy một
• ấn-tượng đẹp-đẽ về em !... »

Đọc xong, tôi trao trả Bạch
Tần bức thư đó và tôi không
quên, xin lại bức thư của Hải
Lan, viết cho tôi.

(Còn nữa)

Những ngày hoang dại

★ XUÂN-LINH

NHÀ xuất-bản Tân Thanh ở Huế vừa cho ra đời quyển tiểu thuyết « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI », tác phẩm đầu lòng của NHẤT-LÊ.

Nhìn tập sách dày với một lối trình bày mới mẻ, sáng sủa, trang nhã, khiến người ta không thể vô tình với những trang sách mang nặng một tâm hồn hoang dại, đã trăm bận chịu đả vật trong những khung cảnh xã hội không có vẻ gì gọi là hoang dại cả. Mà là tất cả những gì phức tạp, bí ẩn của một câu chuyện tâm tình, tác giả đã viết với một ít đời mình, đời bạn hữu, trong những ngày bơ vơ, kéo lê thể cuộc đời từ xứ

Huế vượt trùng dương sang tận Tây - phương, trên những ngó, đường ánh sáng của Paris, Canne, Nice, Assy-Passy ở nước Pháp.

Câu chuyện kéo dài trong nhiều năm sửa soạn cho nhiều cuộc đời hiên ngang có, tội lỗi và yếu đuối có, tất cả dù có khi nghiêng ngửa, ngược xuôi, kết cuộc cơ hồ vâng theo một mệnh lệnh đề lao mình vào giữa con tim của một người đàn bà giàu tình cảm.

Ai là những thanh niên biết cảm xúc giữa thế kỷ hai mươi này; chưa một lần :

Phi hoang đời trẻ dại ?

Buồn hết nửa đời xanh,

Mộng vàng chưa kịp hát !...

Đọc hết tập « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » của NHẤT-LÊ, tôi cũng có những lo nghĩ giống như sau khi đã đọc mấy câu thơ trên của Lưu-trọng-Lư.

Và câu chuyện tuy kéo dài trong nhiều năm, nhưng nó chỉ chín muồi và rụng xuống giữa tâm tư của một người đàn bà phong sương giữa hai ngày quan-trọng của một năm; hai mươi chín và ba mươi Tết, là những ngày kẻ tha phương dễ buồn nhớ nhất mà tác giả đã dùng để làm tiêu chuẩn chính cho tập tiểu-thuyết.

Nhân vật chính trong truyện là người đàn bà phong sương tên Trâm.

Hồi còn là một nữ sinh mười tám, bên dòng sông Hương đỏ rực hoa phượng. Trâm đã yêu tha thiết Hiệp, một chàng trai ba-mươi-hai tuổi đã có vợ, có con, và đang tranh đấu cho cách-mạng, rồi Hiệp chết vì nghĩa vụ.

Trâm sang Pháp du học. Sau bao nhiêu gần gũi, nàng lại gặp Huyền và yêu Huyền.

Nhưng một chiều tuyết xuống, Huyền tắt thở tại một viện Bala ở Assy-Passy. Trâm từ Bala hồi hải về không kịp vượt mắt chông mà chỉ nhận được ở cái xác người thân yêu một chiếc nhẫn vàng, và một cặp kính trắng gọng vàng.

Vàng, nhẫn « vàng » và kính cũng gọng « vàng » ! Một ít kỷ-niệm vàng có từ một chiều sinh lý tử biệt đầy nước mắt có ảnh hưởng gì đối với đời Trâm sau này không ?

Trâm trở thành bà quả phụ, mẹ của một đứa bé xinh xinh, bé Huyền của nàng và Huyền.

Trong chuỗi ngày giá lạnh, nàng tìm sự an ủi nơi Thoại là bạn thân của nàng và Huyền, và hai cô

bạn, một người Pháp Claire, nữ bác-sĩ đã từng hết lòng chữa cho Huyền mà không khỏi, và Phương, cô bạn chí tình và khả ái, luôn luôn ở bên cạnh Trâm trong những phút buồn đau cũng như trong những giờ chán nản.

Bấy nhiêu nhân vật bơ phờ vừa kể trên sống cách nào trước những tàn phá của văn minh vật chất ?

Điều đó cũng không lấy gì làm khó hiểu ; ở giữa một thế hệ mà cuộc sống tinh thần, vật chất đã mất hết cả thăng bằng ; sắc thái của cuộc đời càng sinh ra thiên hình vạn trạng, căng thẳng và chống đối nhau ; nạn nhân của bao cuộc vật lộn tàn nhẫn đầy máu và nước mắt, là những con người với những ngày hoang dại. Tác giả đã nhấn mạnh điều đó trong bức thư thay lời tựa viết cho *Vô* :

« Lưu lạc với gió bụi ngàn phương, tôi không dám tự hào đã trọn sống. Nhưng âm hưởng của một số tuổi đời đen bạc không làm tôi quên tình nghĩa với phong sương. Những gì tôi chép lại đây chỉ là một ít tâm tình hoang dại san sẻ cùng bạn, cùng em trên bờ

NHỮNG NGÀY HOANG DẠI

thế hệ. Giữa lòng thế kỷ hai mươi, khi không dám ca ngợi ân tình lãng mạn, nhưng không phải vì thế mà tôi vội từ khước những gì tế nhị của tâm linh. Bất tay với máu lửa cùng nguyên tử của kỹ nguyên là "ông việc của kẻ khác, tôi chỉ khiếm vốn đáng đời bác tranh mặc thủy của đời tâm hồn trên bờ thế hệ, trước ngã ba tư tưởng khi văn minh thế kỷ đã đưa cá nhân đến bao cảnh truy lạc đáng thương ».

« NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » là một thuyết dựng lên bằng những kỷ niệm, nhớ thương ; bởi vậy, nếu nó có thiếu những hội họa, những náo nức của động tác, nó lại rung động tâm hồn ta bằng những mảnh tình tha thiết ; và từ não nùng này qua những não nùng khác, sau khi đọc xong quyền truyện ta thấy hiện lên những linh hồn nghiệt ngã đang thồn thức.

Huyền chết, đành rằng đã yên phận chàng, nhưng con người suy tư, lo đời và chu đáo như chàng liệu có yên tâm chẳng khi chàng còn để lại trên đời những người thân như Claire, Phương, Thoại, Trâm và nhất là em bé Huyền... tất cả những người đó

đang lúng túng trong những tấn tuồng đời hay cũng có, dở cũng nhiều, đáng cảm động thương xót, hoặc đáng khinh.

— Trâm về nước bỏ con lại cho Claire và các bà Phước. Nàng tái giá với Thoại, lo làm giàu, ở nhà sang trọng, tuyệt nhiên không liên lạc với con và Claire.

— Phương cũng về nước, lâm vào cảnh nghèo nàn, nàng phải đau lòng làm giầy thế nhà, dồn của cho Trâm và Thoại làm giàu thêm.

— Em bé Huyền sống vất vưởng nơi xa lạ, thường năm đến ngày giỗ theo chân Claire đi thăm mồ Huyền và đợi chờ tin, tức mẹ nó.

Mỗi nhân vật trên cảnh hoang vắng của đời mình như đang bí mật, âm thầm với một mẫu đời, bí đáo riêng. Họ phải chăng là hình ảnh thể thảm của một mớ thanh niên trí thức đang chơi vui giữa thế hệ suy vong ?

Viết về « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » của NHẤT-LÊ, tôi không có ý là một bài phê bình nghệ thuật văn chương. Một lẽ tác giả « NHỮNG

NGÀY HOANG DẠI » có thể còn triển vọng đề đi xa hơn ; một lẽ khác, đây chỉ là một câu chuyện tâm tình riêng mà chung, và chắc gì trong đó lại không có một ít âm hưởng của cuộc đời chung.

Những tình cảm phô diễn trong tập sách đã thúc dục tôi ghi lại một vài cảm nghĩ sau khi đọc. Đây là tập truyện đầu lòng của NHẤT-LÊ, viết hồi năm 1954 trên bờ Địa-Trung-Hải, và mãi

sáu năm sau mới cho ra đời. N cũng có thể là một đứa con đầu lòng sinh ra dờ khóc dờ cười giữa thế hệ dờ đang này ; nó cũng có thể là linh hồn của em bé Huyền, đứa con đầu lòng đã đầu thai trước giờ hợp cần, con của đôi bạn trẻ TRÂM-HUYỀN, hai nhân vật chính trong quyển tiểu thuyết « NHỮNG NGÀY HOANG DẠI » đã để lại vào một chiều tuyết xuống một câu hỏi lớn trong tác phẩm và ngay cả trong lòng mỗi chúng ta.



* Thay phiên làm chủ

Ở Tân Méc-dít (New Mexico) có nhiều nhà điền chủ bị nghèo tại nghiệp. Một nhà báo phỏng vấn một ông điền chủ, ông chỉ một người tá điền duy nhất của ông, và nói với nhà báo :

— Ông thấy không, ở đây chỉ có tôi với người tá-điền kia. Một mình hăn làm hết các công việc, tôi không đủ tiền trả lương cho hăn, thành thử ba năm sau, tôi nợ hăn nhiều quá phải viết giấy thế ruộng đất lại cho hăn, để trừ nợ. Đến lượt hăn làm chủ, tôi làm công cho hăn, cũng một mình tôi làm tất cả mọi việc. Hăn không đủ tiền trả lương cho tôi, rồi ba năm sau hăn nợ tôi nhiều quá phải viết giấy thế ruộng đất lại cho tôi, để trừ nợ. Cứ cái vòng lẩn quẩn như vậy, tôi với hăn thay phiên nhau làm chủ ruộng đất, mỗi đứa vòt ba năm ! cho nên cứ nghèo hoài, ông ạ.

một màu xanh

(TRÊN NÚI BẠCH MÁ)

Tặng Tùng, Tuyết, Liễu (Huế)

Một giãi nước non xanh
Dưới nền trời trong xanh,
Ngàn cây xanh bát-ngát,
Một màu xanh tràn-ngập cả rừng xanh !

Đứng trên tầng cao xanh,
Nhìn mặt biển xanh xanh,
Núi đồi xanh thăm-thăm...
Một màu xanh lộng-lẫy giữa trời xanh !

Nước mặt hồ xanh biếc,
Sắc nước suốt trong xanh.
Nắng chiều, xanh biền-biệt...
Tà áo xanh tha-thiết quấn rừng xanh !..

Hỡi ai lên thác xuống gành,
Cho em nhắn gửi chút tình nhớ thương !

TÔN-NỮ HỖ-KHUƠNG

Huế, tháng 9 - 60

SÁCH BÁO MỚI

★ GIẢNG-VĂN ĐỆ-THẤT

Sách giáo-khoa, gồm các bài trích giảng cổ-văn và kim-văn, của
HÀM-THỆ-HÀ.

Nhà SỐNG MỚI, 30B Phạm-ngũ-Lão Sài Gòn xuất bản, dày
150 trang giá 40 đồng.

★ **Chuyện trong lán** của NGUYỄN TRIỆU - NAM.

Một tập truyện ngắn gồm bảy bài :

*Cái chăn kháng-chiến, Tin nhà, Cát ô và con chó, Việt Bắc
lúc không giờ, Chiến sĩ thi đua, Bỏ lán, Chuyện nàng Bích-Tiên.*

Những chuyện hấp dẫn, xảy ra trong thời kháng chiến ở Việt
Bắc. Lời văn lưu loát, nhẹ nhàng, êm đẹp. 160 trang— giá 40 đồng.

Tác giả xuất bản.

★ **TÂN DÂN** Tuần báo Văn-ngệ, xã-hội, chính-trị, đổi mới do
hạn VIỆT-NHÂN chủ - trương biên - tập. Chủ-nhiệm, văn cụ
NGUYỄN-ĐẮC-LỘC. Bạn Việt-Nhân là một ký-giả chuyên-nghiệp
nhiều lâu, mong rằng tờ Tân Dân sẽ tiến mạnh hơn trước.

★ **CÔNG ĐÀN** Tuần-san ra ngày thứ Năm. Chủ-nhiệm TUẤN
GIANG. Tòa soạn 60-62 Ký-Con Saigon. Số 1 ra ngày 1-9-60.

★ **Curiosités toponymiques et folkloriques du Sud-
Việt-Nam**, của THÁI-VĂN-KIỆM, Phó Giám-đốc Văn-hóa
Vụ, Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Nghiên-cứu tổng-quát khá rõ ràng, về lịch-sử và địa-dư các tỉnh
Trung Nam Việt, với nhiều câu ca dao và thơ liên quan với mỗi địa-
phương, kể từ Đèo-Ngang đến Cà-Mau. Tác giả đã có dịch đăng
trong *Phê-Thông*.

★ **Préparation à L'orthographe et Étude de Texte**
của Giáo-sư PHẠM-TẮT-ĐẮC, Luyện chính-tả Pháp văn, dùng
cho học sinh Trung học muốn tự luyện về chính tả, những thí sinh
phải qua bài chính tả trong kỳ thi. những thí sinh tú tài tập giải đáp
những câu hỏi về bài.

Nhà xuất bản ABC. 328 Phan-dình-Phùng Saigon.



✧ ĐƯỜNG PHAN KHÔI

● của ông Nguyễn-phú-Hải, Đô-trưởng Saigon

. . . Chúng tôi sẽ dựa vào bài diễn văn của ông đăng trong tạp chí **Phổ-Thông** số 38, cố gắng tìm một con đường xứng đáng để kỷ niệm nhà văn Phan-Khôi, một chiến sĩ chống Cộng của thời đại...

L.T.S. — Tạp chí **Phổ-Thông** xin thành thật cảm ơn mỹ ý của ông Đô Trưởng Saigon.

✧ Báo Tự Do chỉ trích tự do...

● của ông Nguyễn văn Hòa, Ty Hợp tác xã và Nông lâm, Vĩnh-Bình.

. . . Tôi xin ông vui lòng cho đính chính một lời liệu như sau, đây trong báo **TỰ DO**.

Trong bài câu đối : Nhà trồng ba gian, một thầy
một cô, một chó cái,
Học trò dầm dĩa. nửa người,
nửa ngựa, nửa đười ươi

Nơi trang 89 PT số 39 ông có nói Trấn Sơn tây cách thủ-đô, Thăng-Long vào khoảng 80 cây số, nhưng thưa ông, Trấn Sơn Tây chỉ cách Thăng-Long 40 cây số thôi. Trái lại trong nhật báo **TỰ-DO** nơi mục **Nói hay đừng** (lời quên mất số) có một cô nữ sinh nào đó (?) nói Phú Quốc-Oai là ở miền Thượng du! Có lẽ cô này không biết rằng Phú Quốc-Oai nằm gần Thăng Long hơn Sơn Tây, đi nửa đường Hà Nội Sơn — Tây rẽ vô tay trái 18 cây số là đến Phú Quốc-Oai. QUỐC-OAI lại ở gần Hà Động, thì sao lại bảo là ở miền Thượng du? Có lẽ cô học sinh nọ bé cái lăm với Phú QUẢNG-OAI ở giáp Phú Thọ chẳng?...

L.T.S — Cô học sinh này chắc chưa học đến Địa lý Bắc-Việt, nên có lầm. Còn bạn đồng nghiệp **Tự do** có lẽ thích đăng bài chỉ trích tự do... tài-liệu đúng hay không, không cần!

★ **STOCKYARD ..**

● của ông *Thái văn Kiềm*, Phó giám đốc Nha văn hóa vụ, 266 Công lý Sài Gòn.

... Trong *Phò-Thông* số 41 mục đáp bạn cô ông *Bạn Viêm Băng* ở Đà Lạt hỏi về ý nghĩa chữ « stockyard ». Cô Diệu Huyền trả lời không có chữ đó. Theo tôi thì có lẽ ông *Viêm Băng* biên lầm, đáng lẽ phải viết stockyard (parc à bétail, vựa nhốt bò heo). Ở Chicago có rất nhiều stockyards...

★ **Thơ của Yên Đỗ Nguyễn Khuyển**

● của cụ *Đạm Nguyên*, chủ nhiệm báo *Tâm Nguyên*, cháu ruột của cụ *Nguyễn Khuyển*.

... Loạt bài bình luận của Quý ông về sự sai lầm trong các sách Giáo khoa rất là xác đáng. Sự sai thư và vu thác cho cò nhân, trước đây tôi đã có dịp đề cập đến, tiếc rằng lúc đó chưa có *Nha Văn Hóa* hay *ban Tu Thư*, do Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho thành lập như ngày nay.

Riêng về những bài thơ của *Tò phụ tôi*, cụ *Nguyễn Khuyển*, thì thực tôi đã tìm khắp trong tập *Thơ chữ Hán* và tập *Thơ nôm* (viết bằng chữ nôm) của *Tò phụ tôi*, sau này chúng tôi mới chép ra *Quốc Ngữ*, cũng không thấy có mấy bài ông đã nêu ra trong *Phò Thông* đề đình chính.

Và lại, điệu thơ của *Gia Tiên* chúng tôi, chúng tôi nghe và đọc đã quen: Tôi có thể cả quyết nói rằng ách hành văn đó không phải của *Tò Phụ tôi*...

★ « **Lên ruột** » dĩ cô ơi !

● của ông *Đỗ văn Mỹ*, giám đốc *Thú y* (Ban mê *Thuật*)

— Xin hỏi « *Cô Diệu Huyền* » : thế nào ? đã hơn hai tháng nay, ba bốn kỳ báo rồi, không ai cù cô, kích thích cô, gây hứng cho cô sao ? mà không thấy cô lên ruột ? Lên ruột đi, cô ơi, lên ruột để cho độc giả cười, độc giả suy nghĩ. Những độc giả trung thành của cô như tôi chẳng hạn, ở nơi khi họ cò gáy này chỉ ao ước được cười với cô và được suy nghĩ mà thôi. Cô làm thơ lên ruột có duyên

*lắm, ý nhị lắm, thế mà sao bài chót có than thở « Thì cũng thế thôi »
rồi cô... thôi luôn ?*

*Mong cô tiếp tục Lên Ruột nữa đi, cho độc giả chúng tôi
« Lên Ruột » với !*

● Kính đáp :

Cảm tạ thư ông nhắc đến tôi.

Trò đời trở mắt đề coi chơi !

Lãng nhãng, lỡ nhỡ, thường lời tôi,

Họ múa, ta cười, thế mới vui !!!

D. H.

✧ Thêm hai câu thơ

● của cô Ngọc Dung | Phú Nhuận.

*. . . Đọc báo Phổ Thông số 40, bài « Những nghĩ vẫn
trọng đại trong văn học sử Việt-Nam » trong bài thơ dẫn chứng
‘ Vô vô vẫn vẫn ý cầm bào... » ông nói ông quên mất 2 câu thơ cuối
cùng, vậy tôi xin nhắc lại để ông nhớ lại cho vui. Hai câu 7 và 8
nguyên văn như sau đây :*

Cạn qua thử hội lưu đàm luận,

Lân tuất thương sanh phó nhĩ tào.

Xin cảm ơn cô Ngọc Dung.



ĐÍNH CHÁNH

Xin sửa lại :

P. T. số 41, trang 109 cột thứ hai, giòng chót :

(1) Câu thơ của Lamartine trong bài **Isolement**,
chứ không phải bài Le Lac.



ĐÁP BẠN BỒN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN.

★ Bạn Hồ-Phương, Huế.

- Muốn N.V., D.H.T-P. là một hay mấy cũng được hết, không sao.
- Sự tích *Chim Việt* và *Ngựa Hồ* (do câu chữ Hán : *Hồ mã tề Bắc-phong, Việt điều sào Nam chí*): Ngựa xứ Hồ hễ có gió Bắc thì hí, Chim nước Việt thì kiếm cành cây ở hướng Nam mà làm ổ).
 Điền tích : Người ở xứ Bắc Hồ đem dâng lên vua Hán Vô Đế một con ngựa rất hay. Nhưng Ngựa nhớ quê cũ, bỏ ăn bỏ uống. Mỗi khi có gió Bắc thổi, thì hí lên rất thảm thiết. — Vua Hùng Vương nước Nam có đem dâng vua Tàu một con chim bạch trĩ. Chim cứ chọn cành cây ở hướng Nam mà làm ổ.
- Tên đường phố ở Huế : *Nguyễn Hiệu*. Trong các sách liệt truyện, không thấy có tên « Nguyễn Hiệu », chỉ có tên Nguyễn-Kiều, hiệu là *Hiệu Hiên*, đỗ Tấn sĩ năm 1715, là chồng bà Đoàn thị Diễm, *Tống duy Tân* : một nhà ái quốc thời Cần Vương chống Pháp, quê Thanh hóa.

Nguyễn Thành : Trong « *Đại Nam chính biên Liệt truyện* » không có tên « Nguyễn Thành » chỉ có tên *Nguyễn văn Thành* (1757-1817), tức là Tiền quân Thành, quê ở Quảng Điền, Thừa-Thiên, di cư vào Gia-dịnh. Một vị tướng của Nguyễn-Ánh, có công lớn trong việc đánh Tây Sơn. Năm Gia-long thứ 10, được Gia-long triệu về làm quan tại Huế. Rồi vì một bài thơ của con, là Nguyễn-

Thuyền, Thuyền bị xử tử, và Thành uất ức uống thuốc độc tự tử, thọ 60 tuổi.

● * Văn chương và tư Tưởng VN* còn đang soạn.

★ **Ô. Nguyễn-văn-Hòa, Ty Hợp tác Xã và Nông-Tín Vĩnh Bình.**

1 đồng quan mới của Pháp (NF, cũng gọi là *Franc lourd*) ăn 100 F cũ.

★ **Ông Nguyễn quý Bích, Tuy Hòa**

Ông thử vào Sài Gòn, đưa đơn thẳng vào Nha Tổng Giám đốc B.A. Ngoài ra, không còn cách gì khác.

★ **Bạn Trúc, Đalat**

Ý nghĩ của bạn về vấn đề yêu cầu Bộ G. D. như thế, chắc chắn sẽ không có kết quả. Chúng tôi rất thông cảm về tình thế của bạn

★ **Bạn Lữ Hoàng, Saigon**

● Tác giả bài thơ * *Màu tím Hoa Sim* *, chỉ ký tên là HỮU. Tên thật đầy đủ là *Nguyễn hữu Loan*. Không phải Tố-Hữu.

● Vàng, Trương-công-Định cầm cự với quân Pháp từ 1862 cho đến ngày 19 tháng 8-1864 bị địch bắn gãy xương sống, bèn rút gươm tự tử.

★ **Ông Nguyễn văn Cương, 3 Lê - văn - Duyệt Rạch Giá**

17 Jewels, tức là 17 Rubis.

★ **Ông Chung Ái, Lâm Đồng**

Thành thật cảm ơn thư ông.

★ **Cô Thu, Hai bà Trưng, Saigon**

Chúng tôi không được biết địa chỉ ông Cung-giụ-Nguyễn.

★ **Cô Ngọc Dung, Phú nhuận**

● Câu * *Le génie est un longue patience* * là của Buffon, như cô nói. Cô có thể tưởng tượng được không : Chữ Buffon mà sắp lộn ra Butol ?

● Chúng tôi muốn tránh chữ « Thủ-dâm », mà gọi theo tiếng lóng là « Thủ-xú » thông dụng hơn.

✧ **Ô Tổng chí Dân, trường Khai trí, Trà Ôn**

Ông nên đến các hiệu sách lớn ở Sài-gòn hỏi catalogue các sách họ bán, sẽ lựa chọn dễ dàng hơn, chúng tôi không thể kê hết ra đây được. Rất tiếc.

✧ **Bạn Jzabella, Tân Hiệp Rạch giá**

Quyển *Docteur Jivago* đầu tiên dịch ra tiếng Ý năm 1957, do nhà *Feltrinelli* ở Milan (Ý) xuất bản. Có bản dịch ra tiếng Pháp, 1958, nhà xuất bản *Gallimard*. Bản dịch ra Việt ngữ dễ hiểu.

✧ **Ông Trần Hùng, Đà Nẵng.**

Muốn dùng hình ảnh của một nhân vật nào để làm tài liệu viết về sách gì, cần phải hỏi ý kiến đương sự nếu đương sự còn sống. Nếu lấy ở sách nào, tạp chí nào, cần phải đề rõ xuất xứ.

✧ **Ông Đ.V.N. Long An** (do ông Huỳnh khắc Dụng trả lời)

● *Điềm thú nhất* — Vợ chồng ở với nhau có hôn-thú là vợ-chồng hành-thức, Hôn-thú là một chứng-thư chứng-minh lễ thành-hôn, do đó sinh ra cho hai đảng nhiều nghĩa vụ : người đàn bà ra khỏi nhà cha mẹ, thuộc nhà chồng, phải ở tại nhà chồng. Chồng phải tùy sức mình mà nuôi vợ và cung cấp cho mọi khoản nhu-cầu.

Cách bảy tám mươi năm về trước, dưới chế-độ bộ Luật Gia-Long, hễ cưới vợ về ba năm mà không con, thì người chồng có quyền « hạ ly tờ », nghĩa là làm một tờ giấy, mỗi người giữ một bản, chồng cho phép vợ ra khỏi nhà, lấy chồng làm ăn, vợ cũng bằng lòng như vậy. Giấy ấy, trong Nam gọi là « tờ xuất » tiếng Pháp gọi là « acte de répudiation ».

Người Pháp đô hộ nước ta, bỏ đạo Luật xưa đi, thay vào đó bằng Sắc-lệnh ngày mùng 3 tháng mười năm 1883, cũng giữ tờ xuất của bộ Luật cũ, nhưng chỉ coi nó như một. thê thức, một cách thỏa thuận thôi nhau mà thôi. Vậy đối với tòa án, CÁI « GIẤY PHÉP LY DỊ » CỦA ÔNG KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ CHI CẢ, Theo

như ông nói : « làm một cái giấy ly dị cho phép vợ tôi lấy chồng, và ngược lại vợ tôi cũng làm cho tôi 1 cái giấy ly dị cho phép tôi cưới vợ rồi 2 người xa nhau », nhưng cả hai cái « giấy phép » đó không « xé » được hôn thú, như ông tưởng.

Tờ hôn-thú chỉ bị tiêu-diệt (người thường hay nói là « xé ») :

1) khi chồng chết, hay vợ chết.

2) do bản án của Tòa Hộ (tức tòa sơ-thẩm dân sự)

● *Duyên cớ để xin ly dị*

Sau đây xin kể cho ông rõ các nguyên nhân có thể đệ đơn

xin ly - dị :

1) Vợ lấy trai, bỏ nhà chồng ra đi.

2) Vợ đánh đập cha mẹ chồng mạnh tay ;

3) Chồng hay vợ bị phạt đại-hình.

4) Chồng thất tung, nghĩa là đi đâu mất biệt.

5) Thỏa-thuận ly-dị, nghĩa là vợ chồng hai người có thể muốn rời rứt nhau, và XIN TÒA CHO LY-DỊ. Việc « thỏa-thuận ly-dị » không đơn giản như ông hiểu. Hồi trước, muốn xa nhau bằng cách ấy, vợ chồng phải tính trước với nhau, trên giấy trắng mực đen, phân chia của cải, con cái, định nơi cư trú cho rành rẽ. Xong đâu đó, phải đi với hai ông hương chức đến trình-diện với ông Chánh án Tòa sơ-thẩm dân sự và nộp đơn. Vị thẩm phán này sẽ khuyên cả hai vợ chồng nên suy nghĩ kỹ và ở lại với nhau. Nếu họ năng quyết một trong ý-dịnh bỏ nhau, thì ông chánh án lập biên-bản « hòa-giải bất thành » cất giữ tại Phòng Lục-sư. Ba tháng sau, họ phải trở lại lần thứ nhì, xin quyết ly-dị. Ông chánh-án mới chuyển hồ sơ ra tòa hộ. Nếu đủ điều kiện luật định, thì Tòa sẽ cho ly-dị ; nếu không đủ điều-kiện, Tòa sẽ bác đơn.

● *Những trường hợp ly-dị không được.*

Trừ ra khi nào vợ ngoại tình, trốn nhà chồng theo trai, hay bị án đại hình. Hồi xưa, Tòa bác đơn xin ly-dị, nếu lúc ban-sơ vợ chồng nghèo nàn tấm mảnh với nhau, nay trở nên giàu có hay khá-giả ; nếu vợ đã cùng chồng chịu tang ba năm ; nếu người vợ không còn cha mẹ họ hàng chi đề nương-tựa.

DÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● Những trường hợp thỏa thuận ly dị không được.

Vợ chồng lập hôn thú với nhau ở chưa được hai năm, hay đã ở với nhau quá hai mươi năm, thì không thỏa thuận ly dị được. Điều ấy rất dễ hiểu : Thời gian hai năm chưa đủ cho hiểu biết nhau, nhân nhượng nhau. Thời gian hai năm chứng minh rằng vợ chồng đã cùng đi chung với nhau một quãng đường khá dài, nếu có những dị đồng, thì họ đã nhận nhục, hy sinh nhiều, và như vậy, không có lý do gì nay họ lại rời rứt nhau.

● Điểm thứ nhì —

Việc ông đã khai với Hội đồng xã.—

Khai như vậy được lắm, nhưng đề mà chi ? Người ta khai như vậy, là khi nào ngày sau, mình muốn lấy phần phải về mình : « Vợ tôi bỏ nhà chồng ra đi » Tòa sẽ cho ly thân, lỗi về vợ. Còn trong trường hợp của ông, ông thuận cho bà ra đi, thì có khác nào hiểu bà đi Long-Hải nghĩ mát rồi về ?

● Điểm thứ ba.—

Lãnh phụ cấp của vợ.

Hôn thú còn ràng ràng. Ông cứ lãnh phụ cấp về phần bà. Như trước.

● Điểm thứ tư.—

Có thể xé hôn thú không ?

Điềm này tôi đã hân hạnh chỉ trên kia cho ông rồi. Thời xưa là như vậy đó. Nhưng từ khi có « Luật gia đình » thì chỉ có Tổng Thống mới cho ly dị được, trong những trường hợp đặc biệt mà thôi.

● Điểm thứ năm.—

Cấp « giấy phép ly dị » như ông đã làm, có phạm tội không ?

Thưa không, vì « giấy phép ly dị » của ông không có giá trị đối với Pháp luật.

● Điểm thứ sáu.—

Đối với Chánh phủ, ông không có tội. Vì HÔN THỨ CÒN, ÔNG LÃNH TIỀN VỢ ĐƯỢC.

● TỪ TREO, là án tiền hình tuyên bố phạt bao nhiêu ngày, tháng,

năm (không quá 5 năm), nhưng cho hưởng * án treo », nghĩa là trong 5 năm không tái phạm, án kia sẽ xóa đi; nếu phạm một tội giống vậy, sẽ vào khám ở luôn một lượt 2 cái án. Vấn đề này khó khăn lắm, không phải nói bấy nhiêu mà đủ đâu. TỪ Ở : là vô khám ở, sau khi bản án thành nhứt định rồi, nghĩa là nếu mình không chống án, hay mình chống án mà tòa Thượng-thẩm xử y.

TUẦN-LÝ

✧ Bà Đ.T.T. Biên Hòa (do Bác sĩ Hoàng Mộng Lương trả lời)

● Vấn đề lông và tóc, khoa học chưa giải đáp tường tận. Người ta chỉ biết đại khái vài điều mà thôi. Người da trắng lông nhiều, người da vàng, lông ít, người da đen lông quăn. Tại sao ít có *án-mao* (Poils de Pubis) Tây-y trả lời : tại sự kém thiếu khả năng của các nội hạch sanh sản (hypofonctionnement des ovaires); vì thế cho nên, gặp trường hợp này phải đến B.S. chuyên phụ khoa, yêu cầu khám toàn thể. Cần đề ý nhứt là sự điều hòa kinh kỳ. Béo mỡ, béo búng có ảnh hưởng đến tóc lông.

Đông-y nói rằng : phồi tốt, thận tốt thì tóc lông thịnh.

● Con nít đã tiêm thuốc trừ lao B.C.G. rồi, nếu có phản chứng nên dẫn tới y-sĩ chuyên khoa xem lại và lấy tài liệu thống kê. Cần chữa trị bằng *Rayon Ultraviolet*, nếu không đi Bác sĩ thì cho chơi nắng ở bãi biển. Gió biển có chứa hơi iode rất công hiệu đối với hạch cổ ấu-nhi. Mùa mưa ở nhà cho uống *Siróp iodotannique*, 2 muỗng café trước bữa ăn, ngày 3 lần, liên tiếp 15 ngày mỗi tháng. Nếu ở xứ lạnh, cho dầu cá thay thế *Sp. iodot.* Lẽ tất nhiên, phải cho em uống *vitamine B, C, D, PP* hòa với múi vôi (*Sel de Ca*). Trong trường hợp riêng biệt này, bà nên đem con đến khám nơi B. S. ở địa-phương của bà, cũng không nên tự tiện cho uống thuốc trước khi đến khám.

✧ Bạn TRÍ-ĐỨC, Saigon.

Trong thư bạn hỏi quyền *Nam Thu Hòa Khúc*, bạn quên cho địa chỉ. Vậy xin gửi gáp.

● Cô Nguyễn thị Ngọc Khuê, ở nhà ô Ng. K. Quế Tòa Thượng Thăm — Huế

● Những cái gì thuộc về y khoa đều lấy hình con Rắn làm tượng trưng, là theo điển tích Thần y khoa La Mã. Thần này tên là ESCULAPE (Hy-Lạp gọi là Thần ASCLÉPIOS) Ông là vị Thần đầu tiên bày ra Y-khoa để cứu bệnh cho loài người. Năm 290 trước J.C. La-Mã bị bệnh dịch hạch, dân chúng làm lễ cúng ông, ông khỏi tai nạn. Từ đó La-Mã và Hy-Lạp lập đền thờ Thần Esculape tại nhiều nơi. Về sau, các trường Y khoa trên thế giới cũng đúc tượng thờ ông, coi ông là Thủy tổ của Y-khoa. Các vật tượng trưng của Esculape là CON RẮN, con gà cồ, cây gậy và LY RƯỢU (coupe) Nhưng con Rắn và ly rượu thường được dùng hơn để tượng trưng Thần ESCULAPE và Y-học.

● * Đêm đêm HÀN THỰC, ngày ngày NGUYÊN TIÊU »
HÀN THỰC = lễ Tết mừng 3 tháng 3 âm lịch, theo phong tục của Tàu, ăn đồ nguội để kỷ niệm Giới Tử-Thôi. *Giới-tử-Thôi*, một nhân vật thời Xuân Thu bên Tàu, đi theo *Trùng Nhĩ* là một chính khách trốn nước Tấn đi qua các nước khác, không ai thèm rước, đói nằm lả. Giới-tử-Thôi bèn tự cắt thịt nơi bắp vế để nấu cho Trùng Nhĩ ăn đỡ đói. Sau Trùng Nhĩ về Nước, làm vua, không phớt ơn Giới-tử-Thôi. Giới-tử-Thôi cống mẹ vào ăn núi Nhiên Thượng. Có người thấy vậy, bèn vào Trào tâu Vua. Vua hối hận, cho người lên núi mời Giới-tử-Thôi ra. Giới-tử-Thôi không ra. Vua đốt núi, đe dọa cho Giới-tử-Thôi ra, Giới-tử-Thôi cũng không ra, chịu chết thiêu trong lửa. Đó là ngày mừng 3 tháng 3. Vua Tấn hết sức ân hận, từ đó cứ đến ngày 3 tháng 3 là cấm dân chúng đốt lửa, và bắt ăn đồ nguội để tỏ lòng thương tiếc và thờ kính Giới-tử-Thôi. Sau này thành ngày Tết Hàn Thực (Hàn = nguội). NGUYÊN-TIÊU = Nguyên, là thứ nhất, tiêu là đêm. Đêm trăng thứ nhất của tháng giêng (Rằm tháng Giêng). Một đêm lễ liên hoan của Tàu. Câu thơ trên kia của Nguyễn Du có ý nói đêm ngày ăn chơi yến tiệc vui vẻ.

● **Cô Nguyễn-thị-Hiền, Bến ngự, Huế**

Ngày 2 tháng 3 năm Mậu Dần tức ngày Ất Sửu, tháng Bính Thìn = 2-4-1938 D.L.

● **Bạn Nguyễn-văn-Trí — Nhatrang**

Ngày 7 tháng giêng năm Quý Dậu = là ngày thứ tư, 1-2-1933DL

● **Bạn Nguyễn đình Liệt, Ban nhạc T.T.P.**

— Ngày 18-2-40 dl = ngày 11 tháng giêng năm Canh Thìn, tức ngày Tân Mão, tháng Mậu Dần.

— Ngày 6-5-39 dl = ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Mão, ngày quý Mão, tháng Mậu Thìn.

● **Bạn Đình quang Diễn KBC 4899**

Ngày 8-6 âm lịch 1932 = ngày thứ hai 11-7-1932 D.L

— 25-9 1953 = ngày Chúa nhật 1-11-1953DL

● **Cô Nguyễn thị Phụng — Vũng Tàu.**

— 12-5-1937 DL = ngày 3 tháng 4 năm Đinh Sửu, ngày Kỷ-hợi, tháng Ất Tỵ ;

— 21-5-1942 DL = ngày 7 tháng 4 năm Nhâm ngũ, tức ngày Giáp Tuất, tháng Ất Tỵ ;

— 12-9-1942 D.L = ngày 3 tháng 8 năm Nhâm Ngũ, tức ngày Mậu Thìn tháng Kỷ Dậu.

● **Bạn Phúc Đồng.**

Ngày 9-8-40 DL = 6-7 Canh Thìn (ngày giáp Thân và tháng Giáp Thân)

— 3-11-41 DL = 15-9 Tân Tỵ (ngày Ất Mão tháng Mậu Tuất)

— 12-12-41 DL = 17-1 Tân Tỵ (ngày Tân Mão, tháng Canh Dần).

— 26-6-44 DL = 6-5 Giáp thân (ngày Tân Dậu, tháng Canh Ngũ).

— 12-2-42 DL = 27-12 Tân tỵ (ngày Bính thân, tháng Tân Sửu)

● **Bạn C.N.Đ, Định Tường.**

Ngày 10-4-1942 D.L, nhằm ngày Mậu dần, tháng Quý dậu, năm Nhâm Ngọ, tức mồng 10 tháng hai năm Nhâm ngọ.

● **Bạn Lê quý Hồng.**

Ngày 11 tháng 11 năm Ất Sửu, tức là ngày thứ hai 16-12-1925 DL

● **Cô Công tôn-Nữ Mạnh Đông—Ty C.S. Quảng-Trị.**

Ngày 12-12 năm Kỷ Sửu là ngày chúa nhật 29-1-1950 DL

» 4-10 » Canh Ngọ. « « « 23-12-1930 DL

Ngày 1-2-1920 âm lịch là ngày Kỷ Sửu, tháng Đinh Sửu, năm Canh Thân, tức ngày 12 tháng chạp năm Canh Thân.

● **Bạn Nguyễn quang Khôi — Cao Lãn.**

Ngày 18-1-1957 DL là ngày thứ sáu = ngày 18-12 (ngày Canh Dần, tháng Tân Sửu, năm Bính Thân) ;

Ngày 8-1-1958DL ; ngày thứ tư = ngày Ất Dậu, tháng Nhâm-tý, năm Đinh Dậu (19 tháng 11) ;

Ngày 6-4-1959 DL ; ngày thứ hai = tức ngày Mậu-ngũ, tháng Đinh Mão, năm Kỷ-Hợi (29 tháng hai).

● **Cô Trần kim Hoàng 3/3 Hẻm 4 Lý Thái Tổ Cần Thơ**

Ngày 21-7 Tân Tị = tức ngày thứ sáu 12-9-1941 DL.

● **Bạn Trần lê Nguyễn, Huế**

Ngày 23-3-1942 DL = mồng 7 tháng 2 năm Nhâm-ngũ tức ngày Ất-Hợi, tháng Quý-mão.

● **Bạn Trần minh Hoàng Phú Nhuận**

Ngày 4-8-1944 DL = ngày 16 tháng 3 năm Giáp-Thân, tức ngày Nhâm-Dần, tháng Mậu Thìn.

● **Một độc giả ở Gia Hội Huế**

Âm lịch 9-10-1938 = ngày thứ tư 30-11-1938 DL

Âm lịch 18-7-1942 = thứ bảy 29-8-1942 DL

● **Bạn Bằng Vũ Mạc Thy Huyền, Cai lậy**

Ngày 2-1-1959DL là thứ hai = ngày kỷ-hợi, tháng giáp tý, năm Mậu dần, tức 12 tháng 11.

● **Một độc giả ở Nha trang**

Ngày 9-2 năm tý = ngày thứ hai, 2-3-1936 DL

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● **Bạn Lê trọng Súly, Hội an**

Ngày 8-2 Canh tuất = là thứ sáu 18-3-1910 DL

• 14-7 Ất mao = thứ ba 24-8-1915 DL

Ngày 6-11-52 DL = là ngày 19 tháng 9 năm Nhâm Thìn (ngày, Bính Thìn, tháng Canh tuất)

● **Bạn Trần minh Hoàng, Kontum**

Âm lịch 17-5 Bính thân = là Thứ hai 25-6-1956 DL

« 29-3 Mậu Tuất = thứ bảy 17-5 1958 DL

— 07 giờ 00 là vào cuối giờ Mão sang đầu giờ Thìn.

● **Một bạn đọc để tên và địa chỉ không rõ**

Sinh ngày mồng 8 tháng 11 năm 1927 DL = là ngày 14 tháng 10 năm Đinh mao (ngày Bính ngọ, tháng Tân hợi)

● **Em Ng. tấn Nghiệm 73/1, Đồng Khánh, Vĩnh Long**

Ngày 14-7-1939 DL = Ngày 19 tháng 5 năm Kỷ Mạo, tức ngày Nhâm Tý tháng Canh Ngũ.

● **Cô Ngọc anh Loan, Phan Rí**

1 tháng giêng Nhâm ngũ = Chúa nhật 15-2-1942 DL

4 « « Kỷ Mạo = Thứ Tư 22-2-1939 DL

12 « « Bính Tý = Thứ Ba 30-6-1936 DL

● **Em P.H. — Hai bà Trưng, Đalạt**

Âm lịch 15-8-1941 = Chúa nhật 5-10-1941 DL

— 17-8-1945 = Thứ bảy 22-9-1945

Ngày 15-11-1909 DL = 3-10 Năm Kỷ - Dậu, Ngày Kỷ-Mão.

Ngày 12-2-1910 DL = 3-1 Năm Canh Tuất, Tháng Giáp Tuất

Ngày 19-8-1935 DL = 21-7 Năm Ất Hợi, Ngày Mậu Thân,

Tháng Mậu Dần

Ngày 10-2-1937 DL = 29-12 Năm Bính Tý, Ngày Đinh Mão,

Tháng Giáp Thân

Ngày 17-6-1938 DL = 20-6 Năm Mậu Dần, Ngày Mậu Thìn,

Tháng Tân Sửu

Ngày 17-7-1944 DL = 27-5 Năm Giáp Thân, Ngày Canh Tuất,

Tháng Kỷ Mùi

Ngày 17-7-1944 DL = 27-5 Năm Giáp Thân, Ngày Nhâm

Ngọ Tháng Canh Ngọ